

diễn đàn

số 8 / 1.5.1992

ISSN 1164-2376

F O R U M

Dân chủ là điều kiện của phát triển

Nguyễn Ngọc Giao

Khi tôi viết dòng này (24.4.1992), cựu thủ tướng Lý Quang Diệu đang đi thăm Việt Nam, và được tiếp đón trọng vọng như một *quốc khách*, lại có tin đồn ông được mời làm *quốc sư*. Đây không chỉ là một nghi thức ngoại giao : nó bộc lộ một quan niệm khá phổ biến hiện nay trong giới cầm quyền nước ta. Và không chỉ ở nước ta : ở Trung Quốc, trong chuyến *du Giang Nam* đầu năm cũng như trong cuộc đấu tranh chống phe bảo thủ, ông Đặng Tiểu Bình đã chẳng nói lên ước mơ là những tỉnh như Quảng Đông sẽ bắt kịp Singapore đó sao ?

Sự ngưỡng mộ của lãnh đạo Đảng cộng sản Việt Nam và Trung Quốc đối với *mô hình Singapore* không giới hạn vào trường hợp quá đặc biệt của *quốc gia - thành phố* này : nó hướng tới bốn *con rồng châu Á*, và cả Thái Lan, Indonesia, Malaysia... Mô hình đó là : trong khoảng thời gian chừng hai mươi năm, xây dựng kinh tế tư bản chủ nghĩa dưới một chế độ chính trị chuyên chế (*quân phiệt hoặc/và độc đảng*). Ở Liên Xô cũ, giới bảo thủ trong Đảng cộng sản (mà đại diện là Ligatchev, được Ban văn hoá tư tưởng trung ương ở Hà Nội coi là *người đồng chí kiên trung*) cũng đã từng mơ ước một *mô hình Chilê* (của thời Pinochet). Từ sau sự sụp đổ của khối Đông Âu, nhất là từ sau sự tan vỡ của Liên bang Xôviết, các nhà lãnh đạo Việt Nam và Trung Quốc càng củng cố quan niệm của mình, là kiên quyết duy trì sự chuyên quyền của đảng cộng sản (cho dù phải tránh dùng bốn chữ "*chuyên chính vô sản*", như đã xoá trong Hiến pháp vừa được tân trang), và tiếp tục cải tổ kinh tế theo chiều hướng "*kinh tế thị trường*", lối dùng chữ huý kỵ để khỏi phải nói toạc là *kinh tế tư bản chủ nghĩa*.

Khách quan mà nói, quan niệm trên chừng nào cũng được một bộ phận trí thức và chuyên viên chia sẻ — dù là miễn cưỡng : "*các cụ*" nhất quyết bám chặt, các lực lượng dân chủ chỉ có tay không, lại chưa được tổ chức, dân chúng thì mãi làm ăn để mưu sống. Mà bây giờ thì làm ăn thoải mái, ai giỏi thì được, cải tổ kinh tế sẽ tiếp tục, đó là điều tất yếu. Và cũng tất yếu là *hạ tầng cơ sở* (kinh tế) thay đổi sẽ dẫn tới thay đổi *thượng tầng kiến trúc* (chính trị), lúc đó mới nói chuyện dân chủ được. Và lại ở phương Đông, đơn vị thời gian là thập niên, cái gì Đông Âu làm trong hai ba năm, Đông Á phải hai ba



mục lục

2 Bạn đọc và Diễn Đàn

Thời sự

- 1 Dân chủ và phát triển (Nguyễn Ngọc Giao)
- 3 Việt Nam...đã qua...sắp tới
- 7 Lá thư Hà Nội (NSP)
- 8 " Công học " và " tư học " (Bùi Trọng Liễu)
- 9 Suy nghĩ gần xa : " Loại trừ " (Ng. V.)
- 10 Từ sĩ phu đến trí thức (Bùi Mộng Hùng)
- 12 Sự hần học để hiểu (Thành Tín)
- 13 Thế Uyên minh xác

Cộng đồng

- 16 Viếng bạn Nguyễn Văn Cồn (Hoàng Xuân Hãn)

Văn hóa nghệ thuật

- 18 Nhân đọc Tự bạch của Dương Thu Hương (Lê Thứ)
- 19 Thư ngỏ gửi bà Thụy Khuê (Dương Thu Hương)
- 21 Cuộc độc thoại cần thiết (Trần Đạo)
- 22 Người, ma, ma-người (Nguyễn Trọng Nghĩa)
- 24 Alexandre de Rhodes và chữ quốc ngữ (Hồng Nhuệ)
- 26 Công lao của Alexandre de Rhodes (Hoài Văn)
- 29 Di sản của lớp người bất hạnh
(Phùng Gia Lộc, truyện ngắn)

chục năm... Tóm lại, một thứ chủ nghĩa Mác máy móc "*kinh tế quyết định chính trị*" bằng bạc sự nhần nhục Đông phương đang thay thế cho thứ học-thuyết-mác-xít-lên-gân "*chính trị quyết định kinh tế*" đã phá sản. Không ít Việt kiều Âu-Mỹ, và không chỉ trong giới doanh nhân, tuy không viện dẫn *kinh điển*, cũng đi tới kết luận tương tự : Đảng cộng sản thực ra

▶▶ (xem tiếp trang 6)

Diễn Đàn chân thành cảm ơn thư và bài của các bạn: Vũ Hồng Nam (Lyon), Trần Văn Khang (Paris), L.H. (Stozenau, Đức), Nguyễn Huy Bảo (Paris), L.T. (Berlin), Người Quận Cam (Westminster, Ca., Hoa Kỳ), Bà Nguyễn Việt Tú (Fossee), Võ Danh Nhân (Paris), B.V.H. (Paris), Trần Văn Khê (Paris), Hải Đăng (Longjumeau).

Chúng tôi cũng mới nhận được **Vietnamese Studies** (Úc), **Südostasien Information** (Đức), xin chân thành giới thiệu với bạn đọc Diễn Đàn.

Cảm tưởng Tết Sài Gòn

Về nhà kỳ này tôi cảm thấy vui hơn những lần trước vì cuộc sống của nhiều người chung quanh đỡ tiêu điều ảm đạm hơn xưa. Sài Gòn không còn ngập ngụa trong rác rưởi mà sạch và đẹp hơn, nhiều nhà mới được xây lên và nhà cũ được tân trang. Nhiều dân miền Nam chuẩn bị năm tới Mỹ bỏ cấm vận, giống như thời kỳ sau Hiệp định Paris, một số dân và chính phủ miền Nam chuẩn bị “*kinh tế hậu chiến*”. Đảng và Nhà nước chẳng còn là mối lo sợ của dân nữa: đi tới nơi nào gặp lời thôi, chỉ cần có tiền “*bồi dưỡng*” và “*biết điều*” là lọt. Những cán bộ có cơ hội ăn hối lộ thì “*vừa được ăn vừa được chửi*”. Chửi thoải mái, với điều kiện không được đụng tới “*đa nguyên đa đảng*” trên giấy trắng mực đen. Đụng tới là được công an mời tới “*làm việc*” ngay. Sự tan rã của Liên Xô và Đông Âu là hình ảnh, bài học xấu cho Đảng sợ mất quyền hành, mà đối với người dân thì hình ảnh đối khổ của Liên Xô, Bungari, và chiến tranh ở Nam Tư làm họ sợ. Thật sự mà nói, chẳng còn gì là “*xã hội chủ nghĩa*” ở Việt Nam cả. Các ông già quen nói nên sẵn trốn nói luôn, cứ luôn mồm “*kiên trì con đường xã hội chủ nghĩa*”, chú sự thực Việt Nam hiện nay đang ở **thời-kỳ-quá-độ-lên-chủ-nghĩa-tư-bản-cấp-thấp**.

L.T. (Berlin)

Diễn Đàn giàu quá rồi

Tôi vốn ghét báo cáo và không ưa chuyện tài chính, nên khi nhận được số 7 vừa rồi, tôi không đọc “*Báo cáo tài chính*” của Diễn Đàn. Hôm rồi, nghe một anh bạn nói “*Diễn Đàn độ này giàu quá rồi*”, tôi hỏi nghe ở đâu ra chuyện lạ vậy, thì anh ta nói “*Chính Diễn Đàn đưa ra mấy con số chú ai? Tôi nhớ không chính xác, nhưng tiền thu gấp đôi tiền chi, hơn gấp đôi nữa mà*”. Về nhà đọc “*Báo cáo tài chính*” thì quả là như vậy: thu 240 700 FF, chi 101 800 FF. Nhưng đọc kỹ hơn, trong tiền thu, có 191 800 FF là tiền mua báo dài hạn (chắc cũng như tôi, hơn 750 độc giả khác đều mua 1 năm), còn trong tiền chi, thì mới tính 6 số báo đầu, như vậy là Diễn Đàn còn nợ độc giả nửa năm báo nữa. Anh bạn tôi đọc hơi nhanh, nên đã vội cho là Diễn Đàn giàu quá rồi. Nhưng cũng tại bản báo cáo nói không rõ, khiến người đọc hoặc là dễ *extrapoler* hoặc là phải suy nghĩ đi suy nghĩ lại mới hiểu hết ý. Bài nghị luận chính trị thì còn được, chú báo cáo tài chính thì dứt khoát không nên. Mà đây cũng là cái bệnh chung của ban biên tập Diễn Đàn. Tôi nói hơi ác, nhưng có đúng như vậy không?

B.V.H. (Paris)

[*Chịu thầy. Thầy nói đúng, hai lần đúng, ai dám than ác. Và xin cảm ơn anh đã giải thích rõ ràng, để bạn đọc không còn ai hiểu lầm là Diễn Đàn thừa tiền rồi. Chỉ đủ tiền thôi, và mong rằng điều này sẽ làm an tâm những bạn đọc cũng muốn mua báo dài hạn nhưng còn do dự, vì năm trước, vừa ủng hộ Đoàn Kết xong thì báo đẹp tiêm. Có bạn nói thẳng với chúng tôi: các anh viết thì nghe được, chú tài quản lý của các anh thì tôi khó tin lắm. Những cố gắng của chúng tôi về mặt quản lý và phát hành cũng là nhằm khôi phục lại lòng tin của bạn đọc.*]

Sửa Nhật Tiến ?

Vừa nhận được *Diễn Đàn* số 7, có đăng bài *Những người đi giữa hai làn đạn* của Nhật Tiến mà tôi cũng vừa đọc trên tạp chí *Hợp Lưu* xuất bản ở bên này. Tôi tò mò so sánh, thì thấy hai bản khác nhau, ít nhất ở đầu đề bài báo: *Diễn Đàn* thì in là **làn** đạn, còn *Hợp Lưu* là **lăn** đạn. Ai đúng? ai sai? Tác giả viết thế nào?

Người Quận Cam (Hoa Kỳ)

[*Tác giả viết lằn* đạn, dùng lại một hình ảnh của *Dương Thu Hương*, mà *Dương Thu Hương* thì viết **lăn** đạn. Ban đả tự cơ viên của *Diễn Đàn* cũng đã đả nhau rất ráo suốt một buổi chiều thứ bảy xem cách viết nào đúng chính tả. Nhân Người Quận Cam đã có con mắt tinh đời, nhận ra sự khác biệt này, chúng tôi cũng xin trình bày cận kề sự tình như sau:

— Trong các từ điển mà chúng tôi tra cứu, có hai cuốn *Lê Ngọc Trụ* (Việt ngữ chánh tả tự vị) và *Génibrel* (Việt Pháp tự điển) cho rằng **làn** và **lăn** tương đương với nhau, các cuốn khác (*Đại Nam Quốc âm Tự vị* của *Huỳnh Tịnh Paulus Của*, *Việt Nam tự điển* của *Hội Khai Trí Tiến Đức*, *Dictionnaire Vietnamien-Chinois-Français* của *Gouin*, *Việt-Pháp từ điển* của *Đào Đăng Vỹ*, *Từ điển Pháp-Việt* của *Lê Khả Kế*, *Từ điển tiếng Việt* của *Nhà xuất bản Khoa học xã hội*, *Từ điển Việt-Pháp* của *Lê Khả Kế* và *Nguyễn Lân*, *Từ điển chính tả tiếng Việt* của *Hoàng Phê*) đều chủ trương (*hiển ngôn hay mặc nhiên*) viết là **làn** (tên, đạn), và định nghĩa **lăn** là vết dài nổi hay lõm do một vật gì gây ra (*lăn roi, lăn bánh xe*). Như vậy có thể tạm kết luận: viết **lăn** đạn không sai, nhưng **làn** đạn chính xác hơn. Nhất là trong trường hợp này, “*giữa hai làn đạn*” dịch từ thành ngữ Pháp “*entre deux feux*”, **làn** đạn vừa có nghĩa đường đạn, vừa có nghĩa những tràng đạn liên tiếp, đều đặn.]

— Nguyên tắc của *Diễn Đàn* là tôn trọng văn (nội dung và hình thức) của tác giả, nghĩa là đúng nguyên tác, nếu sửa phải có sự đồng ý (hoặc sự cho phép) của tác giả, nhưng về chính tả, thì chúng tôi cố gắng rà lại cho đúng. Ngoài ra, những câu chữ rõ ràng in hoặc viết sai, chúng tôi cũng mạn phép sửa lại và xin chịu trách nhiệm trước tác giả, nghĩa là nếu tác giả không đồng ý, tất nhiên chúng tôi sẽ cải chính.

Trong trường hợp bài của *Nhật Tiến*, vì giờ chót và ở xa, chúng tôi đã tự ý hiệu đính đôi chỗ, trong đó có chữ **lăn**, và sau đó đã thông báo ngay cho tác giả.]

Gate Gate

Truyện ngắn *SANG SÔNG* của *Nguyễn Huy Thiệp*, đăng trong *Diễn Đàn* số 7, kết bằng câu “*thần chú*”: *Gate Gate! Para Gate! Para Samgate...* Tôi thấy tác giả hay *Diễn Đàn* nên chú thích câu chữ *sanskrit* đó để sáng tỏ thêm phần nào ý nghĩa sâu xa của truyện ngắn.

(xem tiếp trang 32)

việt nam...đã qua...sắp tới...việt nam...

Hiến Pháp

Kỳ họp cuối cùng của Quốc hội Việt Nam khoá 8, khai mạc ngày 24.3, đã kết thúc ngày 15.4, dài hơn dự tính gần một tuần lễ, với sự thông qua Hiến Pháp mới. Tuy nhiên, khi tờ báo này lên khuôn, chúng tôi chưa nhận được bản Hiến Pháp được thông qua, để biết cuối cùng nó khác những gì so với những dự thảo đã đưa ra. Theo các nguồn tin quốc tế có mặt ở Hà Nội, cuộc thảo luận trong kỳ họp đã căng thẳng hơn chờ đợi, đặc biệt về sự xác định vai trò “ lãnh đạo ” của đảng cộng sản so với vai trò quản lý của chính phủ. Việc thiết lập chế độ thủ tướng (thay cho chủ tịch hội đồng bộ trưởng), với quyền hạn gia tăng (quyền thành lập nội các, quyền bổ nhiệm tỉnh trưởng...), tuy đã được thoả thuận từ trước kỳ họp, nhưng hình như đã không được thông qua “ suôn sẻ ” lắm. Các lực lượng bảo thủ tập trung đề kháng chung quanh vấn đề an ninh, quốc phòng, cuối cùng đã thắng thế : quân đội vẫn sẽ được đặt dưới quyền kiểm soát trực tiếp của đảng. Về người đứng đầu Nhà nước, trái với bản dự thảo, chế độ Chủ tịch nước đã được thông qua thay cho Chủ tịch Hội đồng Nhà nước. Quốc hội mới sẽ được bầu ra trong kỳ tuyển cử được ấn định vào tháng 7 tới.

Về kinh tế, như đã dự trù, bản Hiến Pháp xác định việc thể chế hoá cơ cấu kinh tế thị trường, với sự thừa nhận những quyền tự do kinh doanh, tự do sở hữu của người dân (trừ đất đai, vẫn được coi là sở hữu công, nhưng người nông dân được quyền chuyển nhượng, thừa kế trên mảnh đất mình khai thác). Hiến Pháp bảo đảm các cơ sở kinh tế tư nhân không bị quốc hữu hoá...

Ngoài Hiến Pháp, kỳ họp Quốc hội còn thông qua luật bầu cử (sửa đổi), luật tổ chức toà án nhân dân (sửa đổi) v.v...[AFP, Reuter 25.3, 16.4.92]

Ngân sách nhà nước 1992

Theo dự toán ngân sách nhà nước năm 1992, tổng số thu sẽ trên 18 ngàn tỷ đồng, tổng số chi 20 ngàn tỷ đồng, bội chi 1.600 tỷ đồng.

Khoản chi dành cho giáo dục là 1.700 tỷ đồng và cho y tế là 1.000 tỷ đồng. Khoản chi để trợ cấp tiền lương và bù giá vào lương là 850 tỷ đồng. Hai chương trình đầu tư phát triển lớn nhất ghi vào ngân sách năm 1992 là công trình xây dựng đường giây siêu cao áp xuyên Việt và công trình đường ống dẫn khí đốt từ mỏ Bạch Hổ vào đất liền. [Tuổi Trẻ 2. 4. 92]

Cắt giảm biên chế trong năm 92

Trong năm 1991, bộ máy nhà nước đã giảm biên chế gần 7 vạn người, bằng khoảng 5,6% tổng biên chế trong khi quốc hội đã đề ra chỉ tiêu 20%.

Chỉ tiêu đề ra cho năm 1992 là cho thôi việc 17,5 vạn người (15% tổng biên chế hiện nay) và khoản chi ngân sách dự trù từ 280 đến 300 tỷ đồng (bình quân mỗi suất cho người thôi việc là 1,6 đến 1,8 triệu đồng). [Tuổi Trẻ 2. 4 và 4. 4. 92]

Kinh tế tư doanh

Hiện nay Việt nam có gần một vạn xí nghiệp ngoài quốc doanh (tư doanh và hợp tác xã) với hơn hai triệu người lao động. Trong số này có chín trăm xí nghiệp tư nhân mới thành lập gần đây, đã thu hút hơn một triệu người lao động.

Hàng năm, sản lượng công nghiệp ngoài quốc doanh chiếm 40 - 45% giá trị tổng sản lượng công nghiệp cả nước, 60 - 70% giá trị sản lượng công nghiệp địa phương, trên 50% khối lượng vận chuyển, 60% tổng khối lượng hàng hóa buôn bán, 20% tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước.

Doanh nghiệp tư nhân phát triển nhưng vốn đầu tư còn nhỏ : tại thành phố Hồ Chí Minh có 2,5 vạn xí nghiệp nhưng chỉ có 235 đơn vị có vốn đầu tư trên 100 triệu đồng.

Trong khi đó, kinh tế tập thể bị đình đốn, nhiều hợp tác xã bị giải thể : so với năm 1988, hiện nay số lượng hợp tác xã đã giảm 3.300 đơn vị và hai phần ba số hợp tác xã không hoạt động được. [Tuổi Trẻ 10. 3. 92]

May mặc xuất khẩu

Chỉ tính riêng 15 xí nghiệp thuộc Liên hiệp may mặc CONFECTIMEX, trong năm 1991 Việt nam đã xuất khẩu khoảng 20 triệu sản phẩm. Cho năm 1992, các xí nghiệp này đã ký hợp đồng gia công 30 triệu sản phẩm với giá trị gia công khoảng 35 triệu đôla.

Theo chuyên gia Pháp, Marc Mouterde, số nhân công trong các xí nghiệp gia công may mặc ở Việt Nam là khoảng 100.000 người. Song Việt nam dự kiến nhân số lao động này lên gấp mười trong vòng bốn hay năm năm.

Lương trung bình hiện nay trong các xí nghiệp này không vượt quá 1,30 FF/giờ, và chi phí lao động của một áo sơ mi là 2 FF. Đối với những tập đoàn nước ngoài, chi phí gia công một áo sơ mi ở Việt Nam là từ 2,40 đến 4 FF. Với tiền vải, giá thành một chiếc áo là từ 14,40 đến 18,70 FF, công nghiệp Đài Loan và cả Thái Lan cũng không thể địch lại !

Song vấn đề lớn của công nghiệp may mặc Việt Nam là thị trường, nhất sau khi những quan hệ mậu dịch với Đông Âu và Liên Xô cũ bị đảo lộn. Ở Tây Âu, một nước như là Pháp qui định cô-ta nhập hàng may mặc Việt Nam hàng năm không quá 53.000 sơ mi và 20.000 quần. Và như bộ trưởng ngoại thương Lê Văn Triết đã nêu lên với đồng nghiệp Pháp, Jean Noel Jeanneney : “ tổng cộng như vậy không bằng sản lượng của một xí nghiệp may mặc nhỏ của chúng tôi ”. Được biết tổ chức của ngành may mặc châu Âu ECLA (European Clothing Association) đã có kiến nghị với Ủy ban Bruxelles của Cộng đồng kinh tế châu Âu sớm tiến tới một hiệp định song phương với Việt Nam. [Sài gòn Giải phóng 30. 3. 92 và Le Monde 23. 3. 92]

Lúa gạo thừa mùa ?

Vụ lúa đông xuân ở đồng bằng sông Cửu Long đã gặt xong, với sản lượng ước tính đạt 4,6 triệu tấn, là vụ đông xuân trúng mùa nhất từ trước đến nay. Nhưng hai triệu tấn lúa hàng hoá, đọng từ nhà dân ra tới ruộng, đang là một vấn đề làm đau đầu nhà nông. Để mua hết hai triệu tấn lúa này, cần cả nghìn tỉ đồng, nhưng đến ngày 20.3, các công ty lương thực (quốc doanh, độc quyền thu mua) mới được cấp 65 tỉ đồng. Do đó, dù phải bán lỗ (650 - 700 đồng/kg thay vì từ 1000 đến 1100 đồng/kg, so với 800 đồng/kg thuế nông nghiệp), nhiều nơi không bán được lúa ! Hiện tượng nông dân được mùa - lỗ nặng đã xảy ra với cây mía trước Tết, đậu phộng sau Tết, nay đến lúa ! (Tuổi Trẻ 19.3, 38.3.1992)

việt nam...đã qua...sắp tới...việt nam...

Đình chỉ khai thác gỗ

Ngày 19 tháng 3 vừa qua, thủ tướng Võ Văn Kiệt đã ra lệnh đình chỉ mọi hoạt động xuất khẩu gỗ, khai thác gỗ và chỉ thị đóng cửa rừng ở những khu vực cần thiết.

Từ một tổng diện tích 14 triệu ha và một tỉ lệ che phủ trên cả nước được 43% năm 1943, rừng Việt Nam sau 30 năm chiến tranh đã giảm còn 9,5 triệu ha, tỉ lệ che phủ 29% năm 1975. Đến năm 1983, Việt Nam lại mất thêm 1,7 triệu ha rừng. Bình quân mỗi năm có tới 200 ngàn ha rừng bị phá trong khi chỉ trồng lại được 20 ngàn ha. Do đó đến nay diện tích đồi trọc đã tăng lên đến 14 triệu ha.

Theo giáo sư Thái văn Trùng, với nhịp độ phá rừng như trên, cả nước chỉ còn 6,4 triệu ha rừng, diện tích che phủ ở dưới 20%, trong khi tỉ lệ an toàn sinh thái là 33% diện tích. Trong điều kiện đó, rừng Việt Nam không còn đủ sức bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai. [SGGP 19. 2. Thời báo Kinh tế Sài Gòn 2. 4. 92]

Siêu... cao thế !

Chuyện thiếu điện thường xuyên ở miền nam trong mùa khô (trong những tháng “ cao điểm ”, tình hình cắt điện ở thành phố Hồ Chí Minh là từ bốn tới năm ngày mỗi tuần!) vừa rồi đã dẫn tới một quyết định của “ Bộ chính trị và Hội đồng bộ trưởng ” : sẽ khởi công từ ngày 30.4.1992 xây dựng một đường dây cao thế 500 kV dùng điện xoay chiều, dài 1500 km, để dẫn điện từ nhà máy thủy điện Hoà Bình về thành phố Hồ Chí Minh. Tổng vốn đầu tư, theo báo cáo của thứ trưởng bộ Năng lượng Lê Liêm tại một buổi họp của Công ty Điện lực 2 đầu tháng 2 năm nay, là 2.600 tỉ đồng (xấp xỉ 250 triệu đô la, theo tỉ giá hiện nay), nhưng theo những chuyên viên của Ngân hàng thế giới phí xây dựng đường dây lên tới khoảng 560 triệu đô la, tức hơn gấp đôi báo cáo của chính phủ. Thời gian xây dựng đường dây được tính là hai năm. Nhiều công ty Pháp, Nhật, Đài Loan, Nam Triều Tiên, Úc đã tỏ ý muốn tham dự công trình này. [AFP 11.4, Reuter 16.4, Lao động chủ nhật 16.2.1992]

☞ Theo lời của Chủ tịch Võ Văn Kiệt, trong buổi họp nói trên ở Công ty Điện lực 2, như báo Lao động chủ nhật đưa lại, “ Công trình đường dây xuyên Việt này phải mang tính quyết liệt, thần tốc của chiến dịch Hồ Chí Minh ”. Lời nói này cũng phù hợp với thông tin đưa trên, rằng đây là một quyết định, không phải của Hội đồng bộ trưởng, mà là của “ Bộ chính trị và Hội đồng bộ trưởng ”. Tóm lại, một quyết định chính trị. Một quyết định chiếm một ngân sách hết sức lớn đối với khả năng của Việt Nam hiện nay (một ví dụ để so sánh : ngân sách giáo dục của cả nước năm nay là 1.700 tỉ đồng), đã được đưa ra như một phép màu để giải quyết tình trạng thiếu điện ở miền Nam mà không tính tới những hệ quả rất nghiêm trọng của nó, làm như chỉ cần một ý chí là đủ để giải quyết những khó khăn kinh tế, kỹ thuật rất lớn nó đặt ra. Về kinh tế, một câu hỏi đơn giản : tập trung sức người sức của vào công trình này, nhà nước còn sức làm những gì khác (những nhà máy nhiệt điện chẳng hạn, cỡ vừa và nhỏ, gần nơi tiêu thụ hơn, mau xây dựng hơn)? Về kỹ thuật, chưa kể khó khăn vượt rừng núi, nhiều nơi địa chất chưa được khảo sát, người ta không khỏi không nghĩ tới những cơn bão lớn ở miền Trung sẽ làm

cho việc bảo quản, khai thác đường dây vô cùng phức tạp. Trong những điều kiện khí hậu, đất đai thuận lợi hơn nhiều, với những phương tiện kinh tế kỹ thuật hàng trăm lần giàu mạnh hơn, một đường dây như trên ở Pháp người ta phải bỏ ra ít ra 4, 5 năm mới xây xong. Không hiểu với phép màu nào các ủy viên bộ chính trị có thể biến rừng núi ở Việt Nam và gió bão ở biển Đông thành những Thiệu Kỳ năm 1975, có thể đánh một trận là xong ? (Hoà Vân) ☞

Việt - Pháp

Hội đồng quốc gia những nhà kinh doanh Pháp (CNPF) tích cực chuẩn bị thời “ hậu cấm vận ” Mỹ ở Việt Nam. Một nhân vật trong CNPF đã tuyên bố như trên, nhân chuyến đi thăm Việt Nam đầu tháng 4 vừa qua của một đoàn đại diện 34 công ty Pháp thuộc các lĩnh vực ngân hàng, công nghiệp, giao thông, năng lượng, thương mại và dịch vụ. Ông André Ross, dẫn đầu phái đoàn, nói rằng “ thời điểm này là thuận tiện ”, vì những chính sách kinh tế tư nhân hoá của Việt Nam, và cũng là lúc Việt Nam cần thay thế người bạn hàng gần như duy nhất trước kia là Liên Xô cũ. Các nhà kinh doanh Pháp trông chờ Mỹ sẽ bãi bỏ một phần cấm vận trong năm nay, và bỏ hoàn toàn trong 6 tháng đầu năm tới. Pháp hiện là bạn hàng thương mại thứ tư của Việt Nam, sau Liên Xô, Nhật và Hồng Kông. Năm 1991, Pháp xuất sang Việt Nam khoảng 1 tỷ FF và nhập từ Việt Nam 280 triệu FF. Đồng thời Pháp cũng là nước đứng thứ ba (sau Đài Loan, Hồng Kông) trong các nước có đầu tư vào Việt Nam, với 27 dự án, tổng số vốn 280 triệu FF.

Nhà băng Pháp IndoSuez là ngân hàng ngoại quốc đầu tiên vừa mở chi nhánh ở Việt Nam, với quyền tiến hành các nghiệp vụ thương mại. Trước đó, các ngân hàng BNP, Crédit Lyonnais, BFCE, Société Générale, đã được Ngân hàng nhà nước Việt Nam đồng ý về nguyên tắc cho phép hoạt động, nhưng đại diện của họ đã có mặt ở Việt Nam vẫn chưa được quyền tiến hành các nghiệp vụ thương mại. [AFP 5 và 10.4, Reuter 9.4]

Mỹ - Việt.

Theo tin AFP từ Hà Nội ngày 16.4, người Việt ở Mỹ có thể gọi điện thoại trực tiếp về Việt Nam trong một tương lai gần (“ vài ngày tới ”, nói theo một nhân viên cao cấp của hãng AT&T). Ông James Hansen, phó Chủ tịch AT&T đã tới Hà Nội tiến hành ký kết thoả ước với bưu điện Việt Nam về vấn đề này, sau khi được phép của bộ ngoại giao Hoa Kỳ.

Việc mở ra đường điện thoại trực tiếp này đáp ứng một đòi hỏi của AT&T trong một hai năm gần đây, khi có nhiều công ty điện thoại nhỏ đã được mở ra ở Mỹ chỉ để khai thác yêu cầu của gần một triệu “ người Mỹ gốc Việt ” được nói chuyện điện thoại với thân nhân. Nó cũng phù hợp với chính sách của Hoa Thịnh Đốn tiến dần tới bình thường hoá quan hệ với Việt Nam, “ tùy theo sự tiến triển của việc giải quyết vấn đề MIA/POW ” : tiếp theo chuyến đi Việt Nam đầu tháng 3 vừa qua của Richard Solomon, trợ tá ngoại trưởng Mỹ, Việt Nam vừa trao trả cho phía Mỹ hài cốt vừa được tìm thấy của 6 quân nhân phi công đã bị bắn rơi trong chiến tranh.

Theo bà Mathilda Genovese, chủ tịch Hội đồng các phòng thương mại Mỹ ở châu Á - Thái Bình Dương, chính ông

việt nam...đã qua...sắp tới...việt nam...

Solomon đã cho bà biết, các công ty Mỹ sẽ được phép mở văn phòng đại diện ở Việt Nam từ tháng 5, tháng 6 này, tuy họ chưa được trực tiếp ký kết hợp đồng. [AFP 16.4, 27.3 và UPI 9.3.1992]

Các công ty nước ngoài thâm nhập ngành địa ốc

Cuối tháng 3 vừa qua, công ty Hồng Kông Hamon properties đã ký hợp đồng đầu tư liên doanh 25 triệu đô la với thành phố Hồ Chí Minh để xây dựng một khu nhà ở mới cho người nước ngoài nằm trên đường Nguyễn Du (đối diện mặt sau vườn Tao Đàn). Trong khi ấy, công ty Singapore Thái Hưng Long cũng đã thỏa thuận đầu tư và xây dựng một khu dân cư mới ở khu vực ngã tư Bảy Hiền.

Trước đây công ty Đài Loan Pan Việt đã đầu tư xây dựng một khu nhà mới ở đường Nguyễn Tri Phương. Ngoài ra, khu nhà An Khánh (quận Thủ Đức) gồm biệt thự, cao ốc, nhà phố trên một diện tích 250 ha cũng sẽ được xây dựng với vốn của Singapore và Hồng Kông.

Dựa trên số giấy phép xây dựng được cấp ở thành phố Hồ Chí Minh, tốc độ xây dựng nhà mới tăng 10% mỗi năm từ năm 1987, khi nhà nước có chính sách mới về nhà ở. Năm 1991, thành phố đã cấp 3100 giấy phép. [Tuổi Trẻ ngày 28. 3 và 3. 4. 92]

Tổ chức Cousteau quay phim đồng bằng sông Cửu Long

Đầu tháng tư vừa qua, tàu Calypso của tổ chức sinh thái toàn cầu Cousteau Society, do Jacques-Yves Cousteau làm chủ tịch, đã đến Việt Nam thực hiện bộ phim "Môi trường đồng bằng sông Cửu Long". Trong vòng ba tháng, một đoàn 17 người (hầu hết là Pháp) do thuyền trưởng Christophe Jouet-Pastre chỉ huy, sẽ quay thiên nhiên và mọi khía cạnh đời sống trên sông Cửu Long. Khi hoàn thành bộ phim sẽ dài một tiếng đồng hồ.

Tổ chức Cousteau hiện có 350 nghìn hội viên (90 nghìn hội viên ở Pháp) và đã thực hiện 70 bộ phim bảo vệ môi trường ở khắp thế giới. [Tuổi Trẻ 7. 4. 92]

Tin ngắn

➤ Chính phủ Úc đã quyết định viện trợ cho Việt Nam 100 triệu đô la Úc (75 triệu đô la Mỹ), trên 4 năm. Tin này được công bố ngày 13.4.1992, nhân chuyến đi thăm Việt Nam của các bộ trưởng Ngân khố và bộ trưởng Công nghiệp, kỹ thuật và thương mại Úc.

➤ Việt Nam đã thu hoạch 90.000 tấn cà phê trong năm 1991 - 92, và dự trù xuất khẩu 40.000 tấn trong số này, tăng gấp đôi số xuất khẩu năm 1990.

➤ Theo báo Nhân Dân ngày 13.4, sản lượng cao su của Việt Nam năm 1991 đã tăng 22,8 % so với năm 1990, và đạt gần 60.000 tấn trong đó 13,7 ngàn tấn được xuất khẩu.

➤ Nhà tù nổi tiếng Hoả Lò sẽ được phá hủy để giải phóng đất cho yêu cầu xây dựng ở trung tâm Hà Nội.

➤ Xí nghiệp xi măng Hà Tiên và tập đoàn Thụy Sĩ Holder Bank đã ký kết thỏa ước xây dựng một nhà máy liên doanh sản xuất xi măng có công suất trên 1 triệu tấn/năm. Mặt khác nhà máy xi măng hiện nay, có công suất 850 ngàn

tấn/năm, sẽ được hiện đại hóa để nâng công suất lên 1,5 triệu tấn/năm.

➤ Công ty Hồng Kông Stella L. Marise sẽ khai thác nước khoáng thiên nhiên Bình Châu, suối Nghệ (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) để xuất khẩu. Vốn đầu tư : 1,6 triệu đô la, công suất : 30 triệu chai nước khoáng loại 1,5 lít mỗi năm.

➤ Nhà máy sản xuất tôn mạ kẽm POSVINA, công suất 30 ngàn tấn/năm, đã đi vào hoạt động từ đầu tháng tư tại Thủ Đức. Xí nghiệp liên doanh đầu tiên trong ngành luyện kim này, với số vốn đầu tư 3,9 triệu đô la, được thành lập với công ty Nam Triều Tiên Pochang.

➤ Tỉnh Khánh Hòa đã ký hợp đồng khai thác và xuất khẩu cát trắng Cam Ranh với công ty Úc Potiman. Vốn của Potiman : 10,5 triệu đô la. Công suất ban đầu : 500 ngàn tấn/năm.

➤ Liên doanh bia Tiền Giang & BGI, vốn 43 triệu đô la, 70% do BGI mang lại.

➤ Tỉnh Thanh Hóa đã giải thể 164 xí nghiệp quốc doanh làm ăn không rõ ràng hoặc thua lỗ. Toàn tỉnh hiện còn 306 xí nghiệp quốc doanh đang được xem xét lại.

➤ Mỗi ngày 254 nghìn mét khối nước của nhà máy nước Thủ Đức bị thoát trên đường dẫn, tức 38% trên tổng số 670 nghìn mét khối bơm được. Và trong số 232 nghìn đồng hồ nước thì có đến 70 nghìn không chạy.

➤ Hàng năm hệ thống y tế ngoài nhà nước ở thành phố Hồ Chí Minh khám bệnh cho trên 10 triệu lượt người. Theo số liệu số Y tế, hệ thống này gồm có 1850 phòng khám tư, 33 phòng khám tập thể, 22 phòng khám y học dân tộc, 219 tổ chẩn trị lương y, 4 dưỡng đường, 8 phòng giải phẫu thẩm mỹ, 16 nhà hộ sinh, 465 phòng trông răng.

➤ Đến đầu tháng ba vừa qua, có 55 trường hợp người bị nhiễm siêu vi khuẩn HIV (bệnh SIDA) được phát hiện ở thành phố Hồ Chí Minh. Ba trường hợp gần đây nhất đều là người ở nước ngoài đến thành phố : một người Đài Loan và hai người Việt sống tại Mỹ và Úc. Được biết Ủy ban phòng chống SIDA thành phố trong năm 1991 chỉ đủ phương tiện xét nghiệm 2468 mẫu máu.

➤ Pháp và Việt Nam đã quyết định hợp tác mở một trường đào tạo quản lý kinh tế tại Hà Nội, với chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh. Mười lăm giảng viên Việt Nam đang tu nghiệp hiện nay ở Pháp sẽ về giảng dạy tại trường này.

➤ Trung tâm ngôn ngữ và văn minh Pháp Alliance Française đã chính thức khai giảng các lớp học tiếng Pháp, tại Hà Nội, với 15 giáo viên trong đó có 7 người Pháp. Hiện đã có 700 người đăng ký đi học.

➤ Đầu tháng 3.1992 tại Hà Nội, Viện Khoa học xã hội Việt Nam đã khánh thành trường học tiếng Anh do trường đại học British Columbia (Canada) tài trợ, cung cấp trang thiết bị và giáo viên. Mục đích của chương trình hợp tác này là đào tạo và bồi dưỡng tiếng Anh cho cán bộ nghiên cứu và thông tin tư liệu.

➤ Từ cuối tháng ba vừa qua, nhạc sĩ Trịnh Công Sơn đã bắt đầu một chuyến đi du lịch và thăm gia đình ở Canada.

Dân chủ... (tiếp theo trang 1) ▶▶

không còn kiểm soát gì được nền kinh tế và đời sống xã hội nữa, chỉ còn bám lấy chính quyền, một bộ máy không còn nguyên khối, mà chia năm sẻ bảy giữa mấy chục sứ quân (tỉnh, thành, ban, ngành), thế thì cứ để cho họ nắm, rồi tự nhiên nền kinh tế đi lên sẽ là cái hố chôn chủ nghĩa cộng sản. Lenin đã từng nói mỉa : chủ nghĩa tư bản mà được giá thì sẵn sàng bán luôn cả chiếc dây thòng lọng sẽ thắt cổ nó. Ngày nay, tất có người tin rằng Đảng cộng sản, để mua thời gian, sẵn sàng đào sâu tấc đất *kinh tế thị trường* để tự chôn mình.

Luận điểm nói trên của nhà cầm quyền và một bộ phận dư luận (trong và ngoài nước), một thứ luận điểm *đồng sàng dị mộng*, dựa trên một số căn cứ xác thực : mọi công cuộc phát triển đòi hỏi phải có sự ổn định chính trị và xã hội, và trong tình hình Việt Nam, một chính quyền mạnh. Song, nhược điểm cơ bản của luận điểm ấy là nó giả định rằng : mô hình của các con rồng châu Á (áp dụng trong hai thập niên 70 và 80) có thể áp dụng được một cách hiệu quả ở Việt Nam trong hai thập niên tới đây.

Giả thiết ấy, tiếc thay (hay may thay, tùy ý kiến mỗi người), không có giá trị. Có hai lẽ chính :

- Sự cất cánh của các nước nói trên diễn ra vào đúng thời cơ kinh tế thế giới : các nước công nghiệp hoá Âu-Mỹ bước sang cách mạng khoa học kỹ thuật *lần thứ hai*, và tiếp đó nổ ra cuộc khủng hoảng nhiên liệu, nên họ đã chuyển sang các ngành công nghệ “ hậu cơ giới ”, và chuyển công nghiệp nặng, công nghiệp cơ khí và công nghiệp hàng tiêu dùng cấp thấp cho các nước “ ngoại vi ”, là nơi nhân công rẻ, chưa cần tay nghề cao, và có bộ máy trấn áp đủ sức ức chế các cuộc đấu tranh dân quyền, dân sinh, dân chủ. Không phải ngẫu nhiên mà ngoại trừ Singapore là nước không có phong trào cộng sản hay tiến bộ mạnh, tất cả các nước khác như Đài Loan, Nam Triều Tiên... đều có chính quyền quân phiệt được trả thù lao bằng những cổ phần công ty (khoảng 10-15 phần trăm), nhưng không can dự vào công việc quản lý kinh tế. Đó là không nói tới sự đầu tư khá lớn của các nước Tây phương, đặc biệt là Mỹ (một phần vì lý do chiến lược của chiến tranh Việt Nam) và Nhật Bản.

- Thời cơ đó đã dứt khoát qua rồi. Trong điều kiện hiện nay của trật tự kinh tế thế giới, nếu Việt Nam không hội đủ những điều kiện nội trị và quốc tế cần thiết để triển khai một chiến lược phát triển, thì khả năng duy nhất còn dành cho đất nước này là : trở thành một thị trường tiêu thụ, một nguồn tài nguyên để vơ vét bất chấp các nguyên tắc môi trường, và một nền kinh tế chuyên làm gia công *cấp thấp* cho nền công nghiệp của Thái Lan, Indonesia và các con rồng châu Á. Khoảng cách, đã quá lớn, giữa Việt Nam và các nước lân bang, trong viễn tượng này sẽ không có mấy may hy vọng rút ngắn lại, mà ngày càng dài ra.

Đúng về mặt cơ cấu xã hội, tình hình này sẽ làm trầm trọng hơn một xu hướng đang phát triển. Đó là sự hình thành một tầng lớp *tư sản mới* kết hợp hai thành phần : những người có chức có quyền, hoặc con em họ, và những nhà tư sản áp phe. Đảng cấp này đang chiếm hữu của công, chụp giật những dịch vụ buôn đi bán lại. Vì không đủ khả năng hoặc vì thiếu tin tưởng ở tương lai, nó không tích lũy và mở rộng sản xuất, mà chỉ vơ vét để tiêu xài hoặc chuyển của ra nước ngoài (bất động sản ở Paris, chương mục có số ở Genève). Nói nôm na, đảng cấp ấy vơ vét, chụp giật như giai cấp tư sản trong thời kỳ phát

triển hoang đại thế kỷ thứ 19, nhưng không hề có sức sống và không hề đảm đương vai trò lịch sử của giai cấp tư sản là làm đầu tàu cho cuộc phát triển kinh tế hàng hoá. Tư sản mà không có thực chất của giai cấp tư sản : một thứ tư sản *Canada Dry* (có mùi rượu, có vị rượu, mà không phải rượu). Nó không có tương lai, hay thê thảm hơn : *tương lai* của nó là *quá khứ* của những nước cộng-hoà-đồng-diễn-chuối của Nam Mỹ (nếu không nói châu Phi), và chỉ có thể là đại họa cho đất nước.

Công thức *chuyên chế + kinh tế tư bản*, ở thập niên cuối thế kỷ 20 này, không thể dẫn tới cất cánh và phát triển, vì một lẽ cơ bản : mọi sự *tích lũy* vốn ngày nay chỉ có thể dựa trên năng suất cao, mà nói năng suất cao trong quy trình sản xuất hiện nay là nói tới vai trò ngày càng quyết định của chất xám, của trí tuệ. Xin đơn cử một thí dụ : để phát triển công nghiệp tin học ở Việt Nam, tất nhiên, dù muốn hay không, trước mắt, ta phải lắp ráp linh kiện, làm thuê cho những công ty điện tử (như cách đây 10 năm hàng ngàn phụ nữ Singapore đã phải làm, với kết quả là ngày nay họ mờ mắt). Nhưng như thế chưa đủ, điều cốt yếu là nhờ vào sự gia công đó mà tìm vốn để phát huy tối đa lực lượng trí thức đã có và đào tạo đội ngũ chuyên viên có trình độ để giành chỗ đứng trong khu vực sản xuất *phần mềm* (software) : *phần mềm* (tức là các chương trình, sản phẩm tinh thần của bộ óc, đối lập với *phần cứng*, tức là phần máy móc) hiện nay tạo ra ít nhất 80 % giá trị sản phẩm tin học. Vấn đề mấu chốt, trong tin học cũng như trong mọi ngành sản xuất hiện đại : năng suất cao gắn liền với khả năng sáng tạo, và sự tự do của người lao động (cho dù, trong một xí nghiệp ở các nước dân chủ nhất, khó tìm ra một bầu không khí dân chủ). Nói khác đi, dân chủ không chỉ còn là một lý tưởng phải đạt tới, càng không phải là một thứ tiền thưởng (mà đảng cầm quyền ban phát và ... mở rộng) : nó là điều kiện cần thiết của sự phát triển trong thời đại ngày nay.

Trong hoàn cảnh Việt Nam, dân chủ còn là chìa khoá tâm lý để hoá giải những oán thù và bất công tích lũy trong mấy chục năm chiến tranh và gần hai chục năm “ chuyên chính vô sản ” mà lắm người trong nước gọi đùa là “ chuyên chính vô ... học ”. Quan trọng hơn nữa, nó là thể chế duy nhất cho phép tạo ra một sự đồng thuận quốc gia mới, một sức bật mới cho dân tộc, và qua đó, xây dựng được một chính quyền mà sức mạnh bắt nguồn ở sự tín nhiệm của nhân dân. Đó là khả năng duy nhất để xây dựng một *chính quyền mạnh* đúng nghĩa của nó, lập lại kỷ cương cần thiết cho một xã hội đã quá rệu rã vì một quan niệm lỗi thời về chính quyền mạnh chỉ có thể dẫn tới bất lực và vô chính phủ.

Điều kiện *ắt phải có*, dân chủ không phải là điều kiện đủ. Và dân chủ, nhất là ở một nước thiếu truyền thống dân chủ, hàm chứa những nguy cơ gì, các nước Đông Âu hàng ngày vẫn cung cấp cho thế giới những bài học chua chát.

Nhưng bất luận thế nào, đó không thể là cái cớ để lẩn tránh hoặc trì hoãn vấn đề then chốt của Việt Nam : dân chủ hoá để phát triển, phát triển để củng cố dân chủ. Ngược lại, bài học Đông Âu đòi hỏi dân tộc ta khai phá cho mình con đường dân chủ hoá. Chìa khoá nhưng không phải phép lạ, dân chủ cũng không phải là một cái nút bấm, bật lên là xua tan mọi não trạng phong kiến và cơ chế độc tài. Đó là cả một quá trình phức tạp mà bước đầu vừa rất đơn giản vừa rất khó khăn : ý muốn bắt đầu, quyết tâm lên đường.

Nguyễn Ngọc Giao

Lá thư Hà Nội

Chuyện Tết và Chuyện Hiến pháp

Hà Nội, ngày 15.3.1992

Các anh chị thân mến,

Hôm nay tôi mới kể chuyện Tết Hà Nội, cũng hơi muộn. Để tạ lỗi, tôi sẽ kể thêm chuyện thời sự. Còn chuyện Tết, muộn nhưng cũng không sao : tôi muốn ghi trên giấy vài nét ký họa và đôi điều suy nghĩ, thử nghiệm phân tích, cho riêng tôi, và hy vọng cũng mang lại những thông tin cho các bạn ở xa.

Tết năm nay giá cả ổn định. Từ hơn một tháng trước Tết, vàng xuống ở mức 550 000 đồng một chỉ, đôla 11 000 – 12 000 đồng (cuối tháng 11, đầu tháng 12.1991 : hơn 14 000 đồng). Gạo ở mức 2 800 – 2 900 đồng / kg. Hàng nhập xuống giá. Xe DD70 *đỏ môi nguyên chỉ* có 1 300 – 1 330 USD. Riêng vật liệu xây dựng thì lên vọt trong một tháng trước Tết và đứng vào gần Tết. Năm nay xây dựng nhà phát triển chưa từng thấy, mà hầu hết là xây tư thất theo kiểu trưởng giả. Đó không chỉ là cái mới về mặt phố phường, mà nó chứa đựng nhiều cái mới về kinh tế – xã hội : tư hữu hoá, tư sản hoá, văn hoá hoá, quý tộc hoá, hưởng thụ hoá... Hoa không đắt lắm. Cây đào to tôi mua giá 45 000 đồng, cành đào sau mua 25 000 đ, cây quất 40 000 đ. Cho đến đêm giao thừa, hoa không lên giá. Nhưng cây cảnh và non bộ thì rất đắt. Cũng như vậy, chậu hoa bán hết sạch, lọ hoa thì ế. Hiện tượng này liên quan đến sự xây dựng tư thất vừa kể trên, và cả hai gắn với quá trình trưởng giả hoá của đa số dân có tiền. Thức ăn, do đó, không còn là cái đáng quan tâm nhất của dân cư. Đó cũng là một điều mới. Năm nay không còn *crise* về gà sống hoa, chân giò, lá dong... Người ta không còn cần những cái đó như thứ đầu bảng. Do đó, đến chiều 30 tết, gà sống thiếu bị ế nghiêm trọng.. Ngày thường giá 22 000 – 25 000 đ/kg, sát giao thừa người thôn quê mang ra phải bán rẻ để sắm tết, nên giá xuống 8 000 – 10 000 đ/kg. Điều đó cho thấy cung cầu về các thức ăn truyền thống không còn căng thẳng. Chủ yếu không phải do *cung* tăng, mà do *cầu* đã đổi hướng. Thứ đầu bảng năm nay là các thứ sang trọng quốc tế hoá : rượu ngoại, bánh kẹo ngoại, đồ hộp ngoại... Whisky : 140 000 – 150 000 đ/chai, whisky thượng hạng có thứ trên 1 triệu đồng một chai. Champagne Nga 60 000 – 70 000 đ/chai, vin rouge 28 000 – 30 000 đ/chai. Kẹo Thái 120 000 đồng/lọ, bánh biscuit ngoại 40 000 đ/hộp. Với giá đó, trừ dân buôn bán giàu có, thì người bình dân không dùng.

Còn quần áo ? Hai năm trước, các bạn ai về ăn tết còn chứng kiến hiện tượng muôn thuở là đến Tết mọi người “ *lên khung* ”, ngày thường càng *cà quynh* bao nhiêu thì tết nhất

càng *complet cravate* bấy nhiêu. Năm nay có một bước ngoặt : ít người như thế lắm. Họ không quan tâm đến bộ quần áo Tết. Nói chung, không còn cái khái niệm gọi là bộ mặc Tết. Mặc đẹp, nhưng tự do, tự nhiên.

Phim ảnh đắt giá gấp đôi. Kodak color 40 000 – 42 000 đ/cuộn. In ảnh trước đây có 700 nay 1 500 đ. Như vậy chụp một cuộn phim và in ảnh mất khoảng 100 000 đ. Đã có nhiều người chơi camera. Các bức tranh nghệ thuật bắt đầu bán được cho khách nội địa. Nó cũng gắn liền với nhu cầu nội thất.

Tất cả những hiện tượng rời rạc, ngẫu nhiên kể trên đều thể hiện một điều rất quan trọng và rất đáng quan tâm : đã có một quá trình sống *hướng nội*, vì mình, cho mình, mà chuẩn mực là cái đẹp, cái người, cái hay theo mình nghĩ, theo mình thích, chứ không còn nô lệ theo tập quán, không vì bất cứ một sức mạnh nào ngoài sự vừa lòng của chính mình, bất chấp dư luận, lễ thói, bất chấp các sức mạnh vô hình áp đặt vào, cái gì là vô lý, là vô ích, thì sẽ mất thiêng và không còn sức ép. Đặc điểm đó của tiêu dùng phản ánh cái gì nếu không phải cũng là biểu hiện của sự *nổi loạn hoà bình* của lòng người. Theo đà đó, những cái khác nữa cũng sẽ bị trút bỏ và ế ẩm như gà sống thiếu, như *complet cravate*, như lọ hoa...

Về cuộc thảo luận sửa đổi Hiến pháp

Hiện nay cả nước đang thảo luận. Ngày nào TV cũng đưa tin địa phương thảo luận, cơ sở thảo luận. Vì sao phải bày ra cái trò mị dân này ? Sợ ! Sợ bị lên án là *thủ đấm chính trị*. Sợ sức ép của dư luận quốc tế. Không thể tiếp tục *ăn bản* ngang nhiên như trước được nữa. Chống đa nguyên, nhưng cũng phải lập luận có bài bản tí chút, chứ không thể dùng kiểu Trần Trọng Tân (đã xin thôi Ban văn hoá tư tưởng trung ương, vào Sài Gòn làm phó bí thư thành uỷ). Bí. Phải bày ra kịch bản : nhân dân ta lựa chọn. Nhưng nhân dân là ai, ở đâu, lúc nào ? Thế nên mới có trò cả nước thảo luận, để hợp thức hoá cái màn ăn bản. Tất nhiên vẫn không ổn chút nào một khi hiến pháp còn chứa đựng mối mâu thuẫn lớn :

Nói *Đảng là lực lượng lãnh đạo*, và nói *Quốc hội là cơ quan quyền lực cao nhất*. Kể có quyền lực cao nhất mà không lãnh đạo thì cao ở chỗ nào ? Còn lãnh đạo, nếu dân đã chấp nhận vai trò lãnh đạo của Đảng thì còn bầu Quốc hội làm gì ? Chẳng lẽ Quốc hội chỉ còn là người chấp hành ? Còn bảo Quốc hội là người quyết định vận mệnh dân tộc, nếu như Quốc hội từ bỏ Đảng cộng sản thì sao ? Không được, vì Đảng lãnh đạo Quốc hội ! Đầu không ra đầu, đuôi chẳng ra đuôi, hay nói đúng hơn : giấu đầu hở đuôi.

Đó là nói lý thuyết. Bây giờ nói cụ thể : luật nào cho phép một đảng lấy ngân sách Nhà nước để xây trụ sở 400 huyện uỷ, 40 tỉnh uỷ, hàng vạn cơ quan đảng ? Luật nào cho phép lấy tiền của nhân dân chi cho các cán bộ đảng và các hội nghị đảng ? Có bao giờ việc này được báo cáo trước Quốc hội không, được Quốc hội thảo luận và quyết định không ? Quyền lực cao nhất mà không được biết những chuyện đó thì cao nhất kiểu *trông xuống chẳng ai bằng mình*, chứ trông lên vẫn thấy mình nguyên vẹn là cái đuôi.

N.S.P.

Giáo dục

“ công học ” và “ tư học ”

Bùi Trọng Liễu *

Sau khi bài “ Trung tâm Đại học Thăng Long : Đã 3 năm ” đăng trong Diễn Đàn số 6 (1.3.92), một số bạn đọc viết thư, gọi điện thoại hoặc tìm gặp tác giả, đặt câu hỏi và yêu cầu cho biết thêm ý kiến về vấn đề trường công trường tư. Bài đăng dưới đây nhằm giải đáp một phần yêu cầu đó. Mong sẽ có những bài khác góp ý kiến trên đề tài này.

Lúc này, vấn đề tổ chức việc học theo trường công và/hay trường tư được đặt ra ở Việt Nam một cách cấp bách và trong một tình hình phức tạp. Nhìn từ nước ngoài, vấn đề lại càng phức tạp hơn nữa. Cho nên, tôi nghĩ rằng phải cố gắng tìm hiểu một số khía cạnh, rồi từ đó rút ra một kết luận cho việc *góp phần hỗ trợ* xây dựng một nền giáo dục – đào tạo phù hợp.

1. Trước hết, tôi có cảm tưởng là có một sự lẫn lộn ở chữ **công**, song song với một sự lẫn lộn ở chữ **tư**. Theo định nghĩa của một cuốn từ điển, **công** là của chung. Nhưng **công** còn được hiểu là *do Nhà nước tổ chức, do nhà cầm quyền tổ chức*. Kèm theo đó là một sự lẫn lộn, vô tình hay hữu ý, giữa chữ *tư nhân* (bên ngoài tổ chức của chính quyền) và *cá nhân* [*chủ nghĩa*] (chú trọng quyền lợi riêng của mình, đặt quyền lợi ấy trên quyền lợi của đoàn thể, xã hội).

2. Xét thử một thí dụ về việc học thời thượng cổ ở Trung Quốc, theo [1] : khi chưa chế ra mực giấy, chưa viết trên lụa, giấy, khi người ta còn *viết bằng cách khắc chữ trên mai rùa hay thẻ tre*, việc ghi chép, tàng trữ và di chuyển *sách* rất là phức tạp, việc học rất đắt, chỉ vua quan và con cháu họ (là những người cầm quyền và nổi nghiệp cầm quyền) mới được học. Việc học lúc đó ngoài tầm của người dân thường. Cho nên *công học* lúc đó thật ra là *quan học*. Cho đến thời Xuân Thu, điều kiện thuận lợi hơn cho việc *tư nhân* mở trường dạy học và Khổng Tử (khoảng 500 trước Tây lịch) là người tiêu biểu nhất trong việc *mở trường tư*. *Tư học* lúc đó lại mang tính chất tích cực, bởi vì nó đã mở việc học ra cho những người không thuộc quý tộc, nghĩa là trên nguyên tắc, cho những ai có thể học được, và lúc đó cũng đã có những học trò nghèo.

3. Ở Việt Nam, dưới triều Lý, năm 1075 mở khoa thi đầu

tiên, năm 1076 thành lập Quốc tử giám [2] ; một nền học vấn có qui củ được bắt đầu. Nhưng, cũng như dưới các triều đại nối tiếp sau đó, việc học mà Nhà nước tổ chức chỉ giới hạn ở một số nhỏ trường. Nói theo ngôn ngữ ngày nay : Nhà nước chỉ độc quyền tổ chức việc thi cử và phát bằng cấp, còn việc mở trường dạy học chủ yếu là *do tư nhân*. Các ông nghè, ông trạng, ông cử mở trường dạy học như Chu Văn An, Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm, La sơn phu tử Nguyễn Thiếp [3]... cũng đều là những *tư nhân* góp phần đào tạo nên những người trí thức nối tiếp nhau tham gia vào sự tiến triển của xã hội Việt Nam thuở xưa. Họ là những *tư nhân*, nhưng họ không *cá nhân chủ nghĩa*, mà còn đóng góp cho lợi ích chung. Thời đó (trừ trường hợp hãn hữu), giàu, nghèo, sang, hèn đều có thể học, nếu như tự tìm được phương tiện sống [4].

4. Khi tân học thay thế cho nho học, ở Việt Nam, trường công và trường tư tồn tại song song, nhưng các gia đình nói chung vẫn trọng trường công hơn trường tư, vì cho rằng trường công *có tiếng* hơn trường tư. Thậm chí có khi bắt con cái học lại một năm, hai năm, để được vào trường công. Tuy vậy, tổ chức việc học lúc đó vẫn trên nguyên tắc Nhà nước (dù là Nhà nước thực dân bảo hộ, hay Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà 1945, 1946...) độc quyền tổ chức thi cử và phát bằng cấp, và để người dân tùy tiện học và thi. Thời đó, vấn đề không ở chỗ được tự do học hay không, mà là ở chỗ có được nâng đỡ về tài chính để có phương tiện sống mà học hay không.

Rồi đến những năm cuối thập kỉ 1950 và sau đó, miền Bắc tổ chức lại việc học, có qui mô rộng, trên nguyên tắc nâng đỡ con em các tầng lớp lao động. Thời đó, không còn *tư học* nữa. Nhưng từ đó, nảy sinh ra vấn đề lý lịch, vấn đề dành (và *giành*) chỗ cho thành phần này thành phần nọ. Rồi sau 1975, và nhất là những năm gần đây, *công học* dần dần đã không hoàn toàn là nền học của chung nữa. Cộng thêm vào tình hình kinh tế khó khăn, xã hội suy thoái [5], có những thí dụ cá nhân vì lợi riêng, hoặc vì bất đắc dĩ, sử dụng phương tiện của công mà đồng thời không chắc bảo đảm việc học cho đến nơi đến chốn. Trong những thí dụ đó, *công học* không những đã lạc mất chữ **công**, mà còn có nguy cơ mất thêm cả chữ **học** nữa.

5. Hiện nay, ngân quỹ Nhà nước có còn sức để bảo đảm một nền học hoàn toàn *công học* không ? Lấy tiền đâu để tăng ngân quỹ, và tăng ngân quỹ giáo dục – đào tạo lên được bao nhiêu để *vực* các trường công dạy, và để bảo đảm điều kiện hành nghề của đội ngũ giảng dạy ? Nếu không, thì chỉ còn một giải pháp, và đó là hướng hiện nay : cùng với trường công, mở trường bán công, trường dân lập, tư lập. Tôi không nói rằng trường công là xấu, ngược lại. Tôi nghĩ rằng trong giai đoạn này, cần thu hẹp phạm vi của *công học* lại, sao cho *vừa* với ngân quỹ mà Nhà nước phải cố gắng bỏ ra, để cho các trường công có thể sinh hoạt một cách đàng hoàng nghiêm chỉnh, giữ vững một nền tảng học vấn có giá trị. Và đồng thời mở ra, khuyến khích và tạo điều kiện cho tư nhân, cho các đoàn thể, cho các tổ chức ngoài chính phủ tham gia vào việc giáo dục – đào tạo.

Trên điểm này, người trong nước cho cảm tưởng là đã thấy rõ hơn một số người ngoài nước.

6. Lúc này, cần gạt ra những nghi kỵ vu vơ, những gán ghép không bằng chứng, đôi khi bất công, đối với vấn đề

“Loại trừ”

“Loại trừ”¹ là một hiện tượng đang “nở rộ” ở một số nơi. Rất đáng buồn và đáng lo cho nhân loại. Một số người chém giết nhau, xua đuổi nhau, hành hạ nhau, đe dọa nhau, sỉ vả nhau : vì không cùng huyết thống, vì không cùng chủng tộc, vì không cùng màu da², vì không cùng tín ngưỡng, vì không cùng văn hoá, vì không cùng địa phương, vì không cùng chính kiến... Có nơi vừa thoát khỏi chuyên chính, đã muốn áp bức người khác. “Bài ngoại”³ cũng đã thành nét chủ đạo⁴ của một số đảng phái, nhóm người. Rõ ràng không thể coi “loại trừ” như một giá trị nhân bản, dù cho ngày nay, hay cho ngày mai.

Nhận xét như vậy, cũng là một dịp để răn mình.

Sau mấy chục năm chiến tranh và tàn phá, sự mong mỏi của đa số người Việt Nam hẳn là chung sống hoà bình, xây lại một xã hội trong đó mọi người đều có chỗ đứng, có quyền sống, học hành, làm ăn, nuôi dạy con cái..., nghĩa là xây dựng một xã hội trong đó người nhìn người bằng con mắt khoan dung hơn, một xã hội không có “loại trừ” phía này phía nọ. Những người Việt ở nước ngoài còn gắn bó với quê hương cũ hẳn cũng mong như vậy.

Diễn Đàn [muốn] “tôn trọng mọi ý kiến, kể cả những ý kiến khác biệt và trái nghịch, miễn là những ý kiến đó không đi ngược lại những giá trị nhân bản phổ biến của nhân loại và truyền thống hoà hợp đích thực”⁵.

Xin đừng quên hiện tượng “loại trừ”.

Ng. V.

¹ Tôi muốn dịch chữ *exclusion*.

² Cũng may còn lác đác vài bước tiến, như việc bãi bỏ chế độ kỳ thị *apartheid* ở Nam Phi.

³ *Xénophobie*.

⁴ *Leitmotiv*.

⁵ Xem Đoàn Kết số chót bộ cũ (434, đề tháng 5.1991) thông báo về việc ra đời của Diễn Đàn.

DIỄN ĐÀN FORUM

Chủ nhiệm : Hà Dương Tường

Tổng biên tập : Trần Hải Hạc

Ban chủ biên: Trần Hải Hạc, Nguyễn Ngọc Giao,

Bùi Mộng Hùng, Hà Dương Tường

Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý :

Vũ An, Mỹ An, Bác sĩ Aspirin, Lê Văn Cường, Hà Duy, Trần Đạo, Nguyễn Hải, Đơn Hành, Nguyễn Lộc, Hoàng Lê, Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa, Văn Ngọc, Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm, Nguyễn Thanh, Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thuỷ, Đỗ Thống, Đặng Tiến, Nam Trân, Hoài Văn, Kiến Văn, Hải Văn, Hoà Văn

trường công / trường tư [6], mà cần đề nghị và ủng hộ những biện pháp nhằm — trong chừng mực có thể — bảo đảm được mức độ học hành, sự tự do và sự công bằng cho càng nhiều người càng tốt, nếu chưa phải là cho tất cả.

Đó là một số ý kiến tản mạn, tôi viết ra để nhằm góp phần trả lời những câu hỏi của một số độc giả, lẽ dĩ nhiên với sự dè dặt và khiêm tốn của một người ở xa, với sự hiểu biết có giới hạn về tình hình Việt Nam, đồng thời với lòng ước mơ một ngày nào đây, được thấy lại cái không khí đầy nhiệt tình, thương yêu và đùm bọc nhau trong việc học, của thời mà phong trào *Truyền bá quốc ngữ* đang lên cao [7] : không phân biệt thành thị, nông thôn, giàu, nghèo, sang, hèn, già, trẻ, trai gái, người biết chữ dạy người mù chữ...

Paris, 30.3.1992

Bùi Trọng Liễu *

[1] *Bách gia chư tử* của Trần Văn Hải Minh, do Hội nghiên cứu và giảng dạy Thành phố Hồ Chí Minh xuất bản, 1991.

[2] Theo *Việt Nam sử lược* của Trần Trọng Kim.

[3] Trừ thời gian La Sơn phu tử được vua Quang Trung giao cho việc lập Sùng chính thư viện (xem *La Sơn phu tử* của Hoàng Xuân Hãn).

[4] Theo *Lịch triều hiến chương loại chí* (Nhân vật chí) của Phan Huy Chú : ông Bùi Xương Trạch, lúc bé, nhà nghèo, theo việc cày cấy, lại chăm học, mang sách vừa bừa vừa học. Vì thế việc làm ruộng không bỏ, mà sức học ngày càng tiến. Năm 28 tuổi, ông đỗ tiến sĩ (1478). Hôm treo bảng thi đỗ, ông còn cày ở ruộng.

[5] Xem thêm bài *Khủng hoảng giáo dục...* của Bùi Mộng Hùng (*Diễn Đàn* số 4, 1.1.1992).

[6] Xem chú thích số 2 của bài *Trung tâm đại học Thăng Long : Đã 3 năm* (*Diễn Đàn* số 6, 1.3.1992).

[7] Nhất là những năm 1944-1945.

[*] Giáo sư đại học.

Liên hoan văn hóa Việt Pháp tại Huế

Thành phố Huế, từ 1 đến 8 tháng 4 vừa qua, đã đón tiếp liên hoan văn hóa Việt Pháp đầu tiên với sự cộng tác về phía Pháp của tổ chức CODEV (Câu lạc bộ hợp tác và phát triển của công ty điện lực Pháp EDF). Hơn 40 buổi sinh hoạt văn hóa đã được tổ chức, trong đó có những triển lãm tranh, tượng, ảnh nghệ thuật, biểu diễn múa, hát, nhạc cung đình và lễ hội dân gian.

Phía Pháp, có khoảng 40 người vừa nghệ sĩ vừa chuyên viên kỹ thuật, bao gồm một nhóm kịch, một đoàn múa rối, một ban nhạc rock và một nghệ sĩ kể chuyện. Có mặt ở Việt Nam vào thời gian đó, nhà soạn nhạc Tôn Thất Tiết và họa sĩ Lê Bá Đảng đã đến tham gia cuộc “Gặp gỡ tại Huế 1992” này. [Tuổi Trẻ 5. 4. 92, Lao Động chủ nhật 12. 4. 92]

Triển lãm Lê Bá Đảng ở quê nhà

Làng Bích La đông, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, trong hai ngày 25 và 26 tháng ba vừa qua, đã đón tiếp cuộc triển lãm của đứa con nổi tiếng mấy mươi năm sống xa xứ : họa sĩ Lê Bá Đảng. Gần 20 tác phẩm, thực hiện bằng nhiều chất liệu khác nhau, đã được trình bày lần đầu tiên ở Việt Nam. Các tác phẩm được bày giữa thiên nhiên, trước khu thờ phụng của giòng họ Lê, trên một khoảng đất rộng mấy trăm mét vuông với hồ nước và cây cỏ.

Họa sĩ Lê Bá Đảng dự tính có những cuộc triển lãm tiếp theo đó tại Huế, Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. [Tuổi Trẻ 2. 4. 92]

Bùi mộng Hùng *

Từ sĩ phu

đến

trí thức

*Lạc Dương thân hữu như tương vấn
Nhất phiến băng tâm tại ngọc hồ (1)*

“Đông là Đông, Tây là Tây, Đông và Tây không bao giờ gặp nhau !”

Thế mà Đông và Tây đã gặp nhau trên đất nước ta. Đông bị Tây cưỡng bức thuở ban đầu, nhưng từ ấy dù muốn dù không Đông Tây vẫn chung sống trong xã hội, trong đời sống hàng ngày, trong tâm hồn mỗi con người Việt Nam từ cuối thế kỷ thứ 19 cho đến nay. Cho là câu nói dí dỏm của Rudyard Kipling chỉ đúng một phần con con nào đó mà thôi, thì cũng đủ biện minh lý do tại sao cuộc hôn phối cưỡng ép đó là khởi thủy cho lối hiểu nhập nhằng của ta về chữ “Học” suốt các thế hệ nối tiếp nhau từ đó nhãn nay.

Xưa kia, ta “ học ” là học đạo lý của thánh hiền. “*Nhân bất học bất tri lý*”, người đã được đèn sách nơi cửa Khổng sân Trình là người đã học được con đường đến Chân lý. Xã hội nghĩ như vậy và kẻ có học cũng định ninh như vậy. Kẻ sĩ tùy thời mà xuất, xử, nhưng hoàn cảnh nào cũng hành Đạo, vì thế có thể nghiêm nhiên “*làm cây thông đứng giữa trời mà reo*” sừng sững như hiện thân của Chân lý. Thiên hạ trông vào mà noi theo.

Phong trào văn thân kháng chiến thất bại, lối học cử nghiệp bế tắc, xu hướng duy tân nhen nhúm trước đó từ Nguyễn Trường Tộ (1830–1871) rõ là lối thoát cho dân tộc. Các nhà khoa bảng Phan Bội Châu (1867–1940), Phan Châu Trinh (1872–1926) đề xướng đưa thanh niên du học nước ngoài, phong trào Đông kinh nghĩa thực (1907) hô hào tân học, người thanh niên Nguyễn Tất Thành xuống tàu đi tìm phương thức giải phóng dân tộc ở phương Tây (1911)... Học cho được cái hay cái mới của người là cấp bách, nào phải lúc cần bận tâm đến những điểm khác biệt căn bản giữa hai cái “học” Đông phương và Tây phương.

Lớp người tây học tấn lên. Có người tự học, có người chỉ cấp sách đến trường cho tới cấp trung học, có người giựt được những bằng đại học cao quý nhất của phương Tây, nhưng sở học của những kẻ tâm huyết đều do tự mình đào luyện mà nên. Những lớp người tâm huyết ấy, dù là quan niệm chính trị cá nhân có khi khác biệt nhau rất xa, ý thức được những điểm thiếu sót trong văn hóa dân tộc. Và các nhóm như Nam Phong tạp chí (1917–1934), những cá nhân như Đào Duy Anh (1904–1988), Hoàng Xuân Hãn, v.v... trong một khoảng thời gian thật ngắn ngủi đã gieo rắc được những khái niệm xưa kia ta chưa từng có, tôi luyện nên từ ngữ để phát biểu những khái niệm mới đang và sẽ xuất hiện ; phong trào Thơ mới, các nhóm như Tự Lực văn đoàn (1932–1942) trau chuốt quốc ngữ thành ngôn ngữ văn học diễn tả tinh tế các cảm xúc mới lạ trong một xã hội đang dao động tận gốc rễ. Bình tâm xét lại, trong xã hội nước ta thời Pháp thuộc, trí thức có tâm huyết — trí thức theo nghĩa giản đơn là người tân học — đã thay được từng lớp sĩ phu xưa, đóng vai trò mà xã hội khao khát đợi chờ : đem lại lối nhìn mới, tư tưởng mới trong nhiều lĩnh vực, từ văn hóa đến chính trị. Phần nào tương tự vai trò của *intelligentsia* nước Nga thời Nga hoàng. Trong tiềm thức

công cộng, trí thức là sĩ phu. Và những trí thức dần thân thời đó hẳn cũng phải ít nhiều cảm thấy “*mặt trời chân lý chói qua tim*” (chân lý đó có thể là cách mạng vô sản, lòng yêu nước hoặc cả hai) mới có thể đem tâm huyết đeo đuổi làm văn hoá, làm chính trị, thường khi là cả hai cùng một lúc. Tinh thần của họ là tinh thần của các thế hệ sĩ phu cha anh, tin chắc nịch việc mình làm là đúng theo đạo lý, là phù hợp với Chân lý. Mặc dù họ chịu ảnh hưởng tinh thần khoa học, trên nguyên tắc là phải hoài nghi, hoài nghi mọi sự việc. Thật ra — họ những người bất buộc phải miệt mài hoạt động — không để gì mà xét lại những điều liên quan đến giá trị căn bản của mình, nhất là khi những điều đó lại quan hệ đến sự mất còn của dân tộc. Là trí thức nước thuộc địa, nước chậm tiến, họ nào có được hoàn cảnh của trí thức các nước phát triển, thanh thoi mà hoài nghi, mà xét lại tất cả ! Và lại nói cho cùng, sự tin tưởng vào sức vạn năng của khoa học tiềm tàng trong ý thức hệ thế kỷ thứ 19 còn chiếm ưu thế vào thời đó.

Thử thách khó khăn nhất cho người “ trí thức ” nửa nước phía Bắc — trí thức đặt trong dấu ngoặc kép để hiểu theo nghĩa hẹp sẽ trình bày rõ trong đoạn sau — xuất hiện sau chiến thắng Điện Biên, khi hoà bình vừa trở lại : đó là câu hỏi có nên nhân danh những giá trị dân chủ tự do để nghiêm khắc phê bình những việc làm phạm đến tự do dân chủ của chế độ mà mình xả thân ủng hộ suốt bao năm trường, phê bình những người bạn đồng hành, đồng chí vừa cùng chia sẻ gian lao ngọt bùi với mình trong cuộc chiến một mất một còn để thực hiện lý tưởng giải phóng dân tộc hay chẳng ? Từ tháng hai 1955 nghĩa là hơn một năm trước khi phong trào *Trăm hoa đua nở* được phát động bên Trung quốc, Trần Dần đã khởi xướng một đợt phê bình đường lối lãnh đạo của Đảng cộng sản trong văn học, chạm đến cốt lõi vấn đề tự do tư tưởng (2) và tiếp sau đó là vụ Nhân văn giai phẩm. Lần đầu tiên “ trí thức ” giành lấy cái quyền thẩm định, phê bình đối với một chính quyền do chính tay mình nâng niu tham gia tạo dựng nên.

Rồi lại chiến tranh tàn khốc, đất nước chia đôi. Miền Bắc, người công dân có tinh thần trách nhiệm không thể làm gì khác hơn là tạm dẹp qua mọi ý kiến bất đồng để dồn hết sức vào cuộc chiến cho sống còn của đất nước với một đế quốc cường thịnh xưa nay chưa từng thấy. “ Trí thức ” thành thị miền Nam, nghe theo lương tâm của chính mình không ngại hiểm nguy cho bản thân, cho vợ con không ngừng lên án những chính quyền độc tài, tham nhũng, và nhất là lệ thuộc ngoại bang.

Đất nước thống nhất. Muốn tìm ra thái độ của “ trí thức ” dưới chế độ toàn trị xã hội chủ nghĩa, ta nên theo nhà sử học Liên Xô Iouri Afanassiev : “*Mọi tranh luận về lịch sử hiện đại phải bắt đầu bằng văn học hiện đại. Vì chính văn học, một lần nữa, tỏ ra là “ máy ghi địa chấn ” nhạy nhất của thời đại chúng ta.*” (3) Nhìn như thế thì những dấu hiệu địa chấn làm rung rinh nền văn học “ phải đạo ” xuất hiện từ 1978–79 trên mặt báo chí (4), và đại hội VI Đảng cộng sản Việt Nam vừa hé mở cho

một chút tự do thì rõ ràng là chính quyền đã bắt đầu thấy khó bề cong lại nổi ngòi bút một số nhà văn trong nước.

Kẻ viết những hàng này không muốn đi vào một cuộc tranh luận — theo thiên ý trong lúc này là phù hoa — xem có một giới trí thức ở Việt Nam hay chẳng, chỉ biết chắc là từ trước tới nay thời nào cũng có không ít “ trí thức ” bất chấp mọi áp lực, đe dọa, lên tiếng thẩm định các giá trị, gieo rắc tư tưởng mới, phê bình chính quyền đương thời.

Dù muốn dù không, ngày nay không ít người Việt Nam trông chờ “ trí thức ” đảm nhận vai trò của mình trong hiện tại và trong tương lai.

Thế là đã đến lúc không còn tránh né câu hỏi : “ Trí thức anh là ai ? ” được nữa !

Mới nhìn tưởng đâu đơn giản, trí thức là người làm việc bằng trí óc và có tri thức chuyên môn cần thiết cho hoạt động nghề nghiệp của mình. Nhưng xét kỹ lại một chút, trong xã hội ngày nay lớp người ta gọi là trí thức là một nhóm thật lơ mờ. Tiêu chuẩn nghề nghiệp, dùng trí óc hoặc tay chân, thật quá thô sơ, nhà điêu khắc, bác sĩ giải phẫu, nhà hóa học làm việc tay chân hay trí óc ? Còn tri thức thì biết đặt ở mức độ nào, khi mà ngày nay tri thức được phổ biến đến mọi người trong xã hội ?

Thật ra điều mà người ta chờ đợi nơi người “ trí thức ” là một *thái độ* hơn là vị trí xã hội, hoặc những năm trường bỏ ra để thu thập tri thức. Như ở các nước Tây Âu thái độ của những nhóm người tự xưng là “ trí thức ” trong những năm 1934-35 đấu tranh chống những chế độ đàn áp các nhà khoa học, các văn nghệ sĩ không chịu cúi đầu từng phục, ví dụ các “ trí thức ” Pháp như **André Gide, Jacques Soustelle, v.v...** đã gián tiếp góp phần vào sự hình thành Mặt trận bình dân. Như gần đây hơn thái độ của một **Albert Einstein**, hay của **Bertrand Russell, Laurent Schwartz** ngang nhiên thiết lập *tòa án* lên án mọi hành vi xâm lược, như những nhà được giải thưởng Nobel tập hợp nhau thành nhóm **Pugwash** xuất bản một tạp chí phân tích những thảm họa đe dọa nhân loại nếu không biết điều tiết việc sử dụng khoa học...

Là “ trí thức ” đã đành phải có vốn liếng văn hóa, nhưng chưa đủ, mà còn phải có thái độ *trách nhiệm*, trách nhiệm đây không chỉ vì lý do có ít nhiều hiểu biết, có ít nhiều thẩm quyền trong một lĩnh vực nào đó mà chính là vì *ý chí*. Ý chí dẫn thân cho tự do dân chủ, cho con người được quyền ngừng mặt làm người, cho một xã hội trong suốt trong đó mỗi cá nhân thực sự được hưởng toàn vẹn quyền một công dân. Dẫn thân, chọn lựa, thẩm định những giá trị làm cơ sở cho xã hội là những hành động hết sức chính trị. Nhưng hành động người “ trí thức ” có khác với hành động của người làm chính trị. Nghệ thuật làm chính trị là nghệ thuật *thực hiện mục tiêu cụ thể*, con đường thẳng chưa hẳn là con đường gần nhất, mải lèo lái trong sóng gió có khi không kịp xét khắp mọi khía cạnh, xét đến ảnh hưởng có thể không phù hợp với những giá trị căn bản mình lựa chọn lúc ban đầu. Hành động người trí thức là nhân danh những giá trị căn bản mình chọn lựa mà *phán xét*. Vì thế trong nhiệt tâm của mình, người “ trí thức ” dành chỗ cho lạnh lùng hoài nghi, biết lui ra để bình tâm ước lượng, để vạch trần khoảng cách giữa những giá trị được xã hội, được chính quyền, có khi đang trong tay thân hữu của mình, long trọng thừa nhận, với sự thể hiện và thực thi các giá trị đó trong mọi lĩnh vực luật pháp, hành chính, xã hội, v.v... Hành động của người “ trí thức ” là *đả phá mọi huyền thoại, là vạch mặt mọi mưu toan mị dân*. Quyết tâm của người “ trí thức ” không dễ gì lay chuyển. Trước đây Bertrand Russell đã hai phen ngồi tù ở Anh, một nước được tiếng là tự do. Và hiện nay chính quyền trong nước cũng không biết lấy gì mà ép cho được một Dương Thu Hương “ *ngồi bệt xuống cỏ* ” thay đổi thái độ !

Một điểm khác biệt giữa kẻ sĩ xưa với người “ trí thức ” ngày nay : người xưa học đạo lý, tin rằng Chân lý về mình ; người nay học nơi tinh thần khoa học thái độ khiêm tốn, biết giới hạn của sự

thật khoa học, vì rõ giới hạn của khái niệm, của phương pháp, của lối tiếp cận vấn đề mình sử dụng. Trong chuyên môn của mình, người “ trí thức ” đã ý niệm rõ ràng là chỉ biết được một hình ảnh thể hiện nào đó của thực tại, thế sao lại cả gan lên tiếng phê phán trong những lĩnh vực ngoài chuyên môn của mình ? Thật ra khi A. Einstein cương quyết chống việc sử dụng vũ khí nguyên tử, quả là nói tiếng nói của một chuyên gia, nhưng những điều ông phát biểu không vượt quá trình độ thông tin báo chí nghiêm túc thời đó. Có công trình khoa học làm “ bảo đảm ”, nhưng thật ra lập trường của ông đứng trên một bình diện khác : bình diện *trí tuệ*. Trí tuệ vận hành trong mọi hoạt động phát minh sáng tạo khoa học nghệ thuật, nhưng không chỉ giới hạn ở đó mà vượt ra ngoài. Chính là nhân danh *trí tuệ* mà người “ trí thức ” khiêm tốn nhưng đứng sừng lưng nghiêm túc đảm đương *lấy trách nhiệm phê phán* của mình.

Hệ thống xã hội chủ nghĩa hiện thực sụp đổ, ý thức hệ cũng tan tành theo. Nhưng những thực tại đã làm cho hàng trăm triệu con người tin tưởng đi theo vẫn tồn tại y nguyên đấy. Hàng tỷ con người ngày ngày ăn không đủ no, áo không đủ mặc, lóng ngóng thêm khát cảnh tượng giàu có thừa mứa của bảy trăm triệu dân nước phát triển, nhưng cái hố chia cách mỗi ngày cứ mỗi rộng thêm hơn. Trong tình trạng bế tắc ấy, giọng kèn tiếng quyền của ảo ảnh hấp dẫn vô cùng. Ảo ảnh của manh động, ảo ảnh sao chép lối làm của những nước đã bước vào cửa ngõ của phát triển. Những công thức chính sách tự do (libéral) đem áp dụng một cách mù quáng tại một số nước đã và đang loại một phần lớn nhân dân những nơi ấy ra ngoài vòng trù phú của đất nước họ, ta không thể không đặt vấn đề phát triển để làm gì, để cho ai, đồng thời với vấn đề làm thế nào để phát triển. Chắc chắn là không có một giải pháp nhiệm màu nào cả. Giải pháp đúng đắn, cũng như những giải pháp của các vấn đề khoa học, là cả một quá trình. Bắt đầu bằng nhìn thẳng vào thực tại, nhận định thực trạng xã hội, văn hóa, kinh tế, chính trị, v.v... và tôn trọng luật chơi dân chủ, thông tin đầy đủ, thảo luận nghiêm túc. Giải pháp sẽ không đến từ một minh chủ hay một vĩ nhân nào mà là một công trình kiến trúc trong đó mọi người đều đem lại viên gạch của mình. Tinh huống xã hội đang phân vân trước ngã ba đường chính là thời điểm mà sức nặng của “ trí thức ” có khả năng xoay chuyển tình thế. Người “ trí thức ” chỉ biết nguyện đem viên gạch của mình góp vào công trình chung. Với tất cả sự sáng suốt của trí tuệ cùng “ *một mảnh lòng bằng ở ngọc hồ* ”.

B.M.H.

tháng 4. 92.

* Giám đốc nghiên cứu Viện nghiên cứu y khoa quốc gia Pháp (INSERM)

(1) Vương Xương Linh (698-757), **Phù Dung lâu tống Tân Tiệm** (Lâu Phù Dung đưa Tân Tiệm), Tương Như dịch : *Lạc Dương nếu có người thân hỏi, Một mảnh lòng bằng ở ngọc hồ*.

(2) Georges Boudarel, **Cent fleurs écloses dans la nuit du Viet Nam** (Trăm hoa đua nở trong đêm tối Việt Nam) Ed. Jacques Bertoin Paris 1991), xem chương III từ tr. 87.

(3) Georges Boudarel nêu trên trang đầu sách đã dẫn.

(4) Hoàng Ngọc Hiến trong bài **Về một đặc điểm của văn học và nghệ thuật ở ta trong giai đoạn vừa qua**, *Văn Nghệ* số 23, 09.06.1979, đặt lại vấn đề lý luận văn nghệ, lý luận thẩm mỹ học tức là cốt tủy của tương quan chính trị - nghệ thuật, gây ra một cuộc tranh luận sôi nổi.

Trước đây ít tháng Nguyễn Minh Châu đã đặt vấn đề xét lại lối viết truyện về chiến tranh trong bài **Viết về chiến tranh** trong số *Văn nghệ quân đội* tháng 11.1978.

Thành Tín

Sự hãn học dễ hiểu

Cuối tháng 2 đầu tháng 3.1992, cơ quan tư tưởng và văn hoá của Đảng Cộng sản ở Hà Nội mở cả một chiến dịch tuyên truyền để vu cáo Bùi Tín. Ba bài báo xuất hiện ở ba nơi : Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và Quảng Nam – Đà Nẵng. Đài truyền hình Hà Nội, đài phát thanh Hà Nội, hãng thông tấn Việt Nam (cả đối nội và đối ngoại) đều giới thiệu kỹ các bài báo này.

Vấn là kiểu nói lấy được

Cố tình bôi nhọ tôi, những bài báo nói trên cố chứng minh rằng Bùi Tín lừa dối, bịa đặt, tự tô vẽ mình, còn dẫn ra bài viết của An Santoli ở Mỹ (một người viết báo chống Cộng cực đoan, từng cầm súng ở Việt Nam, đăng trên tờ báo *The Washington Times* của giáo phái Moon) để kết luận Bùi Tín là kẻ lừa bịp. Họ bảo : Bùi Tín không dự chiến dịch Điện Biên Phủ, cũng không dự chiến dịch Hồ Chí Minh, không bị thương, không có điều kiện gặp và biết gì về Chủ tịch Hồ Chí Minh, chưa bao giờ được giao việc gì quan trọng cả... Bùi Tín tự tô vẽ cho mình, cố tạo ra hình ảnh “ một chính khách có hạng ”... Bài viết của ông Bùi Văn Tùng có đầu đề “ Ông Bùi Tín có bắt được Dương Văn Minh không ? ” nêu lên một vấn đề... không có vấn đề đối với tôi. Vì tôi không bao giờ tự nhận đã “ bắt được ” ông Dương Văn Minh cả. Tôi chỉ nói và viết : tôi là một trong những người viết báo sớm có mặt để chứng kiến một sự kiện lịch sử. Tôi không hề coi đây là một công lao hay thành tích gì của cá nhân mình cả. Nguyễn Trần Thiết, nhà báo quân đội, sau khi khẳng định bừa rằng Bùi Tín không dự chiến dịch Hồ Chí Minh (!), còn nhận liều rằng bài báo viết về hôm ấy đăng trên báo Quân đội Nhân dân ký tên Thành Tín là của ông ta viết ! Phải có sự liều lĩnh đánh rơi hết nhân phẩm, hoặc lòng quả cảm dấn thân hết mình theo ý muốn của cấp trên mới dám đưa ra những “ sự thật ” ấy !

Những chuyện về cá nhân tôi thì sự thật còn đó. Quyết định của Bộ quốc phòng khen và tặng huy hiệu Điện Biên ; những lần tôi bị thương (may mắn cho tôi là đều bị nhẹ, ở phần mềm, chỉ mất tí “ tiết ” như tôi thường nói vui với bạn bè), những kỷ niệm chiến đấu và đi công tác mà bạn bè đồng đảo và gia đình đều biết, ảnh chụp của tôi mà gia đình và bạn bè, cơ quan còn lưu giữ, thư từ riêng còn lại... đều còn cả đó, làm sao họ có thể huỷ biến đi được !

Bùi Biên Thuý khẳng định rằng Bùi Tín không hề được nhận một nhiệm vụ nào quan trọng cả, chỉ toàn là bịa đặt để tự tô vẽ cho mình ! Tôi chỉ kể một số công việc để nói lên rằng

qua đó tôi hiểu được tình hình, hiểu được về một số người lãnh đạo, hiểu được về một số nước khác... Từ việc tôi tham gia đoàn cán bộ đặc biệt của Quân uỷ và Bộ tổng tư lệnh vào miền Nam nghiên cứu chiến trường tại chỗ suốt cả năm 1964, rồi tham gia Đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trong Ban liên hợp quân sự 4 bên, là người phát ngôn của đoàn trong căn cứ Tân Sơn Nhất, rồi tham gia 8 lần đoàn đại biểu quân sự cao cấp đi thăm và đàm phán với Liên Xô, Trung Quốc, 6 nước xã hội chủ nghĩa khác, rồi đi dự các cuộc họp quốc tế ở Liên Hợp Quốc, Bangkok, Djakarta, Kuala Lumpur, Australia... đều được chính Bùi Biên Thuý hồi đó coi là quan trọng, rất quan trọng, quan trọng đặc biệt... Tôi còn nhớ rõ khi tôi nhận quyết định của Ban bí thư chỉ định vào tổ viết hồi ký cho ông Lê Duẩn và sau đó cho ông Trường Chinh, Bùi Biên Thuý vốn là cấp dưới trực tiếp của tôi đã hơn hờ bắt tay : “ Chúc mừng thủ trưởng được chọn để làm một việc quan trọng quá ! ”. Sự đời thật oái oăm, để nay ông ta phủ định cả chính mình.

Bùi Biên Thuý còn trích dẫn một số bài báo của tôi để nói rằng tôi bịa đặt là đã có một số ý kiến mới mẻ từ khi ở trong nước, cố tạo nên sự hiểu lầm rằng, sang Pháp tôi bị “ cơ quan đế quốc ” và “ những kẻ phản động trong Việt kiều ” mua chuộc, lôi kéo và mớm lời ! Tôi chỉ yêu cầu họ cho lưu hành công khai cuốn *Hoa xuyên tuyết* và tổ chức đối thoại, phê phán và có thể bác bỏ nội dung cuốn sách ấy, với trọng tài là công luận. Mọi việc sẽ rõ. Ai bịa đặt và lừa bịp cũng sẽ rõ.

Chạm nọc

Một số bức thư tôi nhận được từ Sài Gòn, Cần Thơ, Đà Nẵng, Huế, Nam Định, Hà Nội — một số người chưa hề quen — cho biết rằng qua những phát biểu của tôi trên đài và trong cuốn *Hoa xuyên tuyết*, họ đã bị chạm nọc. Họ là những người cầm quyền trong Đảng, trong bộ máy, trong cơ quan tuyên huấn, an ninh. Họ là tầng lớp tư sản đồ đang phát nhanh và trên thực tế đang lộng hành, tàn phá đất nước này. Sự hãn học của họ là dễ hiểu.

Họ bị *chạm nọc* và tôi đã cả gan nêu những vấn đề họ lo sợ nhất. Về Chủ tịch Hồ Chí Minh, tôi đã cố nhận định một cách công bằng, khách quan cả thành tích, ưu điểm, cống hiến và cả những thiếu sót, hạn chế và khuyết điểm nữa. Họ bị *chạm nọc* vì họ đang dùng Chủ tịch Hồ Chí Minh để bảo vệ một cái bánh vẽ không tưởng là đường lối xã hội chủ nghĩa, trong khi trên thực tế chẳng có gì là chủ nghĩa xã hội cả, chỉ toàn là một kiểu chủ nghĩa tư bản hoang sơ và hoang dại, còn tệ hơn cả chủ nghĩa tư bản thông thường ở nơi khác.

Họ còn bị *chạm nọc* vì trong cuộc thảo luận về dự thảo sửa đổi Hiến pháp hiện nay, đa số cử tri tham gia thảo luận đã bác bỏ điều 4 (về cơ sở chính trị và tư tưởng của đất nước là chủ nghĩa Mác, Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, về vai trò độc quyền lãnh đạo của đảng Cộng sản), rất trùng hợp với chính kiến của tôi. Các trí thức, thanh niên, cả một số đảng viên đang yêu cầu phải dứt khoát với cái kiểu nói mâu thuẫn, nước đôi, nơi này nói toàn bộ quyền lực của đất nước nằm trong tay nhân dân và các cơ quan dân cử, nơi kia lại khẳng định Đảng cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Ai cũng biết công dân không bầu ra Đảng. Rõ ràng tự mình nhận lấy cái quyền lãnh đạo nhân dân là vi phạm Hiến pháp, vi phạm quyền lực của nhân dân. Sự chạm nọc này còn đáng sợ hơn nữa là nếu

điều đó là vi hiến thì việc mấy chục năm qua Đảng tự mình thông đồng với những đảng viên trong Chính phủ để đoạt lấy những khoản ngân sách lớn chi tiêu cho Đảng thì rõ ràng là phạm pháp, là những vụ biển thủ khổng lồ. Việc tồn tại cái cơ quan khổng lồ và bạch tuộc *Ban tài chính quản trị trung ương* Đảng cộng sản, nắm vô vàn kinh phí, ngoại tệ, nhà cửa, đất đai, kinh doanh đủ loại, lộng hành trên toàn lãnh thổ và ra cả nước ngoài, phải bị đặt thành vấn đề để điều tra và truy tố theo pháp luật, nếu thật sự việc xây dựng Nhà nước pháp quyền là nghiêm chỉnh.

Chính đó mới là lý do thật sự để họ hần học chụp mũ tôi là “*kẻ phản bội*”, để họ cố tình vu cáo nhằm bôi nhọ tôi, để họ thông báo trong nội bộ đảng là tôi “*đang được CIA và phòng nhì Pháp mua chuộc và nuôi dưỡng*”, là tôi “*đang bị những người phản động trong Việt kiều sử dụng*”...

Họ thâm thù tôi còn là vì trước Đại hội 7, tôi đã lớn tiếng báo động rằng : chọn con đường ưu tiên quy luy kết bạn với Trung Quốc là sai lầm nguy hiểm. Thực tế đã trả lời. Năm đoàn cao cấp Việt Nam sang “*khấu đầu*” các vị lãnh đạo con trời và trời con đã làm mất thể diện quốc gia và người Hoa đang trở về hoành hành và buôn bán với đủ mánh khoé hối lộ dặt mũi cả hệ thống quan lại cầm quyền tham nhũng.

Họ đang sợ. Họ đang nao núng. Họ cố tranh thủ để tồn tại, ôm chặt đặc quyền đặc lợi và họ tranh thủ chụp giựt. Họ đang vô lương tâm tàn phá đất nước này. Họ đang sợ sẽ đến lúc phải trả lời về vô vàn tội lỗi của họ. Họ sợ vô vàn những vụ án oan, án giả bị xem xét lại. Họ đang sợ bị đứng trước vành móng ngựa của dư luận thế giới và trong nước, cả vành móng ngựa của tòa án thật sự. Như một số đồng chí của họ ở Liên Xô, ở Cộng hoà dân chủ Đức, ở Rumani... đã và đang bị vậy. Cuộc sống xét cho cùng luôn công bằng... Họ ở đây là một số những người có chức có quyền trong Đảng cộng sản Việt Nam giáo điều, bảo thủ, vô trách nhiệm, không còn gì là bản chất cách mạng trong lương tâm.

Vì thế tôi rất mừng tiếp nhận một chiến dịch vu cáo từ Hà Nội. Những chuyện cá nhân là vô bổ, lạc lõng. Hiện tình đất nước mới là quan trọng. Không thể lẩn tránh mãi một cuộc đối thoại ngay thật và lương thiện. Không thể bóp nghẹt mãi những tiếng nói dũng cảm của hàng trăm, hàng ngàn người dân chủ, trung thực, có lương tri và tâm huyết. Chân lý đang đi những bước vững chắc hàng ngày.

Ai là kẻ phản bội nhân dân — vô tình hay cố ý phản bội — nhân dân đang và sẽ phán xét. Lịch sử luôn công bằng.

Paris, 26.3.1992

Trong chuyến đi Mỹ cuối năm 1991, nhà báo **Thành Tín** (Bùi Tín) đã được một số báo Việt ngữ chống cộng cực đoan chụp mũ là “*cò mồi cộng sản*”, “*bảo hoàng hơn Hà Nội*”. Điều đó không ngăn cấm một chiến dịch bôi nhọ Bùi Tín trên báo chí quốc nội, phong cho ông là “*tay sai đế quốc*”, “*phản bội*”.

Còn ở Mỹ, nhà văn **Thế Uyên** bị 19 (nay lên tới 26) hội đoàn ra tuyên cáo lên án là “*thần Cộng sản*”, kêu gọi tẩy chay và phủi tay không chịu trách nhiệm về những hành động bạo lực mà Thế Uyên có thể phải gánh chịu.

Diễn Đàn mở mục **Quyền trả lời** để Thành Tín và Thế Uyên có thể phát biểu trung thực ý kiến của mình, và cũng là để tôn trọng quyền thông tin của bạn đọc.

THẾ UYÊN

minh xác

Trong tháng 12.1991 và kế tiếp, tại Seattle, vùng tây bắc Hoa Kỳ, một số người đã nhân danh 19 hội đoàn và sử dụng tuần báo Việt Nam Mới, ra tuyên cáo phổ biến công khai và rộng rãi, cùng đăng nhiều bài vở nhằm mục đích chụp mũ tôi là Cộng sản, dùng bịa đặt và xuyên tạc làm phương tiện để phỉ báng mạ lị cá nhân tôi. Tất cả những điều đó đã được diễn tả bằng giọng văn chuẩn bị dư luận, kích động quần chúng để có thể đưa đến bạo hành bạo lực sau này.

Bởi những điều trên, tôi xin minh xác cùng toàn thể đồng bào những điều trình bày dưới đây.

(...)

2. Họ bảo 3 con tôi được chế độ cộng sản Việt Nam ưu đãi cho học tại Saigon. Sự thực : cho tới khi tôi cùng gia đình rời Việt Nam, không một đứa con nào của tôi được học đại học sau khi tốt nghiệp lớp 12. Chỉ có một đứa đầu được học Trường trung học y tế Thành phố Hồ Chí Minh — trường này, như tên gọi đã minh định, không phải là Trường đại học y khoa Sài Gòn.

3. Họ bảo là tôi đi cải tạo một thời gian ngắn rồi ưu đãi cho về sớm. Sự thực :

a) Nếu tôi là Cộng sản, hay cộng sản cho tôi là cảm tình viên của họ, thì tôi đã được miễn đi cải tạo và được thưởng bằng khen, sử dụng ngay vào chức vụ mới trong chính quyền mới.

b) Thời gian cải tạo dài ngắn là tùy theo cấp bậc, chức vụ và quân binh chủng. Thời gian trung bình dành cho thiếu úy và trung úy là 2 tới 3 năm. Có thể bị gia tăng nếu thuộc ngành chiến tranh chính trị, tình báo hay an ninh, hoặc vi phạm kỷ luật trại hoặc có hành động chống đối lại chính quyền cộng sản. Tôi chỉ là một trung úy bộ binh, những năm chót biệt phái dạy học, thì thời gian cải tạo ba năm không có gì phải ngạc nhiên. Thiếu úy trung úy có đi cải tạo ba năm thì đại úy mới đi năm năm, thì các cấp tá mới đi từ năm năm tới 10 năm hay lâu hơn.

c) Tôi không hề được đơn độc tha về. Được về cùng tôi trong thời gian 77-78 là hơn 20 000 sĩ quan cấp úy khác có khả năng chuyên môn trong ngành giáo dục, y tế, khoa học kỹ thuật khác.

4. Họ bảo rằng tôi được chế độ cộng sản ưu đãi cho dạy học lại. Sự thực : ngay ngày 01.05.1975, Ủy ban quân quản đã ra lệnh trên đài phát thanh và báo chí là tất cả công chức bất kể thuộc nha sở trường nào phải trở lại trình diện tại nhiệm sở. Tại những nơi này, đại diện chính quyền mới ra lệnh lưu dụng toàn

bộ. Bởi thế nên ngoại trừ những người đã di tản và những người thuộc diện phải đi cải tạo trên rừng hai tháng sau, tất cả công chức Việt Nam cộng hoà vẫn làm việc bình thường.

Riêng tại các trường, chỉ có thay hiệu trưởng bằng giám học bằng những cán bộ ngoài Bắc vô, còn toàn bộ ban giảng huấn cũ vẫn dạy học bình thường, dĩ nhiên theo chương trình ngoài Bắc. Tình trạng giáo chức lúc đó rất thiếu hụt, nên Sở giáo dục sử dụng luôn những giáo chức cũ đi cải tạo về như tôi và nhiều giáo chức biệt phái khác cùng hoàn cảnh. Tôi xin nhấn mạnh : hầu hết sĩ quan gốc giáo chức đi cải tạo về đều được cho giảng dạy trở lại, không phải chỉ có một mình tôi. Và hiện nay ban giảng huấn các trường miền Nam vẫn đa số gồm các giáo chức của VNCH cũ.

Cũng cần ghi thêm là các sĩ quan cựu nhân viên y tế (y tá, bác sĩ và các chuyên viên y tế khác), các kỹ sư và cán sự kỹ thuật cùng tất cả chuyên viên khoa học kỹ thuật khác, sau khi được tha khỏi các trại cải tạo, đều được chính quyền CSVN tái sử dụng. Chỉ có một điểm là những người này, dù tài năng chuyên môn cao đến đâu, cũng không được trao những chức vụ chỉ huy. Chỉ có thành phần sĩ quan không được học nhiều, loại mà bà con vẫn gọi đùa là “ *bé không học lớn làm đại úy* ” là chính quyền CSVN không sử dụng lại mà thôi.

5. Họ bảo tôi sau khi được tha khỏi trại cải tạo đã được kết nạp vào “ *Hội văn nghệ sĩ yêu nước* ”. Sự thực : Ở Việt Nam không có một cái hội nào mang tên như vậy. Tại Saigon chỉ có Hội văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh và suốt trong thời gian 9 năm còn ở lại Việt Nam, tôi không hề được hội này ngỏ ý cho kết nạp — và giả sử tôi có muốn xin vô, đơn cũng sẽ bị bác vì lý lịch xấu (sĩ quan nguy đi cải tạo về).

Tiền đây cũng minh xác luôn là suốt 30 năm viết văn, tôi chưa hề gia nhập bất cứ một hiệp hội, đoàn thể hay đảng phái nào, kể cả các hội Văn bút, trừ một hội sẽ kể chi tiết dưới đây. Kể từ khi tới Mỹ, hội đoàn duy nhất tôi gia nhập đóng niên liễm cẩn thận là Hội của bà Khúc Minh Thơ lo vận động chính quyền và quốc hội Mỹ chấp nhận chương trình H.O. (Humanitarian Operation).

Để cho mọi sự trong quá khứ được rõ ràng, tôi xác nhận là sau khi đi cải tạo về, tôi có gia nhập một hội mang tên là Hội Trí thức yêu nước TP Hồ Chí Minh, hội trưởng là một chuyên viên khoa học cao cấp tốt nghiệp Tây phương (tôi không nhớ tên và cũng chưa bao giờ được gặp ông này¹). Hội phó là Lý Chánh Trung, một bạn văn cũ từ trước 1975. Hội là một thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, một tổ chức ngoại vi không có quyền hành gì trong tổ chức xã hội của cộng sản. Tự Mặt trận này đã không có quyền, đương nhiên Hội Trí thức yêu nước còn vô quyền hơn nữa. Hội chỉ đóng hai vai trò chính : a) Diễn đàn trung gian giữa trí thức hai miền. Trên thực tế, chỉ là diễn đàn cho các trí thức và cán bộ cao cấp ngoài Bắc vào diễn thuyết và tuyên truyền thôi. Trí thức miền Nam, dù có đi cải tạo hay không, chỉ ngồi nghe mà thôi. b) Tìm việc làm cho các trí thức chuyên viên chế độ cũ để lại.

Vì vai trò kiếm việc làm cho trí thức cũ này nên Hội đã thu

¹ Chú thích của *Diễn Đàn* : giáo sư Lê Văn Thời, nguyên giám đốc nghiên cứu (CNRS Pháp), nguyên khoa trưởng Đại học khoa học Sài Gòn.

nhận, như những hội viên dự khuyết, tất cả các sĩ quan đi cải tạo về có khả năng chuyên môn kỹ thuật, theo điều lệ qui định giản dị như sau : Sau khi đỗ tú tài đã theo học một trường Cao đẳng, Đại học nào đó từ ba năm trở lên. Bởi thế, không kể các sĩ quan có bằng kỹ sư hay cao hơn, các cử nhân luật, văn khoa cũng như tốt nghiệp Quốc gia Hành chánh đều được thu nhận. Những người có bằng cấp Đại học ngoại quốc cũng được kết nạp.

Trong thời kỳ từ 1983 trở về trước, việc có kiếm được việc làm ở Sài Gòn (và các thành phố khác) là cực kỳ quan trọng cho các chuyên viên chế độ cũ, nhất là thành phần đi cải tạo về. Theo chính sách của đảng CSVN thời kỳ đó, bất cứ ai không có công ăn việc làm, đều bị điều đi các vùng kinh tế mới miền cao nguyên và sinh lầy miền Nam. Riêng các sĩ quan cải tạo còn bị áp lực nặng hơn nữa vì trước khi được tha, đã bị trại bắt buộc ký vào một giấy cam đoan và sau khi được tha về, sẽ “ vận động vợ con và gia đình đi vùng kinh tế mới ”. Ai không chịu ký, thì cứ việc ở lại trại cải tạo. Dĩ nhiên cải tạo nào cũng ký để được tha về đã. (Việc ký giấy cam đoan này chỉ bãi bỏ sau khi đảng CSVN đình chỉ chương trình kinh tế mới).

Khi về đoàn tụ với gia đình rồi, chính quyền và công an địa phương đã căn cứ vào tờ cam đoan trước đó, áp lực bắt phải “ tình nguyện đi vùng kinh tế mới ”. Áp lực này rất là ghê gớm vì cải tạo nào thời kỳ này được tha về đều bị quản chế tại địa phương, tuần nào cũng phải trình diện công an địa phương, vì chỉ được cấp giấy tạm trú có hai tháng (và được mua gạo trong hai tháng ấy). Hội Trí thức yêu nước Saigon có quyền can thiệp để gia hạn những hạn kỳ tạm trú hai tháng này cho các hội viên của mình. Riêng một sự kiện này thôi cũng chứng tỏ tại sao hầu hết các cải tạo có bằng đại học, chuyên môn kỹ thuật, sau khi được tha về, đều gia nhập hội. Và thường thường sau khi đã có việc làm ở Saigon, những người này ít lui tới Hội trí thức yêu nước vì họ phải gia nhập các hiệp hội chuyên môn của mình. Thí dụ nhà giáo thường gia nhập Công đoàn và hội giáo chức của mình (Hội trí thức yêu nước, khoảng 1985-87, cũng đã giải tán).

Cũng cần ghi thêm là chế độ CSVN càng về sau càng đổi mới, nhất là kể từ sau Đại hội 6. Bởi thế những sĩ quan cải tạo lâu năm được tha về sau năm trên, được đối xử tử tế hơn xưa nhiều. Thí dụ như được cho ngay hộ khẩu thường trú nơi gia đình đang ở dù có xin được việc làm hay chưa, không bị quản chế nữa, thủ tục trả quyền công dân dễ dàng, vì dĩ nhiên không còn mục cưỡng ép đi vùng kinh tế mới. Chế độ thực phẩm bán theo sổ hộ khẩu cũng đã huỷ bỏ, thay thế bằng thị trường tự do.

6. Họ bảo tôi là Cộng sản mới được cho xuất ngoại và xuất ngoại sớm, đến Hoa Kỳ. Sự thực :

a) Trước khi tôi bước chân lên máy bay đi Hoa Kỳ, đã có ít nhất 300 sĩ quan được ra đi theo diện đoàn tụ gia đình như tôi, người có cấp bậc cao nhất là đại tá. Đó chỉ là nội phía Hoa Kỳ, chưa kể những sĩ quan cải tạo đi theo diện này đến các nước Âu châu, Canada và Úc.

b) Em gái vợ tôi thương chị nên cho giấy tờ bảo lãnh từ năm 1979 và lúc nào cũng theo dõi sát hồ sơ, bổ túc liên tục mọi giấy tờ nên vợ tôi nạp được đơn sớm hơn nhiều người. Nạp đơn năm 1980, đến năm 83 mới được cấp xuất cảnh và mãi đến những ngày chót của 86 mới được ra đi. Thời gian chờ đợi dài 6

năm thì không thể nào nói là được ưu đãi được. Tôi đi là đi theo vợ, ở Việt Nam gọi là “ bảo lãnh ăn theo ”. Sau tôi, rất nhiều sĩ quan khác cũng đã xuất ngoại đến Hoa Kỳ, Canada, Úc, các nước Âu châu...theo diện đoàn tụ gia đình. Sự kiện này không ai không biết. Đâu phải đợi tới chương trình H.O. mới có sĩ quan cải tạo xuất ngoại. (...)

8. Họ bảo tôi là cộng sản vì tôi đã viết bài kêu gọi Phật giáo, Công giáo thôi đừng chống Cộng nữa, mà hãy giúp đỡ Cộng sản.

Sự thực : Tôi không hề viết như thế trong bất cứ bài văn nào. Tôi chỉ nói căn cứ vào giáo lý của Phật giáo, phải từ bi hỉ xả, phải tránh sát sinh. Cộng sản là người xấu thì phải cải hoá họ, dùng giáo lý làm cho họ trở thành người tốt. Điều tôi nói là căn bản nhất của Phật giáo. Tôi nói thật tôi thách thức bất cứ tăng ni nào, chứ đừng nói Phật tử vợ, bảo là tôi nói sai giáo lý Phật giáo. Vị tăng ni nào ở hải ngoại mà hô hào sát cộng, đòi nợ máu với đảng CSVN, thì vị đó chỉ là tu giả vờ, coi việc tu hành như một job mà thôi, chứ không tu thật.

Tôi khẩn thiết yêu cầu phía Công giáo là thôi đừng theo đuổi một thánh chiến đẫm máu kiểu các Thập tự quân thời Trung cổ Âu châu nữa. Tôi cầu mong người Công giáo trở lại với tình yêu thương bao la của chúa Kitô, tha thứ cho những kẻ tội lỗi, mở đường cho họ trở về với tình yêu thương yêu giữa con người với nhau. Liệu một người Công giáo chân chính có thể kết án tôi là Cộng sản vì những lời lẽ như thế không ?

9. Họ bảo tôi đã ca tụng chế độ cải tạo của CSVN trong bài “ Phác thảo mùa hè ” khi tôi viết rằng lập ra các trại cải tạo, đảng CSVN đã khá hơn Khmer đỏ của Cao Mên vì bên xứ này, CS mên đã giết toàn bộ sĩ quan, hạ sĩ quan của chế độ cũ để lại, đẫm máu đúng như cuốn phim *The Killing Field* đã diễn tả.

Điều tôi nói ra cốt diễn tả một sự thực : Cộng sản Việt Nam ít khát máu hơn CS Mên. Vậy thôi. Và điều đó cũng là đúng sự thực. Không ai cấm nổi, vào năm 1975, sau khi đã đưa được toàn bộ sĩ quan và viên chức cao cấp VNCH lên rừng núi xa xôi, đảng CSVN ra lệnh giết sạch toàn bộ số người này, như Staline đã làm với sĩ quan Ba Lan thời Đệ nhị thế chiến, hay như Khmer đỏ đã làm bên Miên. Tôi hỏi thật các bạn đồng đội cũ đã đi cải tạo điều này : Liệu năm 75, 76 nếu đảng CSVN quyết định giết hết chúng ta thì chúng ta có thoát chết nổi không ? Có chính quyền nào, kể cả Mỹ, mang quân đổ bộ (và có đổ bộ thì chúng ta cũng đã chết rồi) cứu mạng cho chúng ta không ?

Bây giờ nói đến chuyện trong trại. Cái khổ cái đói trong trại ra sao, thì đã quá nhiều người cải tạo đi trước đã viết thành hồi ký, từ “ Đại học máu ” của Hà Thúc Sinh, “ Đáy địa ngục ” của Tạ Tỵ, “ Cùm đỏ ” của Phạm Quốc Bảo. Chưa kể rất nhiều bài văn rải rác khác nữa, trong đó có cả những bài của tôi, thí dụ như “ Con đường qua mùa đông ”. Nhưng có một điều tôi nói thật : Nếu đảng CSVN muốn dùng cái đói để giết dần mòn các cải tạo mà không mang tiếng là khát máu, thì họ chỉ cần cấm gửi thực phẩm lên trại, cấm thân nhân thăm nuôi là đủ. Nếu chỉ có khẩu phần do trại phát ra mà thôi, tôi tin chắc chúng ta sẽ chết vì thiếu dinh dưỡng đến 50 % quân số.

Chế độ CSVN đã phạm quá nhiều lỗi lầm, có quá nhiều cái xấu. Chúng ta cứ nói thật tả thật ra là quá đủ. Không việc gì

phải bịa đặt, xuyên tạc thêm. Xin nhắc tất cả là có một sự thực như sau : Tuyên truyền hay nhất là... nói thật (...).

12. (...) Nói thật là cũng may cho dân tộc chúng ta là 19 ông chủ tịch hội đoàn Seattle và tập đoàn Việt Nam Mới của Vũ Văn Hoa, Hà Huyền Chi sẽ chẳng bao giờ nắm được quyền bính ở Hoa Kỳ, cũng không một hy vọng nào nắm được quyền bính ở Việt Nam sau này. Bởi vì những con người ấy mà nắm được quyền, chắc họ sẽ gây biến máu từ đây về khắp nước Việt Nam và mang lại cho dân tộc một chế độ độc tài sắt thép không thua kém gì chế độ của Staline và Mao Trạch Đông, hay xoàng ra cũng bằng chế độ Nazi của Hitler, phát xít của Mussolini, và Khmer đỏ của Cao Mên (...).

14. Họ bảo là tôi chống đối phủ nhận tất cả những hội đoàn đoàn thể hải ngoại.

Sự thực : Chưa bao giờ tôi viết ra một điều nào như thế.

Nhân dịp này, tôi xin xác định quan điểm riêng : Tôi chống những hội đoàn xấu, hay nói cho rõ hơn nữa, tôi chống những ông chủ tịch hội đoàn xấu chứ không chống các hội viên. Tôi chống những tướng tá nào trước đây đã tham nhũng lại còn bỏ quốc kỳ quân kỳ bỏ quân sĩ mà chạy về hậu phương và phóng ra hải ngoại, rồi vẫn tiếp tục cho rằng mình là anh hùng chống cộng, dùng hội đoàn và báo chí làm phương tiện để khống chế cộng đồng, nay chụp mũ người này là cộng sản mai chụp mũ nhà văn kia là nằm vùng. Tôi không chống những anh em sĩ quan cấp nhỏ, những hạ sĩ quan, binh sĩ của VNCH, dù họ rời quê hương vào thời điểm nào.

Tôi chống những người trước kia còn VNCH đã không đi lính đến một ngày, hay chỉ làm lính cậu lính kiếng, nay ra hải ngoại lại mượn danh nghĩa chống cộng để làm những điều xấu, lường gạt lòng tin của đồng bào bằng những công trình quang phục quốc phủ phiếm hay ảo tưởng.

Tôi xác nhận tôi đã và sẽ tiếp tục ủng hộ những hội đoàn tốt, như Hội cứu nguy người vượt biển, Hội của bà Khúc Minh Thơ, những hội văn hoá giáo dục, lo soạn thảo bách khoa từ điển, lo dạy Việt ngữ và văn hoá Việt Nam cho thế hệ sau. Tôi ủng hộ những hội đoàn tôn giáo nào biết thương người trong cảnh khốn cùng, lo cho người tị nạn trong các trại tị nạn Á châu, săn sóc những trẻ mồ côi, những người đau ốm tàn tật thiếu ăn thiếu thuốc ở Việt Nam. Tôi ủng hộ việc đưa những người trí thức trẻ đã thành đạt ở hải ngoại lên lãnh đạo cộng đồng thay thế cho lớp già, bây giờ trở thành quá lỗi thời vì không còn khả năng theo kịp đà tiến hoá của thế giới. Tôi ủng hộ những nhà văn những người cầm bút trẻ có tinh thần xung phong và sáng tạo, dám lao vào những tư tưởng, cách viết và lập trường mới.

Tôi chỉ là một nhà văn không tiền bạc, không gia sản, không hội đoàn đoàn thể nào, tôi chỉ có một ngòi bút của một nhà văn dám nhận tư cách của một con người tự do. Và ở một vị trí và với một phương tiện khiêm tốn như thế, tôi sẽ cố gắng làm hết sức của mình để ủng hộ những ai, dù ở hải ngoại hay nội địa, dù già hay là trẻ, dám ngừng cao đầu phá những cái cũ, nhìn về tương lai để xây dựng những cái mới tốt đẹp hơn, nhân đạo hơn cho tất cả.

THẾ UYÊN

Lacey (Washington), tháng 1.1992

Viếng bạn NGUYỄN VĂN CỐN

Hoàng Xuân Hân

Năm 1990 là năm kỉ niệm bảy mươi năm sáng lập trường “Quốc học” Vinh, mà sau lần lượt mang những tên Nguyễn Công-Trứ, Huỳnh Thúc-Kháng. Tổ chức trường ngày nay và ban liên lạc cựu học sinh đã ấn xuất một đặc san kỉ niệm. Trong năm ngoái, Nguyễn Xiển, khoá 1921-1925, ban trưởng liên lạc, và nhiều bạn, bạn hữu đã gửi biểu tôi số đặc san ấy. Tôi liền nghĩ đến Nguyễn Văn-Cổn, một bạn đồng khoá nay còn sống sót, qua lại cùng nhau tại Paris trong bốn mươi năm nay ; xưa hay gặp gỡ ở nhà xuất bản Minh Tân với bạn Nguyễn Ngọc-Bích để bàn tán việc nước nhà tranh giành độc lập, và nhất là sửa soạn in tập đầu *Thi Văn Việt Nam* mà Cổn mới soạn xong năm 1952. Trước ngày Tết Nhâm thân, tôi bèn gửi biểu Cổn một tập đặc san kỉ niệm kèm thư chúc tết. Tôi đang mải mong thư Cổn nhắc lại các chuyện trường Vinh, thì được tin bạn đã qua đời ngày 24.1.1992, nghĩa là trước Tết mười ngày. Tuy linh tính tôi đã động, vì không khi nào bạn Cổn đã chậm đáp thư tôi, nhưng trước tin dữ, tôi rất đỗi bàng hoàng cảm xúc, cho nên thuận bút, tôi đã thảo vài lời **Điếu bạn**.

Độc giả có thể trách tôi chỉ đăng những bài cảm cụ : hết “tưởng nhớ Phan Anh” rồi “Văn tế Bác Hoán”, nay thêm “Viếng bạn Nguyễn Văn-Cổn”. Tuổi già, tôi hơn người trẻ, có nhiều bạn cao niên, vậy chịu nhiều tang tóc về bạn hữu. Viết văn viếng bạn, là bởi cảm tình, nhưng cũng là cách để ghi lại dấu xưa người cũ mà chẳng bao lâu nữa, thời gian sẽ che lấp xoá nhoà.

Nguyễn Văn-Cổn quê thị xã Thanh Hoá. Giấy căn cước khi nhập học khai sinh ngày mùng một tháng giêng năm 1909. Năm lên chín tuổi, Cổn vào trường “Sở học Pháp-Việt” tỉnh Thanh Hoá. Bấy giờ, đó là trường tối cao quốc lập duy nhất trong một tỉnh để nhận chừng bốn mươi học trò. Chương trình để học tiếng Tây. Tuy các giáo viên là Việt, nhưng giảng dạy là tiếng Pháp. Cổn thông minh, nhanh nhẹn, cuối khoá đậu bằng tiểu học, đồng khoa với bác sĩ Phạm Ngọc-Thạch là con Phạm Ngọc-Thọ đốc học trường Thanh bấy giờ.

Trên cấp tiểu học, chính quyền Đông-dương có đặt cấp **cao đẳng tiểu học** dài bốn năm. Tất cả nước ta, bấy giờ chỉ có sáu trường như vậy. Trung kì có hai, ở Huế và ở Vinh. Trường Huế là hậu thân của một trường tiểu học lập ra năm 1896 để dạy chữ quốc ngữ và chữ tây cho sĩ tử cao cấp, được coi là tương đương với trường Quốc tử giám dạy cho các sĩ tử đi thi Hội. Vì lẽ ấy, triều đình bảo hộ đã đặt cho cái tên khoekhoang là **quốc học**. Rồi tên ấy được giữ về sau. Trường **cao đẳng**

tiểu học Vinh lập năm 1920, cũng được gọi bằng tên ấy. Cổn và tôi đều thi đậu vào khoá thứ ba trường quốc học Vinh, năm 1922, và cùng ở nội trú. Phần lớn học trò trường Vinh thuộc gia đình có ít nhiều khoabảng cũ. Tuy chưa thuộc Hán văn lắm, nhưng đã biết thơ phú nôm nhiều. Đã thoát lốt nhidồng, đến đợt thanh niên, đời sống chung đã có nhiều lí thú. Có khi chúng tôi họp bạn ngâm thơ. Có khi vì thầy dạy quốc văn bảo dịch *Ngungôn La Fontaine*, Cổn và tôi đã mẫnmo dịch ra văn lục bát. Một hôm, Cổn làm một điều gì bị bạn hữu chê. Tôi trao cho Cổn một mảnh giấy mang ý tôi khuyên. Trong lớp học nội trú cuối ngày, Cổn cũng chuyển lại cho tôi mảnh giấy mang hai dòng, rằng “*Trong lòng tôi giữ một nơi, Để dành quý báu những lời anh khuyên*”. Khiếu làm thơ dề dang của Cổn đã thấy từ khi ấy. Trong giai đoạn này, một việc to đã xảy ra ở trường Vinh đối với chúng tôi : tự học trò dám đóng một vở kịch, *Chén thuốc độc* của Vũ Đình-Long, để thu tiền giúp đồng bào Nghệ-Tĩnh bị nạn lụt. Không những kháng giả thành Vinh hoàn hảo, mà gánh hát học trò này cũng được tán dương ở những thị xã lớn hơn, như Thanh Hoá và Nam Định. Trong tuồng, Cổn được chọn đóng một vai đào trẻ.

Bởi lẽ gia đình, Cổn phải từ giã trường Vinh để học ở Nam Định. Từ ấy, chúng tôi mỗi người đuổi theo một con đường học khác nhau, và hình như cùng nhau vĩnh biệt. Tôi xoay ra đường trung học Pháp để có thể sang Pháp học các trường khoa học ngành nghề. Cuối cùng về nước lại phải đảm nghề dạy học. Gặp lại anh em bạn cũ trường Vinh, quê Thanh Hoá, tôi mới hay rằng bạn Cổn cũng thi nghề giáo dục và đã vào Nam.

Thế rồi, thế giới chiến tranh bùng nổ, quyền hành trong nước

cũng đổi thay. Chỉ trong vài ba năm từ 1945, mà trên đất nước ta thay đổi ba bốn chính quyền, từ chế độ thực dân đến bán chính quyền, bán độc lập, rồi lại quay về tân thực dân, tân bảo hộ. Tôi quyết chí bảo tồn và khuếch trương văn hoá nước nhà đợt ngày độc lập. Tháng 3 năm 1951, để tránh một sự bức bách khẩn cấp, tôi lánh sang Paris. Tôi liền hợp tác với bạn Nguyễn Ngọc-Bích, chủ nhiệm nhà xuất bản Minh Tân, số 7 phố Guénégaud, để một mặt gây dựng một tủ sách nhỏ cho Việt Nam độc lập, và một mặt, riêng tôi, đề xướng và thi hành sự khải cứu **chữ nôm**, mong tìm di tích văn hoá ta xưa. Với Bích, tôi được biết rằng Cổn từ Sài Gòn đã sang Paris mấy năm trước, và cùng bạn Trần Văn-Khê học bổ túc ở nhiều lớp tại Sorbonne. Từ đó chúng tôi gặp nhau trở lại. Tôi không lấy làm lạ rằng bạn Cổn đã trở thành một nhà báo chí, nhà văn sĩ, thi sĩ có tiếng trong Nam. Tôi được nghe bạn đọc, hay bạn Khê ngâm những bài

Điếu bạn

*Bạn Cổn ra đi quá vội vàng !
Thân bằng chưa kịp tỏ lòng thương
Tuổi già chân yếu khốn qua lại
Thư viết tay run gửi trê tràng.
Nhớ lại bảy mươi năm về trước
Trường Vinh, ta kết bạn văn chương
Đóng tuồng để cứu dân bị lụt
Vọng cổ nghe ca rậy cả trường.
Bốn chục năm sau gặp lại Bạn
Đất người, xót nước chịu tang thương
“Mùa đông chiến sĩ” lời thơ Bạn
Thảm thiết làm li đến đoạn trường.
Tham dựng nước nhà thành mộng ảo
Mà lòng ưu ái vẫn đằm đàng
Ra đi im lặng vào vôtận
Hồn nước, hồn thơ, Bạn vẫn vương.*

Hoàng Xuân-Hân
(Tết Nhâm thân 1992)

Cổn sáng tác trong suốt thời kì chống ngoại xâm. Lời thơ Cổn vẫn nhẹ nhàng mà hùng hồn, uyển chuyển, hình như vì âm điệu nảy ra lời. Thivăn Nguyễn Văn-Cổn còn tâm huyết trong nhiều báo chí Sài Gòn, và mong bạn còn để lại cho gia đình những cao bản gần đây. Tập thơ của Cổn nay còn thấy là *Hồn sông núi* do một nhà xuất bản doãn mệnh B.V.T. đem in tại Pháp, tháng 8.1954. Nhờ tựa của tác giả, ta biết rằng Cổn đã có tập thơ *Nước tôi* xuất bản tại Sài Gòn năm 1944. Tập *Hồn sông núi* gồm 24 bài thơ chọn lọc viết trước 1953. Tutướng chọn lọc là như bạn đã viết trong lời tựa :

«Riêng ý tôi, trong lúc trú ngụ tại xứ người, thơ còn làm phấn khởi lòng tôi theo dòng cảm hứng nhớ tin, nhớ những xóm làng, những lũy tre xanh, những cầu cây nhỏ, những ruộng vàng, đồi đỏ, nhớ những giọng nói tiếng cười, những câu hò, lời hát, nhớ những chuyện vui buồn qua các thời đại, nhớ tất cả những gì đã gây nên dân và nước Việt ; tin ở tương lai xán lạn của dân tộc ta mà lịch sử không phải là một lịch sử hèn yếu...».

Muốn các bạn của Nguyễn Văn-Cổn trực tiếp thấy tâm trạng và văn từ của Cổn, tôi sẽ trích một số câu, từ một vài bài chép trong tập *Hồn sông núi* mách trên, xếp theo thứ tự thời gian :

Thơ Nguyễn Văn Cổn

Tỉnh Châu-đốc

(trích)

Mấy bữa nay, tôi người Châu-đốc,
 Xa cuộc đời lăn lóc bụi dơ.
 Sông trong yên lặng như tờ,
 Hồn tôi còn thấy chút thơ của đời.
 Bạn là cả muôn người họp mặt,
 Bạn là cùng vạn vật sống chung,
 Vui thăm rừng núi kiên trung,
 Mây hồng nhẹ kéo qua đồng lúa xanh...

(Châu-đốc, 1938)

Nhớ quê hương

(trích)

...Đâu là bạn mấy năm trời chiến đấu ?
 Để ngày mai tươi sáng đẹp như hoa ?
 Nhạc chiều dương trời dấy giữa rừng xa,
 Cùng gió lốc tung ngọn cờ oanh liệt.
 Nay xa quá hỡi tình thiêng nước Việt !
 Trong lòng ta như chết cả niềm vui,
 Trong cười say ca hát lệ thấm rơi,
 Hình dĩ vãng vẫn chưa mờ trong dạ...

(Paris, 1948)

Nàng Vọng phu

(trích)

...Chớp nhấp nhoáng bốn phương nổi hiệu
 Sấm vang lừng nhịp điệu nghiêm trang
 Sét xẹt tiếng sắt hào quang
 Núi cao uốn khúc đội vang giục hồi ;
 Đò nhạc điệu muôn đời bất tử
 Cửa nghìn trùng vũ trụ hiện ngang,
 Linh thiêng trong cánh chiều vàng
 Thân nàng hoá đá, hồn nàng cao bay...

(Thanh-hoá, 5.6.1942)

Tiếng đàn khuya

(trích)

Đêm nay trăng kéo tơ vàng,
 Bàn tay ngọc bồng nhẹ nhàng nắn cung,
 Tiếng đàn uyển chuyển trên không,
 Lướt qua ánh sáng chạm vùng lặng im.
 Vườn hoa động giấc êm đềm
 Làm cho những cánh hồng mềm mại rơi,
 Vuốt ve tơ liễu buông dài,
 Qua lùm cây tối nghe hơi lạnh lũng...
 Tiên Nga tóc xoã ngang lưng
 Tinh vi tượng ngọc tắm trăng nồn nà.
 Tiếng xa gọi nhớ ngày xa,
 Tiếng gần dăm ăm hồn hoa thêm gần,
 Thẹn như ân ái ngại ngần,
 Đẹp như đôi má giai nhân ửng hồng
 Nở hoa trên sóng không trung,
 Muôn hình sắc, điệu bay trong đêm vàng.

(Paris 1952)

Đứa bé mồ côi

(trích)

...Áo đen rách lớn phía tà sau,
 Quần vá nhiều mảnh vải khác màu,
 Bụng lép, tay run, đi chẳng vững,
 Nhà đâu, cha mẹ ở nơi đâu ?
 Cha nó xa rồi, hỡi bạn ơi !
 Từ ngày khói lửa bật tăm hơi,
 Mẹ đã chết thắm hôm oanh tạc,
 Nện để bây giờ nó lẻ loi.

(Sài Gòn, 1946)

TIẾP TỤC CUỘC ĐỐI THOẠI

Bản TỰ BẠCH của Dương Thu Hương và trả lời của Thụy Khuê đăng trên DIỄN ĐÀN số 6 tiếp tục gây ra tranh luận sôi nổi trong báo chí Việt ngữ hải ngoại. Chất lượng và trình độ các bài viết cũng muôn màu muôn vẻ. Có những bài vẫn quẩn quanh trong những xác tín vang bóng một thời, không đóng góp gì vào cuộc đối thoại, song cũng giúp bạn đọc hiểu thêm tâm tư và tầm cỡ tác giả. Một số tác giả kiên trì tinh thần đối thoại, song không khỏi hụt hẫng trước quan điểm nhất quán của Dương Thu Hương, ngỡ ngàng vì văn phong “bốc lửa” của tác giả TIỂU THUYẾT VÔ ĐỀ nên/và hơi quá lấn cấn với những ngộ nhận trong bản TỰ BẠCH.

Sự lấn cấn này chắc sẽ trôi qua với LÁ THƯ NGỎ GỬI BÀ THUY KHUÊ của Dương Thu Hương (xem trang bên), và lời đáp ngắn gọn dưới đây mà Thụy Khuê đã gửi tới toà soạn trước ngày số báo này lên khuôn :

« *Chị Dương Thu Hương,*

Đọc xong thư chị, tôi muốn cùng chị lập lại một lần nữa, câu mà chị đã viết trong thư : “ Dầu cho tình huống nào thì cuối cùng con người cũng có thể hiểu được con người, nếu lòng họ rộng mở ”. Tôi trân trọng những dòng chị vừa viết và trân trọng tấm lòng rộng mở của chị. Như chị, tôi cầu mong chúng ta còn nhiều dịp đối trao, đối thoại với nhau, để cùng

(xem tiếp trang 22)

Một nét người

Có những lúc, một lời nói, một cử chỉ hơn hẳn cả tràng lý luận. Vì lời nói có chất thơ, vì cử chỉ đậm nhân cách.

Trong đời mình, Dương Thu Hương đã nhiều lần bị lừa, bị lạm dụng. Có người cho chị là khờ. Trong ba cuốn tiểu thuyết nổi tiếng của chị, đều có chuyện lừa gạt, lạm dụng : tình yêu, tình cốt nhục, lòng yêu nước. Mỗi lần thua thiệt, Dương Thu Hương rút bài học cho mình, vì người khác. Cái khả năng ấy, có lẽ chị có được vì chị giữ trọn vẹn trái tim đã từng thôi thúc chị lao vào những trận địa nguy hiểm nhất nơi chiến trường, và khả năng suy nghĩ độc lập. Chị đã dám bước vào những cấm địa của cuộc sống, của tư duy. Với lá thư ngỏ gửi Thụy Khuê, chị bước vào một cấm địa mới, một cấm địa trong làng văn. Có lẽ chị là nhà văn Việt Nam đầu tiên có đủ bản lĩnh để kháng khái, công khai xin lỗi một người khác, vì chị đã hiểu lầm người ấy trong một vụ việc không do chị gây ra. Chị không hề dựa vào hoàn cảnh éo le đã khiến *Tiểu thuyết vô đề* xuất bản ngoài ý muốn của chị, và một người chị không quen viết lời tựa cho tiểu thuyết ấy, để biện minh cho mình. Chị không tự ái vật, không biết khôn vật. Ta hiểu nhằm thì, trước tiên, ta xin lỗi. Thế thôi. Phải là người ăn ở có tình mới xử sự như vậy. Tình người là gốc của mọi cái đẹp trên đời. Điều đó đúng với mọi văn hoá. Nhưng có lẽ chỉ có người Việt mới có lối nói : ăn ở với nhau cho có tình.

Trần Đạo

Lê Thứ

Nhân đọc bài TỰ BẠCH của DƯƠNG THU HƯƠNG

Phần chính yếu của bản *Tự bạch* không nhằm trả lời hay đối chất với Thụy Khuê. Dương Thu Hương rõ ràng nhằm tới một số bài bác, công kích gay gắt, hằn học và ác ý hơn. Ý kiến vào loại cho Dương Thu Hương chỉ là một thứ “ cò mồi ”, lãnh lương để chống chế độ, hoặc khác hơn, quyển sách của bà là lời “ sám hối ” của “ một kẻ đã từng là đảng viên cộng sản ”. Loại ý kiến không mấy may chuyên chở một thiện cảm nào. Vấn quan tâm đến sự đối thoại nghiêm chỉnh và xây dựng giữa các thành viên trong cộng đồng dân tộc, tôi xin được nói lên đây vài suy nghĩ riêng.

Tại Mỹ, tôi từng được đọc những dòng giới thiệu tác giả và tác phẩm trong nước — không riêng trường hợp Dương Thu Hương — thật chùng mịch, có những trân trọng vừa phải, có những phê phán nghiêm chỉnh. Con đường mở lại nhịp cầu thông tin và thông cảm giữa người trong nước và người ngoài nước đã có những bắt đầu tích cực. Rất đáng trân trọng và vun vén.

Đồng thời, tôi cũng được đọc không ít những triển khai, phỏng đoán, suy diễn, truy tìm những ẩn dụ về “ ý đồ ” chống lại Đảng cộng sản Việt Nam, chống lại chế độ, vất bỏ Marx, đánh đổ huyền thoại Hồ Chí Minh... hoặc những “ phản tỉnh ”, những ngụ ý “ từ bỏ hàng ngũ những người cộng sản để chạy sang hàng ngũ những người quốc gia ”, hoặc phủ nhận một giai đoạn lịch sử, phủ nhận — một hoặc cả hai — cuộc kháng chiến vv... Có một lần ranh, dù mờ nhạt, tinh tế, giữa việc tìm hiểu rất bình thường về một tác giả, một tác phẩm và một thứ hậu ý nào đó. Ở đây tôi chỉ xin nói tới những hậu ý như thế. Mong rằng, xin hãy cố để cho chính bản thân người trong cuộc làm rõ ra cái chủ tâm của họ. Ngay thẳng, rạch ròi bằng chính bản lĩnh và sự dũng cảm của họ. Hãy để họ trách nhiệm lấy tư duy và hành động của mình. Nếu bất kỳ vì một lý do nào, những điều đó chưa hoặc không xảy ra, sự kiện cũng cần được hiểu và tôn trọng. Như biết chấp nhận vị trí đấu tranh của người khác. Bằng ngược lại, có cố lôi kéo, tô vẽ cho lắm — dù không ác ý — cũng chỉ là o ép, khiên cưỡng. Tệ hơn nữa, là gán lời, gán ý vào miệng người khác mà thôi.

Công tâm mà nói, thái độ cố lôi tuột người khác về cái phía mình chọn, mình muốn, đòi hỏi họ phải bước qua một định mức nào đó thì “ ta ” mới chấp nhận được, đôi khi còn là phản ảnh của một số bệnh chứng rơi rớt của cuộc đương đầu quốc - cộng cũ. Tồn tại của những bức tường ngăn cách ta chưa leo qua, hoặc triệt hạ được.

(xem tiếp trang 20)



DƯƠNG THU HƯƠNG


Thư ngỏ gửi bà Thụy Khuê

Sài Gòn, ngày 16.4.1992

Thưa bà,

Tôi đã được đọc bài trả lời của bà cho *Tự bạch* cũng trên báo *Diễn Đàn* [số 6, tháng 3.92, *chú thích của DD*]. Những khác biệt về quan niệm, về ngôn từ, về phương pháp suy tưởng... giữa bà với tôi, tôi thiết nghĩ cũng là đương nhiên vì chúng ta có hai quá khứ khác nhau, hai môi trường sống khác nhau và hai sự nghiệm sinh khác nhau. Dù ít hay nhiều, chúng ta cũng đã từng bị khống chế bởi những hệ ý thức trái chiều và sự chi phối của dĩ vãng bao giờ cũng ghê gớm hơn người ta vẫn tưởng. Quá trình đi đến sự hoà hợp là quá trình soi rọi lại mình, sàng lọc, tẩy rửa và vun xới. Nó phải được thực hiện nghiêm cẩn với mọi cá nhân trên cơ sở thành thực và thiện chí. Nếu bà ưng thuận, chúng ta sẽ còn rất nhiều cơ hội để bàn luận việc này (với điều kiện Thần hộ mạng của bà và của tôi cùng phò trợ). Trong thư này, tôi chỉ đề cập đến một vấn đề, ấy là sự ngộ nhận của tôi với bà... Qua những người bạn tin cẩn của tôi ở Paris cũng như qua nhà văn Nhật Tiến, tôi biết bà là người chủ trương hoà hợp dân tộc và hiện đang ủng hộ đắc lực nhóm *Hợp Lưu* của hoạ sĩ Khánh Trường và nhà văn Nhật Tiến. Bà là người xót xa với thân phận dân tộc và tha thiết với đồng bào. Như vậy, tôi hiểu lầm bà một cách trầm trọng khi tôi đọc câu “*Dương Thu Hương là viên ngọc trong đám sinh lầy...*”. Tôi đã nghĩ rằng đám sinh lầy ấy bà ám chỉ đám đông dân đen, những người lầm than, tủi nhục, chìm đắm trong bóng tối của đau khổ và u mê. Bởi lẽ tôi là nhà văn của dân đen và tôi chiến đấu vì họ, nên tôi khó có thể hình dung ra cách ví von so sánh của bà. Cũng bởi lẽ nữa là trong tâm hồn thương tổn của tôi, đã có những vết thương nhức nhối. Trong hai lần tôi đi ra nước ngoài (đi Nga — 84 và 87 — mỗi lần hai tuần) tôi đã gặp tới 5 trường hợp người Việt chối bỏ gốc rễ của mình. Đó là những kẻ mới được phong lưu, hôm trước hôm sau đã trà trộn vào người Nga, tự giới thiệu là người Nhật người Tàu và lánh tránh đồng bào của họ như tránh hủi. Tại Hà Nội trong đám Việt kiều về thăm quê, tôi cũng gặp vài người có thái độ tương tự. Có lẽ, do những kỷ niệm không mấy êm dịu đó, trái tim tôi bị thương tổn và chứa đầy thuốc nổ. Thật rất đáng tiếc, những nỗi uất ức ấy đã trút vào bà, một người đầy thiện chí với tôi. Tôi vẫn nghĩ rằng, dù bà có ưu ái tôi bao nhiêu lần hơn nữa, mà bà khinh bỉ dân tộc, nhục mạ đồng bào thì xin bà tha thứ, tôi không bao giờ cho phép tôi mở lòng đón nhận những quà tặng đó. Tôi chỉ có một phe nhóm, một đảng phái, một triết thuyết thôi, ấy là lợi ích dân tộc. Với tôi, lợi ích dân tộc là tối thượng. Ai tôn trọng lợi ích đó, người ấy là bạn của tôi. Ai tha thiết với tương lai dân tộc, người ấy thuộc một phe nhóm, một đảng phái, một triết thuyết với tôi. Đó là vấn đề cốt tử, vấn đề cốt lõi. Còn lại, đó sẽ là phận sự của thời gian và của sự nỗ lực của mỗi cá nhân. Vậy thì, xin bà hãy nhận lấy lời xin lỗi chân thành của tôi. Tôi đã xử sự với bà thật bất công và phi lý. Có lẽ, sự lầm lẫn ấy trước hết là do không chỉ trái tim mà cả cái đầu tôi cũng luôn luôn bốc lửa. Sau nữa, là do phương pháp suy tưởng của chúng ta không giống nhau. Tuy nhiên, đầu cho tình huống nào thì cuối cùng con người cũng có thể hiểu được con người nếu lòng họ rộng mở. Điều lầm lẫn xui xẻo này chẳng ai muốn có nhưng cũng là một dịp để chúng ta hiểu nhau hơn, nhất là bà có cơ hội biết những khuyết tật và nhược điểm đầy rẫy trong tôi. Phần tôi, tôi rất sung sướng nếu bà sẵn lòng tha thứ cho tôi và quên đi những phiền muộn cũ.

Xin gửi tới bà lời chúc sức khoẻ và hạnh phúc.


Dương Thu Hương

Thứ nhất, đó là cái vương mắc, ảm ức rất lớn về nỗi được – thua sau cuộc chiến. Thứ khao khát cùng cực đã khiến Tổng thống George Bush, trong bài diễn văn *State of the Union*, đầu năm 1992, dựng dậy các xác chết trong cuộc chiến Việt Nam, để tung hô họ — đa số vốn là những con chốt thí đáng tội nghiệp¹ — thành những người chiến thắng. Một hành vi “*đào mộ chỉ để thay đổi trang phục hay tô son trát phấn cho các tử thi*”, theo cách nói của nhà văn Dương Thu Hương? Lạy trời, ít ra ông Bush tin được chính điều ông ấy nói!

Có thật chẳng một sự được – thua, nếu nhìn từ chỗ đứng của người dân lành Việt Nam? Những người trong và sau cuộc chiến vẫn chưa phút giây nhìn thấy sự vẻ vang. Chưa phải lúc nào để nhìn ra cái đau chung của dân tộc, để thấy cái thua, nếu có, là cái thua chung? Để “*kêu lên tiếng kêu đau đớn*”, “*nói lời sám hối chung của một nòi giống, một cộng đồng*”.

Kế đến, là một thứ ý niệm thật thô thiển cho rằng chân lý là thuộc về “*phe*” mình, hay ít ra, giờ đã về phe mình. Tôi nói thô thiển vì nếu muốn đặt lại vấn đề, trong đúng tầm cỡ và vị trí của nó, người ta còn cần phải duyệt xét lại rất nhiều điều. Lịch sử còn đó, cùng với muôn ngàn sự vụ còn ngổn ngang trong cuộc sống hiện nay, kêu đòi giải pháp. Và tôi e rằng, chính thái độ của một số người, tự cho mình là nắm lẽ phải, đã khiến cho những người như Dương Thu Hương phải phản ứng lại, phải thẳng thắn phủ định một sự cả tin không có căn cứ. Khi đã phản bác, Dương Thu Hương sẽ phải viện dẫn, tất nhiên là có lựa chọn, một số sự kiện chung quanh cuộc chiến, những trọng tội chiến tranh còn sờ sờ ra đó, như bà đã làm. Có người sẽ cho đây là một sự kích bác, trả đũa, có tính cách phe phái không chừng. Sẽ có thể có những phản bác đáp lại, vân vân và vân vân.

Nếu có những sự vụ như vậy xảy ra, tôi mong ước sao những người tham dự tranh luận sẽ có cùng chung mục đích tìm cho ra sự thật, để hiểu nhau hơn. Chứ không đẩy cho xa thêm nữa những ốc đảo biệt lập trong dân tộc. Không làm nên những co cụm mới. Trong cuộc đấu tranh mưu cầu tiến tới một nước Việt Nam thịnh vượng và tiến bộ hiện nay, việc giải toả được trong nhận thức của người bên ngoài, là chúng ta, một khoảng cách khá lớn, giữa hiểu biết chân xác về thực tế đấu tranh cực kỳ phức tạp của những người trong nước và cái “*ý chí*”, hoặc “*kế sách*” của những người ngoài nước, là một yêu cầu bức thiết. Để bắt đầu, đó là việc, cả hai phía, nhận ra nhau, trân trọng và phát huy cái chung của nhau. Đó là một việc còn rất khó. Mưu tìm sự chiến thắng, hay khuất phục nhau, về mặt tư tưởng hoặc lý luận trong lúc này, có lẽ là chỉ đuổi bắt ảo ảnh, phung phí thời gian và năng lực của nhau.

Thái độ “*chỉ có ta là đúng*” mặc nhiên đã gạt bỏ tính đa nguyên. Giờ đây, nếu mỗi người, ở vị trí, hoàn cảnh, tư duy riêng của mình, cố gắng đóng góp cái phần nhỏ nhoi nhất để mưu tìm một lối đi ra cho đất nước, đã là quý lắm rồi. Nếu vì lý do gì đó, những người có cùng một hướng ước vọng chưa thể đi đến sự đồng cảm, hoặc trân trọng nhau chân tình, cũng xin đừng là huỷ

thể của nhau.

Niềm tin — hay ngộ nhận — “*chỉ có mình là đúng*” còn cản trở việc kiểm điểm lại cả một quá trình thật dài, thật phức tạp, một quá trình mà hầu hết chúng ta đã phải đi qua. Chẳng hạn, sự phê phán nghiêm túc các vấn đề của chế độ miền Bắc trước đây, và cái gọi là chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam từ sau 1975, không hề, và không thể, mặc nhiên đồng nghĩa với vinh danh những chế độ đối nghịch của nó ở miền Nam. Logic, khổ thay, không thô sơ như vậy. Mong sao, sự kiện những người sinh ra và lớn lên trong chế độ miền Bắc, như Dương Thu Hương, có đủ dũng cảm và chân thật để tìm kiếm lại chính mình trong nỗi đau chung của dân tộc, sẽ là một khích lệ cho những người sinh ra và lớn lên trong chế độ ở miền Nam — tôi là một — trở lại tìm hiểu và suy nghiệm về chính nỗi trầm luân của dân tộc, nhìn thêm từ một góc cạnh khác, để thấy lại chỗ đứng tương xứng của chính mình. Trong quá trình ấy, chúng ta sẽ có dịp trao đổi thêm với những người như Dương Thu Hương một cách ngay thẳng hơn, rõ ràng hơn, hiểu biết hơn và thân tình hơn.

Tạp chí *Diễn Đàn*, trong phần giới thiệu bản *Tự bạch* của Dương Thu Hương, lạc quan cho rằng, những điểm chưa hiểu nhau “*rồi sẽ được giải toả*”, thông qua đối thoại giữa những người “*chịu đi giữa hai làn đạn*”. Tôi đồng tình với suy nghĩ này.

Từ khi Dương Thu Hương trở thành một cái tên quen biết ở hải ngoại, rất nhiều người, nhiều nhóm đã viết về bà; suy nghĩ cũng như cảm tình dành cho Dương Thu Hương nhà văn — và Dương Thu Hương công dân — do đó rất đa dạng. Giá Dương Thu Hương được cơ hội nhìn bao quát, đầy đủ các bài viết, ý kiến ấy — và trong một trạng huống thể chất và tâm lý khác — rất có thể bà sẽ không có một số phản ứng như đã viết trong bản *Tự bạch*. Hoặc ít ra, sẽ có một sự tách biệt, ở một mức độ nào đó, các điều bà Thụy Khuê viết, trong bài tựa sách *Tiểu thuyết vô đề*, ra khỏi một số lập luận cực đoan, vừa công kích chế độ, vừa hằn học với Dương Thu Hương, một cựu “*đảng viên*”, một người vẫn không chịu “*dứt khoát chạy lại*” với những người chống cộng! Thụy Khuê viết: “*Chỉ một tấm lòng đối với đất nước của người viết và sự dũng cảm gói ghém trong những dòng chữ đắt giá này, đủ là tặng phẩm quý báu, đáng cho độc giả giữ gìn, bảo tồn và trân trọng*”. Chỉ điểm đó không thôi cũng đủ khiến tôi tin rằng vương mắc lần này, nếu có, cũng dễ được giải toả.

Và, nếu có một người nào đó trên đời này sẵn sàng để cởi mở những thứ vương mắc này, kẻ đó phải là Dương Thu Hương. Tôi không tán dương suông — một hành động Dương Thu Hương sẽ không ưa — tôi chỉ cố gắng hiểu và tin điều bà viết sau đây: “*...người Việt nào có một lương tri mạnh mẽ và khoan dung, người Việt nào tôn trọng lẽ công bằng, can đảm vượt qua những định kiến của quá vãng, tha thiết với lợi ích chung của dân tộc, những người ấy sẽ hiểu* (Dương Thu Hương)”. Một người còn tin vào những điều hợp lý như thế, tất nhiên sẽ chọn cách hành xử tương xứng.

Lê Thứ
(3.1992)

¹ *When No One Wanted to Fight*, David H. Hackworth, *Newsweek*, Feb. 24, 1992. Tác giả mô tả lại bối cảnh chính trị quân sự của những năm cuối 60, đầu 70, trên cả hai mặt trận Việt Nam và Hoa Kỳ, để nói rằng, ngay ở vị trí một người chỉ huy quân sự lúc đó, ông hiểu và đồng tình với những người Mỹ khước từ tham chiến ở Việt Nam.

Diễn Đàn cảm ơn tác giả đã cho phép đăng lại bài này. Đây là phần nhì của một bài viết mang cùng đầu đề mà toàn văn đã được đăng trên số 4 tạp chí *Hợp Lưu* (Hoa Kỳ).

Trần Đạo

Cuộc độc thoại cần thiết



Gần bốn mươi năm sau Điện Biên Phủ, chiến tranh Đông Dương còn làm người Pháp nhức nhối. Mỹ có khoảng 50 000 người chết trong chiến tranh Việt Nam. Gần hai mươi năm sau, chiến tranh ấy vẫn ám ảnh xã hội Mỹ. Trong ngót nửa thế kỷ, có lẽ cả chục triệu người Việt Nam đã chết qua hai cuộc chiến. Lại thêm một cuộc di cư và một cuộc di tản khổng lồ. Vết thương ấy không dễ gì khép liền. Chuyện ấy đòi hỏi ở người Việt Nam một lòng nhân, một trí tuệ, một nghị lực phi thường. Chỉ có thế hệ này mới có thể thực hiện được chuyện ấy. Không làm được, thế hệ sau sẽ quét sạch, coi năm mươi năm lịch sử đẫm máu kia như một trò hề của một lũ ngốc.

Dương Thu Hương ngồi tù, đột nhiên thấy *Tiểu thuyết vô đề* xuất bản ở Mỹ ngoài ý muốn của mình, phải viết bài *Tự bạch*. Thụy Khuê không muốn mà vẫn phải cầm bút trả lời. Nhật Tiến viết bài, vừa tỏ lời quý trọng, thông cảm hai nhà văn, vừa “giải thích” vì sao Dương Thu Hương còn có mặt “thiên vị”, và hiểu sai Thụy Khuê. Đủ thấy một cuộc thảo luận giữa người Việt Nam hôm nay khó đến thế nào. Tại sao hiểu nhau lại khó như vậy? Không hẳn vì thiếu thông tin, thiếu hiểu biết, tuy hai điều ấy quan trọng. Có lẽ vì nhu cầu hiểu nhau, một nhu cầu khá bất thường: trong cuộc sống người ta gần người hợp tình hợp ý, xa người khác biệt mình, thế thôi, mấy khi có cái nhu cầu hiểu người khác. Cái nhu cầu ấy, chỉ có chúng ta, những bèo bọt của cuộc chiến vừa qua mới có được. Dễ hiểu. Khó làm. Nó đòi hỏi một việc không dễ thực hiện.

Người mắc ung thư có thể sống thêm vài năm tháng, nhưng đến chết cũng không thể quên căn bệnh của mình. Cách sống đàng hoàng nhất là nhìn thẳng nó, xây dựng cuộc sống còn lại. Cuộc chiến vừa qua là ung thư trong tâm hồn những người còn rơi rớt lại. Ta phải ôm lấy nó, quấn quai với nó, gạt bỏ khỏi đời ta những thành kiến, sai lầm, mù quáng, âu yếm giữ gìn những tình cảm, giá trị ta vẫn thấy là chân chính và, trên cơ sở đó, hướng về tương lai. Như thế, cuộc đời ta, quá khứ, hiện tại, tương lai mới thống nhất, mới có ý nghĩa, có giá trị. Có nhân cách. Như thế, ta mới thoải mái gánh mọi sự mất mát, thua thiệt, đôi khi vô lý vô cùng. Như thế, ta chấp nhận thân phận của mình trong thời đại của mình, đưa vai gánh nó. Như thế, ta hiểu mình trong thời cuộc. Không hiểu mình, khó có khả năng hiểu người khác. Không hiểu nổi người khác, khó có khả năng hiểu chính mình.

Dương Thu Hương sống và lớn lên trong chế độ xã hội chủ nghĩa. Mười tám tuổi, chị xung phong đi đánh Mỹ cứu nước. Người đàn bà đã cống hiến tuổi xuân của mình cho lý tưởng, đã vì nó tạm bỏ qua những điều chướng tai gai mắt chị đã chứng kiến dọc đường, lúc vào Sài Gòn, không hoa mắt vì chiến thắng

hay vì những đồng hàng tiêu dùng, mà lạng người trước những quây sách đầy tác phẩm bốn phương, kể cả tác phẩm của Marx. Rồi chị xả thân đấu tranh cải tiến xã hội, nói thẳng thừng, công khai, những điều nhiều người không dám nói, hoặc chỉ dám thổ lộ một cách quanh co. Và đi tù. Ở Việt Nam, người vào tù biết ngày vào, chẳng thể biết có ngày ra hay không. Thế mà tư thế, ngòi bút của chị vẫn dõng dạc. Có lẽ vì chị đã làm cái việc hiếm ai làm được: ôm những mảnh đời tan tác của mình, gạt bỏ những gì đáng gạt, vun xới những gì còn lại để nuôi nấng tương lai. Ba quyển tiểu thuyết nổi tiếng của chị đều thể hiện chuyện ấy. Có thể vì vậy tác phẩm của chị xúc động người cùng hoàn cảnh. Nó là lời mời tiến hành cuộc độc thoại đau đớn, cần thiết, với đời mình. Để ngừng mặt lên đường. Với người khác.

Có lẽ vì vậy mà tác phẩm của chị làm nhiều độc giả Việt Nam ở hải ngoại xúc động. Nhưng sự tiếp đón ở đây phức tạp hơn. Có người hả hê đón nhận nó như bằng chứng hùng hồn rằng mình đã hoàn toàn có lý. Họ sẽ hả hê có lý đến chết, bên lề dòng lịch sử, sản phẩm của đồng loại. Có người rung động vì thấy mình đã không hoàn toàn sai. Đó là không kể có kẻ lưu manh muốn lạm dụng tên tuổi và tác phẩm của Dương Thu Hương.

Đã 17 năm! Một thế hệ mới đã hình thành trong nước, một thế hệ không có lý tưởng, không tin một giá trị nhân bản nào. Nhà văn, người trí thức Việt Nam hôm nay, có gì để nói với họ về cái thế giới họ kế thừa, về cuộc đời họ phải gánh? Và với tư cách nào để có thể lọt tai họ? Riêng về giới Việt kiều ở Pháp và Mỹ, đủ các phía, có khi nghe chuyện hay đọc sách họ xuất bản mà phải sững sờ. Còn có người, sống hơn 10 năm ở Mỹ, vẫn tưởng năm 1964 chính Bắc Việt đã tấn công Hạm đội 7! Còn có người không hiểu nổi sự khác biệt giữa những vụ thanh toán nhau trong thời chiến và 750 quả bom Hiroshima trải lên quê hương từ Nam chí Bắc. Còn có người định ninh cải cách ruộng đất 1953-56 chủ yếu là đánh địa chủ phong kiến, và đánh Nhân văn - Giai phẩm là chống âm mưu phản loạn của giai cấp tư sản. Chúng ta sống ở hai nơi trên thế giới có khá nhiều tài liệu từ các bên, kể cả tài liệu mật. Thế mà lắm lúc ta chỉ hiểu được những gì minh họa cho quá khứ khốn nạn của ta, khi ta còn đui chột. Thế mới thấy, thậm chí định lại đời mình khó khăn, đau đớn đến thế nào! Ôi, có thể ta không đủ sức làm cái chuyện Dương Thu Hương đã làm, trong hoàn cảnh của chị: nhìn thẳng những sự kiện, hiệu đính chúng, liên hệ chúng với những gì ta đã cảm, đã nghĩ, đã làm, đã sống, đã được, đã mất, khi ta chưa có điều kiện thấy hết, gạt bỏ, vun xới, chấp nhận lịch sử, chấp nhận thân phận mình trong đó và, do đó, có đủ tình, đủ trí, đủ nghị lực để hiểu người khác đã phải gánh lịch sử trong hoàn cảnh khác ta và, nếu có thể, cùng họ sáng tạo tương lai.

Tương lai, tự nó là nói KHÔNG với hiện tại. Nói KHÔNG với hiện tại một cách nhân bản phải ôm vào lòng cả cuộc đời của mình, cả quá khứ của dân tộc, của loài người, để cất bước.

Đối với người Việt Nam hôm nay, về lịch sử vừa qua, có hai câu hỏi gốc:

1/ Cuộc chiến vừa qua có mang tính chất ý thức hệ hay không?

2/ Cuộc chiến vừa qua có mang tính chất giải phóng dân tộc hay không?

Về vấn đề thứ nhất, có lẽ mọi người đều chấp nhận là có.

Người cộng sản đã đành : họ không hề giấu quan điểm và mục đích cuối cùng của họ. Người theo kháng chiến cũng vậy : mấy ai chống sự lãnh đạo của cái đảng ấy trong chiến tranh ? Về phía người quốc gia, hay những người đồng hành, cũng rõ ràng. Dĩ nhiên, tinh thần quốc gia, tự do, dân chủ, tự chúng không đủ để hình thành một hệ tư tưởng quán xuyến, nhưng chống cộng với bất cứ lý do nào cũng đủ, trong hoàn cảnh ấy, để đặt người chống cộng vào thế của một đối thủ trong cuộc chiến tranh ý thức hệ. Trong cả hai phía, hiện nay vẫn có người nghĩ rằng cuộc tranh chấp ý thức hệ phải giải quyết và chỉ có thể giải quyết bằng bạo lực. Họ sẽ chẳng bao giờ thảo luận được với nhau. Cái đáng buồn cười, và đáng buồn, là số đông những người đó không phải ở trong Đảng cộng sản Việt Nam (còn mấy người thực sự tin tưởng vào những lý thuyết họ từng sùng bái ? Chỉ coi hành động cụ thể của họ cũng thấy) mà ở người Việt Nam di tản ! Những người này có thể sẽ thắng một cách bất ngờ : những gì họ mong ước có thể sẽ được thực hiện, có điều là chính guồng máy của Đảng cộng sản hôm nay sẽ thực hiện và ... thụ hưởng ! Song, ngày càng đông người, ở cả hai vị trí, chấp nhận rằng cuộc tranh chấp ấy có hại cho dân tộc, hay, ít nhất, xử lý nó bằng bạo lực là điều nguy hại cho dân tộc.

Trả lời câu hỏi thứ hai phức tạp hơn, đau đớn hơn cho mọi người. Nhưng, mặt nào đó, đối với ai có đầy đủ thông tin, cũng dễ dàng hơn. Điều cốt yếu là phải phân biệt hai khía cạnh : 1/ tình cảm của người nhập cuộc, 2/ thực tế của sự kiện. Về mặt tình cảm, nói chung, không một người Việt Nam nào có quyền nghi ngờ lòng yêu nước của người khác. Về mặt thực tế của sự kiện, ta (những người sống ở hải ngoại) có tương đối đầy đủ tài liệu để xác định được vai trò thực, ở mức độ thực, của Mỹ, Nga, Tàu, Đảng Cộng sản Việt Nam, các chánh quyền liên tiếp ở Sài Gòn. Điều đó không khó. Cái khó nhất là ta dám nhận ta đã từng làm con rối tới mức nào. Ta chưa làm được điều đó, đương nhiên ta chưa dám hiểu chính ta trong thời cuộc đã qua, ta không có khả năng hiểu người khác và, không những ta không có gì đáng kể để nói với nhau, để nói với thế hệ sau, mà ta không có tư cách để nói bất cứ điều gì. Còn lại : khả năng lái nhái tới chết những điều cũ rích, ngày càng ít người thêm nghe.

Trần Đạo

Cuộc đối thoại tiếp tục

(tiếp theo trang 18)

mở rộng tầm nhìn. Nguyên ước ấy, không chỉ ở riêng chị và tôi, mà còn là nguyên ước chung của những người — như chúng ta — tha thiết với tương lai dân tộc. »

Paris, 23.4.1992

Thuy Khuê

Hiểu lầm cơ bản đã giải toả, cuộc đối thoại có thể đi vào thực chất. Trong tinh thần ấy, chúng tôi đang trong số này bài viết của Lê Thứ (California) và Trần Đạo (Paris).

Điều trước tiên cần nói về *Mảnh đất lắm người nhiều ma* của Nguyễn Khắc Trường là sức lôi cuốn khá mạnh của nó nhờ lối kể chuyện có pho có phách, ít nhiều mang dáng dấp tiểu thuyết chương hồi của Trung quốc : ở cuối một số đoạn dài, tác giả thường hé mở cho thấy trước những gì sắp xảy ra để kích thích sự tò mò của người đọc theo kiểu “hạ hồi phân giải” !

Chẳng hạn như ở trang 52 ông viết : “*Nhưng lão Quềnh đã không sống được đến chiều mà về để nhìn thấy phần cơm của người đàn bà xa lạ dành cho mình. Có ai ngờ một sức vóc như thế, một người vô hại như thế mà lại bị lưỡi hái của tử thần xén ngọt như dưa.*”

Hoặc ở trang 201, về hậu vận của chị Bé ông đã nói nửa úp nửa mở : “*Bà Sơn đã rước người đàn bà lạ về như rước một tai họa ! Một tiền định ! Nhưng đây là chuyện của một tháng sau nữa.*”

Như trong “truyện tàu”, nhiều khi tác giả cũng nhảy xổ ra bình luận, phân bua cùng người đọc, kiểu : “*ở hiền mà chẳng gặp lành là thế đấy ai ơi !*” (tr. 52)

Với lối văn rất bình dị, ông thích dùng những thành ngữ dân dã đôi khi khá táo bạo nhất là đặt ở miệng một người đàn bà : “*Cầm buổi cho người khác đá !*” !

Ông dùng cả những thành ngữ quen thuộc của ngôn ngữ cách mạng hiện đại, thường là với sự đùa cợt :

— “*Đưa cay xong, lão Quềnh “diệt gọn” một nồi ba cơm*” (tr. 57)

— “*Chỉ có dịp này mới có thể đánh tận gốc, trốc tận rễ vây cánh nhà Trịnh Bá ra khỏi mọi quyền lực từ thôn lên tới xã.*” (tr. 376)

— “*Thế là chị ấy đã nắm vững phương châm “một tắc không đi, một ly không rời” và dùng chiến thuật “đánh đổ từng bước, đánh lui từng bộ phận, tiến tới làm chủ hoàn toàn tình thế” của chiến tranh nhân dân đấy !*” (tr. 444).

Lối bông đùa này thật ra cũng thường gặp trong câu chuyện hàng ngày của đồng bào trong nước : nó đang góp phần “phi thiêng hóa” (désacraliser) ngôn ngữ và sinh hoạt chính trị ở Việt Nam hiện nay.

Tất cả những yếu tố nói trên đã tạo ra được, nếu nói như Bertolt Brecht, khoảng cách (distanciation) giữa tác giả, người đọc và tác phẩm. Kết quả là người đọc, dù có bảo thủ đến đâu đi nữa cũng không thể nghi tác giả có ý đồ “phản động” hay chống phá chủ nghĩa xã hội khi nhận ra là ông ta đã đưa mình đi vào một hiện thực đáng kinh hoàng và bắt mình phải suy nghĩ. Có lẽ chính đó là lý do cốt nghĩa tại sao ban giám khảo Hội nhà văn đã không quá bị “sốc” và đã tặng giải thưởng cho *Mảnh đất lắm người nhiều ma*.

Câu chuyện bắt đầu vào những ngày cái đói giáp hạt “nhảy xổ vào cả xóm Giếng chùa, xóm vẫn quen đứng đầu về cái sang cái giàu toàn xã”. (tr. 5)

“*Những mặt người hao gầy, nhón nhác hút hải cứ tưởng như vôi vãi đi đâu nhưng kỳ thực chẳng có việc gì hết, cứ ra vào quanh quẩn với cái bụng sôi ề ề !*” (tr. 8)

Họ đang chờ vụ gặt đầu tiên sau cải cách nông nghiệp quan trọng thường được gọi tắt là “khoán 10” : hợp tác xã giao đất cho nhân dân tự ý canh tác, thu hoạch rồi sau đó nộp thuế và một số đóng góp khác cho nhà nước và hợp tác xã (khoảng 30% sản lượng đạt được).

Như tên gọi của cuốn truyện, đây là câu chuyện về một mảnh đất lắm người nhưng hầu hết đã biến thành ma cả rồi sau hơn 30 năm xáo trộn triền miên. Trước kia Giếng chùa cũng đã nổi tiếng nhiều ma nhưng khi ấy ma và người chưa lẫn lộn với nhau : tập trung ở núi ông Bụt, ma chỉ hù dọa người và thỉnh thoảng cũng gây ra một vài sự cố nhưng không quá nghiêm

trọng.

Thế rồi núi ông Bụt đã bị phạt trụi nên ma quỷ cũng bị cắt " hộ khẩu " và dường như đã bỏ đi đâu mất. Nhưng theo cô thống Biện, ông thầy cúng của Giếng Chùa, thì " *dùng tướng đất này đã hết ma* " : " *hôm ấy tôi đi nhận ruộng hộ con cháu, thấy hốt quá ! Nhìn chả thấy người đâu, toàn ma ! Những thân người sống ngồi đấy mà cấm còn nhận ra ai nữa [...]* Những con ma tham, ma ác [...], con nào cũng lành chanh lành chổi mồm năm miệng mười, chả còn bùa dêu mà yểm cho xuế ! " (tr. 16).

Và hai con ma-người gộc nhất, kinh khủng hơn những con ma ngày xưa gặp trăm lần là Trịnh Bá Thủ (đương kim bí thư xã) và Vũ Đình Phúc (một đảng viên kỳ cựu) , lãnh đạo hai họ Trịnh Bá và Vũ Đình dùng mọi thủ đoạn độc địa nhất để triệt hạ nhau.

Phúc là con của địa chủ Vũ Đình Đại. Vào thời cải cách ruộng đất, Phúc đã là đảng viên và đang làm bí thư đoàn thanh niên của xã. Để bảo vệ sinh mạng chính trị của mình, Phúc đã đấu tố cha theo đúng bài bản. Do đó mà Vũ Đình Đại, sau khi tai qua nạn khỏi, đã không nhìn mặt con nữa trong hơn 30 năm.

Thế mà sau khoán 10, khi tình hình xã hội-chính trị ở nông thôn đã thay đổi hẳn và trở nên thoải mái hơn trước đó vài năm rất nhiều, Phúc đã mời được cha về đoàn tụ. Ta hãy nghe ông ta thuyết phục bố, đúng là với cái lưỡi của một Tô Tần thời Chiến quốc : " *Thời bấy giờ nó nhiều nhượng, trắng đen lẫn lộn, cóc ngoé nháy lên làm người ! Muốn còn chỗ đứng thì phải biết lựa. Chân dù có nhún nhưng lòng vẫn khinh. Nhún với mấy thằng hách xằng để giữ cái lớn hơn, cái lâu dài. Bấy giờ không thế thì còn gì còn Đảng ! Mà không có chân Đảng viên thì cái họ nhà này chúng nó cho ăn bùn ! Chân trắng thì làm gì chen được cái chức chủ nhiệm hợp tác, sáu bảy năm trời ? Mấy đứa trong họ nhà này vào được Đảng là nhờ ai ? [...]* Rồi gạch ngói nhà chú Quý này, nhà bá Sang kia, không ở đấy mà ra thì ở đâu ? Cũng mang tiếng mua, nhưng người khác trả mười, thì mình trả một [...] Tôi vừa mất chân Đảng ủy, nghỉ chủ nhiệm, thế là đã đủ chuyện rắc rối rồi. Phe cánh nhà Trịnh Bá đang lắm le chiếm hết quyền hành cái xã này. Nó dám nói chi họ Vũ Đình quanh năm lục đục thì còn lãnh đạo ai ! " (tr. 27, 28).

" Hôn nhân, điền thổ, vạn cổ chi thù ".

Hai họ Trịnh Bá và Vũ Đình thù nhau từ mấy đời nay cũng là vì hai thứ đó cộng thêm với tham vọng về quyền lực. Thù đến độ sau khi cụ cố Vũ Đình Đại chết, Trịnh Bá Hàm, người anh cả mà Thủ vẫn nể sợ, đã tổ chức đào mồ để lật sập cụ cố xuống và lấy ván hòm bằng gỗ dổi đóng một bộ xa lông cho thật " mốt " rồi bán cho chính anh em họ hàng nhà Vũ Đình.

Đoạn sau đây của bài " yểm " do Trịnh Bá Hàm đọc trước khi đào mộ đã nói lên mức độ tàn bạo của mối cựu thù. Ông ta nguyện cho họ Vũ Đình phải chịu :

" Ba đời tuyệt tự
Hữu nữ vô nam
Hữu sinh vô dưỡng
Gái thì đẻ ngược
Giai chết không mồ
Đứa ngả xứ Đoài
Đứa vùi xứ Đông
Đứa sống chạy rong
Quanh năm khốn khó..."

Nhưng vụ đào mộ đã bị phe Vũ Đình phát hiện kịp thời ; ông Hàm và những người tông phạm bị bắt đưa lên xã, mở đầu cho

một cuộc đấu đá giữa hai họ với nhiều pha gay gắt và nhiều thủ đoạn, mưu kế quỷ khốc thần sầu. Nạn nhân đầu tiên của cuộc đấu đá đó — được định hướng bởi lòng căm thù và lòng tham quyền lợi chứ không phải một giá trị cao đẹp nào khác — là bà Sơn, vợ ông Hàm và tình nhân xưa của ông Phúc, một người đàn bà bất hạnh đáng thương.

Trong những trang cuối của cuốn truyện, quan hệ giữa hai họ Trịnh Bá, Vũ Đình dường như chuyển sang một giai đoạn hoàn toàn mới : trước phản ứng của những người còn giữ được lương tri mà tiêu biểu là Tùng và trung tá Chính, hai phe Thủ, Phúc đã liên minh lại để chống trả ngay cả bằng bạo lực, trấn áp nhằm bảo vệ quyền, lợi của họ.

Nhưng *Mảnh đất lắm người nhiều ma* không phải chỉ có thế. Nguyễn Khắc Trường còn vẽ ra được một bức tranh sinh động về một làng trung du Bắc bộ hiện nay với những cảnh ma chay, lên đồng, giành đất, chửi bới có văn có điệu... với những tệ đoan xã hội như nạn cưỡng hào mới, tham ô, cho vay nặng lãi... Nếu không có một số từ hay một số thành ngữ mới như Đảng, hợp tác xã, bí thư, chủ nhiệm, phó thường dân, v.v..., nếu không có cái ngôn ngữ chính trị đầy biến chứng, người đọc nhiều

lúc cứ tưởng là đang ở trong thế giới của Ngô Tất Tố hay Vũ Trọng Phụng.

Những ai có theo dõi đời sống văn học Việt Nam từ vài năm nay đều kinh ngạc về sự bùng nổ tính dục được phản ánh trong nhiều truyện ngắn, tiểu thuyết, sau một thời gian dài bị ẩn ức. Trong *Mảnh đất lắm người nhiều ma*, Nguyễn Khắc Trường cũng đã dành nhiều trang để miêu tả — phải nói là với sự khoái trá, hồ hởi — sinh hoạt quan trọng này, đặc biệt ở nông thôn Việt Nam vốn thiếu trò giải trí. Thôi thì đủ cảnh yêu đương, làm tình : khi thì miễn cưỡng kiểu " *mặc người mưa Sở mây Tần...* " (ông Hàm - bà Sơn), khi thì hào hứng " *tiến công* " với hết lòng phục vụ để đoạt lấy những ngày mai ca hát (ông Hàm - chị Bé), khi thì ốm ờ " *thừa thắng xông lên* " như Xuân tóc đỏ (ông Quán Ngư - bà Đỗ Ngọt), khi thì hừng hực sức sống của tuổi thanh xuân (Tùng - Đào, Tùng - Minh) v.v...

Phải công nhận là Nguyễn Khắc Trường có một quan niệm phóng khoáng và nhân đạo về tình dục, đặc biệt trong những trang ông viết về Lạc, vợ trước của trung tá Chính. Vì chồng đi chiến đấu xa sau một tuần hương lửa đang nồng, Lạc ở nhà đã lần lượt " *bắn tỉa, diệt gọn* " hầu hết các ông trong ban quản trị hợp tác xã tuy trong lòng cô vẫn yêu chồng. Theo cô " *đời người được mấy cái xuân mà hết năm này sang năm khác cứ vô vô một mình* ". Ta hãy nghe cô vừa khóc vừa than với một chị bạn thân : " *Nhưng chả nhẽ đêm nào em cũng đổ thóc vào xay ! Đổ gạo vào giã !* " Tuy là mọt mọt thật đấy nhưng gợi hình, lời than đó bi thảm không thua chi cái buồn dằng dặc của nàng chinh phụ. Dù có đồng tình hay không với Lạc, ta cũng phải chịu rằng đó là thái độ và hành động của một " *phụ nữ đòi quyền sống* " trọn vẹn thân xác của mình.

Giải phóng dần dà xã hội ra khỏi sự ẩn ức kéo dài từ hàng nghìn năm nay do sự thống trị của đạo lý Khổng Mạnh rồi " *cách mạng* " , tôn trọng kích thích tình dục của con người, có lẽ cần được xem như là một dấu hiệu lành mạnh : đó là sự phản kháng lại mọi quan niệm đạo đức giả !

Được bọc trong lớp đường tạo nên bởi sự bỡ ngỡ có phần nhân hậu và mực thước của Nguyễn Khắc Trường, " *Mảnh đất lắm người nhiều ma* " là một liều thuốc đắng có sức công phạt mạnh vì đã gọi ra nhiều vấn đề chính trị xã hội nóng bỏng hiện nay không phải chỉ riêng của một làng trung du Bắc bộ !

Alexandre de Rhodes và sự hình thành chữ quốc ngữ

Hồng Nhuệ

Trước đây ba bốn chục năm, Alexandre de Rhodes thường được kể như một trong những người chính yếu đã đóng góp vào sự hình thành chữ quốc ngữ, một trong những người đã sáng chế ra thứ chữ viết này, nếu không là người chính yếu nhất. Do đó năm 1941 ở Hà Nội đã tổ chức dựng bia kỉ niệm có toàn quyền Jean Decoux chủ tọa với sự tham dự của các ông Ngô Tử Hạ, Nguyễn Văn Tố, Paul Boudet. Thực ra cũng là một việc làm chính đáng, bởi vì năm 1651, de Rhodes đã cho ấn hành ở Roma ba cuốn sách làm cơ sở cho thứ chữ phiên âm theo mẫu tự Latinh, cuốn *Từ điển Việt-Bồ-La*, cuốn *Phép giảng tám ngày* và cuốn *Ngữ pháp tiếng Việt*. Cái năm quan trọng 1651 này cũng đã được dùng làm cái mốc để người ta phân chia giai đoạn hình thành chữ quốc ngữ : giai đoạn de Rhodes, tiền de Rhodes và hậu de Rhodes, trước và sau nhân vật lỗi lạc này. Thực ra, trước ông, mới chỉ có một vài dòng chữ in rải rác đó đây và một ít bản viết tay kể từ 1621, và sau ông cũng chỉ còn một ít bản viết tay, tử như mấy bức thư của Văn Tồn và Bentô Thiện năm 1659. Từ đó, phải chờ cho tới khoảng năm 1774 mới có *Từ điển Việt-Latinh* của Pigneaux de Béhaine, vẫn còn là bản thảo nằm trong văn khố, Philiphê Bình¹ và sau cùng mãi tới năm 1838 mới có hai bộ từ điển đồ sộ của Taberd, cuốn *Nam Việt-Dương hiệp tự vị* và cuốn *Tự vị Latinh-Việt*.

Thế nhưng năm 1972 Đỗ Quang Chính, trong *Lịch sử chữ quốc ngữ 1620-1659*, đã đưa ra một giả thuyết : Alexandre de Rhodes chưa chắc đã là người giỏi nhất về tiếng Việt, bởi vì Gaspar d'Amaral có thể còn tinh thông hơn ông. Tác giả quả quyết như vậy bởi vì ông tìm thấy trong một bản thảo của d'Amaral viết năm 1632, có những biểu hiện tích cực về một thứ chữ quốc ngữ hoàn hảo hơn cũng thứ chữ đó trong một bản viết tay của de Rhodes năm 1636 (Đỗ Quang Chính, Sđ, tr.65, Sài Gòn, 1972). Đỗ quân còn viết tiếp : “ *Bây giờ nhờ việc khám phá được tài liệu của d'Amaral, chúng ta dám nói là d'Amaral giỏi hơn Đắc Lộ ngay từ năm 1632* ” (Sđ, tr.67).

Giả thuyết hay khẳng định của Đỗ quân, theo chúng tôi,

thì chưa đích đáng. Thứ nhất, thủ bút bằng tiếng Bồ của d'Amaral chỉ gồm chưa đầy một trăm trang giấy và số chữ quốc ngữ cũng chỉ có hạn, nên việc so sánh cũng có hạn. Còn cuốn *Từ điển Việt-Bồ* của d'Amaral thì đã thất lạc. Thứ hai, người ta khó so sánh, nhất là khó quyết định ai giỏi hơn ai, bởi vì mỗi người có một phương pháp, một môi trường hoạt động. Một thí dụ điển hình : nếu theo tiếng Ý thì người ta viết Sc, còn theo tiếng Bồ thì là X (như Scin và Xin). Cũng vậy, nếu theo tiếng Ý, âm Gn tương đương với Nh của tiếng Bồ (Gna và Nha)... Cuối cùng, phe theo tiếng Bồ đã thắng.

Thế nhưng giả thuyết hay khẳng định của Đỗ quân làm cho chúng tôi suy nghĩ nhiều và chúng tôi thấy phải đặt lại vấn đề như thế này : có hai môi trường hoạt động, có hai lối phát âm được hạn định bởi hai địa phương đất nước Việt Nam ở thế kỷ 17 ; có Bắc Hà và Nam Hà tức Đàng Ngoài và Đàng Trong, thì cũng có tiếng Đàng Ngoài và tiếng Đàng Trong. “ Tiếng An Nam ” là tiếng chung cho cả hai miền như những giáo sĩ tới nước ta vào thế kỷ này cũng đã công nhận và hơn một lần tuyên bố, nhưng có giọng Bắc, giọng Nam, có nhiều cách phát âm khác biệt nhau mà chúng tôi tạm gọi là tiếng Đàng Ngoài, tiếng Đàng Trong. De Rhodes trong *Hành trình và Truyền giáo* đã nói về ba cuốn sách ông cho ấn hành, trong đó không phải có cuốn từ điển Annam Lusitan Latin mà là cuốn *Từ điển Đàng Trong-Latin-Bồ* (Dictionnaire cochinchinois, latin et portugais, Sđ, Paris, bản 1854, tr.89). Thực ra cuốn “ Tiếng Đàng Trong ” này chính là cuốn *Từ điển Việt-Bồ-La* in năm 1651. Là vì de Rhodes đã tới Đàng Trong và học tiếng Đàng Trong, sau đó ông mới ra Đàng Ngoài và dĩ nhiên dùng tiếng Đàng Trong để giảng cho Đàng Ngoài. Sự việc vẫn tất đã xảy ra như thế này :

Lớp giáo sĩ Dòng Tên do Busomi dẫn đầu đã tới Đàng Trong năm 1615 dưới thời Nguyễn Phúc Nguyên, con Nguyễn Hoàng. Nguyễn Hoàng mất năm 1613. Năm 1617 có de Pina và năm 1617 thêm Borri. De Pina học tiếng Việt rất nhanh và rất tinh thông, vì thế khi de Rhodes năm 1624 tới thì đã thấy de Pina nói rất sôi tiếng Đàng Trong ; ông còn dạy de Rhodes học nữa. Cũng ở Đàng Trong vào năm 1621 người ta đã soạn thảo một cuốn *giáo lý sơ đẳng* bằng tiếng Việt và cũng đã có một cuốn *ngữ vựng* truyền tay giữa các giáo sĩ : cuốn này có thể làm cơ sở cho công việc soạn từ điển của de Rhodes sau này. Năm 1649 Maracci viết trong Tường trình : “ *Gaspar Luis người Bồ đã ở lâu trong khu truyền giáo này, đã soạn một cuốn ngữ vựng rất đầy đủ về ngôn ngữ này, nhưng cuốn sách đã mất trong một vụ đắm tàu vì người ta gửi sách đó từ xứ Đàng ngoài về Macao và nay không còn bản nào đầy đủ hơn.* ” Chỉ có một điều là Gaspar Luis không ở Đàng Ngoài mà ở Đàng Trong. Khi de Rhodes năm 1626 bỏ Đàng Trong trở về Macao để rồi năm 1627 tới Đàng Ngoài, thì như trên đã nói, ông đã thông thạo tiếng Đàng Trong và dùng tiếng Đàng Trong giảng cho Đàng Ngoài.

Trái lại Gaspar d'Amaral đã tới Đàng Ngoài, lần đầu từ tháng 10 năm 1629 tới tháng 3 năm 1630 và lần thứ hai từ tháng 3 năm 1631 tới 1638 thì ông trở về Macao để dưỡng bệnh. Như vậy, trong khi ở Đàng Trong đã có nhiều giáo sĩ thông thạo tiếng Việt, thì d'Amaral mới học tiếng Đàng Ngoài và cũng đã soạn một cuốn *Từ điển Việt-Bồ* ngày nay đã thất

lạc và chúng ta cũng chỉ được biết do de Rhodes nói ra. Ngoài d'Amaral đã tới Đàng Ngoài và học tiếng Đàng Ngoài thì còn Antonio Barbosa, người Bồ, tới đây năm 1636 và ở cho tới năm 1642 mới rút về Macao để đi Ấn Độ. Barbosa cũng đã soạn một từ điển là *Từ điển Bồ-Việt*, sách này cũng thất lạc và cũng chỉ được biết tới qua de Rhodes. Rất tiếc là hai cuốn từ điển tiếng Đàng Ngoài này ngày nay không còn để cho chúng ta dễ bề học hỏi và nhận thấy những phần dành cho tác giả này hay tác giả kia.

Hãy lấy một thí dụ cụ thể để so cách phát âm khác nhau ở Đàng Ngoài và Đàng Trong. Năm 1645 có một bản viết tay nói về công thức phép Rửa tội. Đây là bản quyết nghị của một cuộc hội họp, trong đó có 35 giáo sĩ bàn giải về công thức, có 31 người thuận, 2 người trung lập và 2 người chống. Hai người chống đó là de Rhodes và Saccano. D'Amaral là cựu trưởng phái đoàn truyền giáo Đàng Ngoài, được ghi chú trong bản viết tay là người rất thông thạo tiếng (*peritissimus linguae*). Công thức đó được viết như sau : “ Tau rửa mài *nhân* danh Cha và Con và Spirito santo “ (Đỗ Quang Chính, Sđ, tr.72). Vì nói theo tiếng Đàng Ngoài, cho nên ta thấy viết theo cách phát âm của người Đàng Ngoài, ở chữ *nhân*.

Thế nhưng, năm 1648 có bản viết tay bàn về công thức này bằng tiếng “ Annam ” thì thấy ghi *nhơn* chứ không phải *nhân*. Hơn nữa, chúng ta còn biết thêm một chi tiết : người ta viết “ *nhơn nhít danh* ” (*nhân nhất danh*) ở trang 74, Sđ và “ *nhin nhít danh* ” ở trang 75, Sđ.

Như thế là có ba cách phát âm của một tiếng : *nhân*, *nhơn* và *nhin*. Cũng vậy có cách phát âm *nhít* cho *nhất*.

Chúng ta có thể coi *nhân* là cách phát âm Đàng Ngoài và được ghi trong công thức tiếng Đàng Ngoài với sự có mặt của d'Amaral như đã nói ở trên. Còn *nhơn*, *nhin* được ghi trong công thức bằng tiếng “ Annam ” hay tiếng Đàng Trong vì phát âm khác với tiếng Đàng Ngoài.

Trong *Phép Giảng* (1651) de Rhodes đều viết *nhin* : *nhin* tâm, *nhin* nghĩa, *nhin* đức, *nhin* vì sự ấy, *nhin* lành, rút *nhin* lành. Trong *Từ Điển* (1651) cũng vậy, ông ghi : *nhin*, người ; tiểu *nhin*, kể bản *nhin*, xá *nhin* ; *nhin* sâm ; *nhin* đức, *nhin* nghĩa ; *nhin* thay ; *nhin* thể, một thể ; *nhin* vì sự ấy, *nhin* sao, *nhin* danh Cha. Không có bóng chữ *nhân* hay *nhơn* trong *Phép Giảng* cũng như trong *Từ Điển*².

Đến chữ *nhít* thì *Phép Giảng* hoàn toàn nhất luật viết như thế : *nhít*, chữ *nhít* ; đạo sinh *nhít*, *nhít* sinh nhị, nhị sinh tam, tam sinh vạn vật ;... Trong *Từ Điển*, de Rhodes cũng một mực ghi : *nhít*, một ; thú *nhít*, *nhít* nhìn ; *nhít*, rút *nhít*, *nhít* thiên hạ, *nhít* mlời³.

Để kết luận, học tiếng Đàng Trong, de Rhodes đã soạn *Phép Giảng* hoàn toàn theo tiếng Đàng Trong, mặc dầu trong khi lưu trú ở Đàng Ngoài ông đã có dịp hiểu biết thêm về cách phát âm và tiếng Đàng Ngoài. Thế nhưng khi soạn *Từ điển*, thường ông dùng cái lối, cái gốc ở kho tàng từ vựng ông đã nhận được khi ông ở Đàng Trong, nhưng với sự hiểu biết thêm khi ở Đàng Ngoài và nhất là, theo chúng tôi, nhờ vào *Từ điển Việt-Bồ* của d'Amaral và *Bồ-Việt* của Barbosa, ông đã ghi nhận thêm cả cách phát âm của Đàng Ngoài. Vì thế trong rất nhiều trường hợp, ông viết cả hai cách phát âm, như : *ruột*,

xem *ruột* ; *sướng*, xem *sướng* ; *thuông*, xem *thương* ; *uấng*, xem *uống*...

Như vậy, không thể nói ai giỏi hơn ai, d'Amaral giỏi hơn de Rhodes. Mỗi người có đóng góp của mình, mỗi người được học hỏi theo một địa trường khác nhau, mỗi người ghi cách phát âm khác nhau. Nhưng cuối cùng, de Rhodes vẫn trỗi vượt lên tất cả bởi đã công phu viết lại hai cách phát âm, hai thứ tiếng là tiếng Đàng Trong và tiếng Đàng Ngoài trong *Từ điển Việt-Bồ-La* của ông. Nếu ông không thành thực nói ra thì ai biết d'Amaral và Barbosa đã soạn từ điển. Hơn nữa ông cũng thẳng thắn cho biết là ông đã sử dụng hai cuốn sách của hai đồng nghiệp. Cho nên còn phải đợi cho tới khi chúng ta khám phá ra hai thủ bút của hai người viết tiếng Đàng Ngoài, lúc đó mới có thể khẳng định được một cách nghiêm chỉnh phần đóng góp thực sự của mỗi người⁴, nhất là của d'Amaral. Và trong khi chờ, de Rhodes vẫn là người thông thạo tiếng Việt hơn tất cả các bạn đồng sự, một người chính yếu đúc kết tất cả những thành quả học hỏi tiếng Việt từ 1615 ở Đàng Trong và từ 1630 ở Đàng Ngoài.

H. N.

(1) Đã viết chữ quốc ngữ vào những năm 1800-1830, khi lưu trú ở Bồ Đào Nha.

(2) Trong *Thánh giáo yếu lý* của Pigneaux de Béhaine (1774) thấy ghi : *Nhơn* từ. Taberd (1838) ghi : *nhơn* (người), *nhơn* đức, *nhơn* hôn. Theurel (1887) : *nhân*, *nhân* thể, *nhân* đức, *đào nhân*, *hôn nhân*, *nhân* vì. Nên thêm : Theurel theo Taberd nhưng vì Taberd ghi tiếng Đàng Trong nhiều hơn, nên Theurel nói là bổ di, cho tiếng Đàng Ngoài vào.

(3) Taberd viết : *nhất* hoặc *nhút*, và *nhút* xem *nhất*, không có *nhít*. Theurel theo Taberd, không có *nhít*.

(4) Có thể là D'Amaral và Barbosa còn ghi các phụ âm kép *Bl*, *Ml* và *Tl* như de Rhodes, nhưng hẳn là không ghi chữ *bêta* để chỉ cách phát âm đặc biệt của chữ *V* ở miền cực nam Đàng Trong (Coi : De La Liraye, Dictionnaire Annamite Français, Paris 1874, tr.8-9).

Paris, số tay tháng 5

– Triển lãm tranh TRƯỜNG THÌN, từ 2 đến 25.5.1992 tại Nhà Việt Nam, 23 rue Cardinal Lemoine, 75005 Paris.

– Độc tấu piano TRỊNH THỊ NHÀN hỗ trợ hội Médecins du Monde, ngày thứ tư 20.5.1992 lúc 20g30, tại Salle Chopin Pleyel, 252 rue Faubourg Saint Honoré, 75008 Paris. Chương trình : Beethoven, Chopin, Rachmaninov, Schumann, Lizt.

– PHẬT ĐẢN 2536 tổ chức vào ngày chủ nhật 17.5.1992 lúc 15 giờ, tại chùa Trúc Lâm, 9 rue de Neuchatel, 91 140 Villebon - sur - Yvette (đ.t. 60.14.58.15)

Công lao Alexandre de Rhodes

Hoài Văn

Nói đến những người đã có công sáng tạo ra chữ “quốc ngữ”, người ta thường chỉ nhắc đến tên của Alexandre de Rhodes, coi ông như là người đã có công đầu trong việc này.

Năm 1991, trong nước kỷ niệm 400 năm ngày sinh của ông. Đây là một sự kiện mới mẻ, nhưng không biết người ta đã cho nó ý nghĩa nào? Con đường trước kia mang tên ông ở Sài Gòn nghe nói sau 75 đã bị đổi tên. Còn cái nhà bia do Nhà nước bảo hộ Pháp cho xây năm 1941 ở Hà Nội, sát bên Hồ Gươm, không biết sau này ra sao, nhưng năm 75 về tôi thấy vẫn còn. Kể cũng lạ, cái nhà bia này đã được viên toàn quyền Decoux, người của Vichy, cho xây vào một lúc mà nhà cầm quyền Pháp ở Đông Dương đang ở vào một thế bí: bên ngoài thì Nhật đã vào Lạng Sơn (22.9.1940) và buộc Pháp phải nhượng bộ về mọi mặt quân sự, kinh tế, v.v...; bên trong thì bộ máy cai trị của nhà nước bảo hộ vẫn tiếp tục bóc lột các xứ Đông Dương về mặt kinh tế, tiếp tục thực hiện chính sách ngu dân nhưng cũng không sao ngăn chặn được phong trào “Truyền bá quốc ngữ” đang phát triển mạnh lúc ấy. Việc cho xây nhà bia ghi ơn Alexandre de Rhodes, một giáo sĩ Dòng Tên người Pháp, được coi là “cha đẻ của chữ quốc ngữ”, trong bối cảnh đó, phải chăng cũng chỉ là một cách nhập nhằng, ghi ơn nhà nước bảo hộ Pháp?

Nhiều khi tôi tự hỏi, không biết người ta đề cao Alexandre de Rhodes có phải vì công lao của ông đối với chữ quốc ngữ, hay còn vì những lý do nào khác?

Từ khi sưu tầm được những tài liệu còn lưu lại trong các văn khố và thư viện ở châu Âu, bắt đầu từ những năm 50 trở lại đây, các sử gia đã nêu lên một số câu hỏi. Riêng về vấn đề ai là người có công đầu trong việc sáng tạo ra chữ quốc ngữ và chữ quốc ngữ xuất hiện vào thời điểm chính xác nào, cho đến nay chưa ai dám khẳng định dứt khoát một điều gì, do tình hình sưu tầm tài liệu còn gặp nhiều khó khăn và một số chứng từ coi như đã bị thất lạc.

Người ta chỉ biết rằng đây là một công trình tập thể, có thể đã được bắt đầu ngay từ khi những giáo sĩ đầu tiên đặt chân đến nước Đại Việt, với sự cộng tác đặc lực của các thầy giảng người Việt và của giáo dân.

Theo các tác giả người Âu ở thế kỷ XIX (André-Marie, *Missions Dominicaines dans l'Extrême Orient*, 1865 và Louvet, *La Cochinchine religieuse*, 1885), mà L.m. Đỗ Quang Chính đã dẫn trong cuốn *Lịch sử chữ quốc ngữ 1620-1659* của ông (tr.20), thì ngay từ khoảng đầu thế kỷ XVI đã có những giáo sĩ Dòng Dominicains đến truyền giáo ở vùng Hà Tiên và Thừa Thiên, trong đó có những tên tuổi đã được ghi lại như I-Ni-Khu, Gaspar da Santa Cruz, Luis da Fonseca, G. de la Motte, Diego Advarte. Theo các học giả Lê Thành Khôi trong cuốn *Histoire du Vietnam* (Sudestadie, 1981) và Jean Lacouture trong cuốn *Jésuites* (Seuil, 1991), người ta còn được biết một cách chính xác trong sử biên niên có ghi năm 1533 có lệnh cấm đạo Thiên Chúa ở nước Đại Việt, cùng năm đó có một người Việt tử vì đạo và sự có mặt của giáo sĩ I-Ni-Khu cũng được xác định. I-Ni-Khu là tên phiên âm từ Inigo (tiếng Tây Ban Nha) hoặc từ Ignatio (tiếng Ý). Tên này

trong sử biên niên chắc hẳn đã được ghi bằng chữ Hán.

Mặt khác, người ta biết rằng, vào cuối thế kỷ XVI, các giáo sĩ Dòng Tên (Compagnie des Jésuites) sang truyền đạo ở Nhật Bản và Trung Quốc cũng đã tìm mọi cách để phiên âm tiếng bản xứ bằng mẫu tự latin, nhưng không thành công. Sau khi bị trục xuất khỏi Nhật Bản (1614), đầu năm 1615 các giáo sĩ Dòng Tên vào truyền giáo ở Đàng Trong và theo L.m. Đỗ Quang Chính, năm 1620 các giáo sĩ Dòng Tên đã phải soạn thảo một cuốn sách giáo lý bằng chữ Nôm (LSCQN, tr.23)!

Xem như vậy, khó mà biết được một cách chính xác chữ quốc ngữ đã xuất hiện vào thời điểm nào trong khoảng thời gian từ giữa thế kỷ XVI đến đầu thế kỷ XVII.

Còn nói về người có công đầu trong công cuộc này, tác giả Đỗ Quang Chính cho rằng trước Alexandre de Rhodes cũng đã có những giáo sĩ Dòng Tên người Bồ Đào Nha và Ý như: Francisco de Pina (Bồ), Cristoforo Borri (Ý), Francesco Buzomi (Ý), Diego Carvalho (Bồ), João Roiz (Bồ), Pedro Marques (cha Bồ, mẹ Nhật), v.v... đã biết sử dụng phương pháp ghi âm tiếng Việt bằng mẫu tự latin. Thậm chí, có những giáo sĩ Dòng Tên đến Đại Việt cùng một lúc với Alexandre de Rhodes, như Gaspar d'Amaral (Bồ) “có trình độ chữ quốc ngữ giỏi hơn Alexandre de Rhodes nhiều”. Gaspar d'Amaral chính là người đã soạn ra cuốn từ điển Việt-Bồ-Latinh đầu tiên, trước Alexandre de Rhodes hàng mười mấy năm, nhưng cuốn từ điển ấy chưa kịp ấn hành thì ông bị chết vì tàu đắm ở gần đảo Hải Nam khi ông từ Macao đi Đàng Ngoài (23.12.1645). Bản thảo cuốn từ điển này sau đã bị mất, cũng như bản thảo cuốn từ điển Bồ-Việt do L.m. Antonio Barbosa soạn vào những năm 1636-1642. Alexandre de Rhodes, trong lời tựa cuốn Từ điển Việt-Bồ-Latinh do Bộ Truyền giáo Tòa thánh La Mã xuất bản năm 1651, đã không quên nói đến hai tác phẩm này mà ông đã được tham khảo mỗi lần ông rời Đàng Trong về Macao trong những năm 1640-45.

C A T H E C H I S M V S		Phép giảng tám ngày
in octo dies diuifus.		ngày
Dies Primus.		Ngày thứ nhất.
<p>Sppliciter petamus ab Optimo Cali Domino ut adiuuet nos, ad hoc ut intelligamus probè legem Domini intelligendum autem ad hoc est neminem esse in hoc seculo qui diu uiuat, vix enim pertinetur ad septuagesimum aut octogésimum aetatis annum quærendus est igitur à nobis modus ut possimus diu uiuere, hoc est, vitam sempiternam adipisci hoc enim verè prudentis est cetera omnes huius mundi artes quamuis diuinijs acquirendis sint apte,</p>	<p>Ta câu cầu đức Chúa blời giúp sức cho ta biết rõ tường đạo Chúa là như thế nào vì vậy ta phải hay ở thế này chẳng có ai sống lâu; vì chừng kể đến bảy tám mươi tuổi chẳng còn nhều. vì vậy ta nên tìm đường nào cho ta được sống lâu, là kiếm hàng sống vậy: thật là việc người cuồn tử. khác phép thế gian này, dù mà làm cho người được phú quý: tất cả chẳng làm được cho ta ngày sau</p>	

Tác giả Đỗ Quang Chính cho rằng Alexandre de Rhodes đã học hỏi được nhiều về cách viết chữ quốc ngữ của Gaspar d'Amaral và có lẽ của cả Antonio Barbosa để soạn ra cuốn từ điển của ông, vì vào những năm 1632-37 ông còn chưa biết

“ cách ngữ ” (viết tách rời từng từ) và chưa biết cách đánh dấu, trong khi Gaspar d’Amaaral ngay từ 1632 đã biết cách ngữ và bỏ dấu một cách rõ ràng, đầy đủ.

L.m. Đỗ Quang Chính còn nêu lên nghi vấn, không biết hai cuốn từ điển của Gaspar d’Amaral và Antonio Barbosa có bị thất lạc thật không, hoặc còn nằm đâu đấy, hoặc đã bị “ tiêu diệt ” ? Giả thuyết cuối cùng này có thể làm cho một số người sửng sốt, nhưng không hoàn toàn vô lý. Chắc hẳn tác giả có nhiều lý do, mà ông không muốn nói ra, để nêu lên nghi vấn này.

Dấu sao, một điều rất mới mà Alexandre de Rhodes đã đem lại với cuốn từ điển của ông là cách nhìn và phương pháp phân tích khoa học. Ông đã dành cả phần đầu cuốn từ điển để phân tích ngữ pháp của tiếng Việt và đặc biệt quan tâm đến các vấn đề thanh và dấu.

Năng khiếu bẩm sinh về ngôn ngữ của Alexandre de Rhodes là một điều mà ai nấy đều phải công nhận. Ông viết và nói thạo các tiếng Pháp, Việt, Ý, Latinh, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, biết tiếng Nhật, Trung Hoa, Ấn Độ, Ba Tư... Về cuối đời, ông nói thạo tất cả 13 thứ tiếng. Vì thông thạo tiếng Việt và có lẽ còn vì là một người khôn ngoan, mềm mỏng, cho nên năm 1626 các bề trên Dòng Tên đã cử ông từ Đàng Trong ra Đàng Ngoài để truyền giáo. Trong một chứng từ viết năm 1653, I.m. Saccano cũng xác nhận Alexandre de Rhodes “ thành thạo tiếng Việt “ khi ông lên tiếng bênh vực “ Mô thức rửa tội bằng tiếng Việt ” do Alexandre de Rhodes đề ra năm 1645 ở một cuộc hội nghị tại Macao.

Nguyên Alexandre de Rhodes là người gốc Do Thái Tây Ban Nha. Tổ tiên ông làm nghề hàng tơ, sinh cơ lập nghiệp ở vùng Aragon. Có thể sau đạo luật nổi tiếng ban hành năm 1492 cấm người Do Thái và người Ả Rập không được cư ngụ ở xứ này nếu không chịu phép rửa tội, họ đã phải lưu lạc sang đất Pháp và định cư tại Avignon, lúc đó còn là đất của Toà Thánh Vatican, nhưng nhờ sự che chở của đức Giáo hoàng Clément VI, đã trở thành đất dung thân cho những người Do Thái dù đã theo đạo Thiên Chúa hay không. Như vậy, ông vừa là người Pháp, vừa có quốc tịch Toà Thánh Vatican, mẹ ông lại là người Ý. Thời đó muốn đi truyền giáo ở bên Á Đông, tức thuộc vùng Bồ Đào Nha, là phải học tiếng Bồ, cho nên ngay từ lúc còn trẻ, Alexandre de Rhodes đã thông thạo đến 4, 5 thứ tiếng Âu châu và không lấy gì làm lạ là ông đã học được một cách dễ dàng các tiếng Á Đông.

Người ta ghi nhận công lao của Alexandre de Rhodes đối với sự hình thành và phát triển chữ quốc ngữ đặc biệt qua việc xuất bản hai cuốn sách năm 1651 do Bộ Truyền giáo Toà Thánh chủ trì, cuốn Từ điển Việt-Bồ-Latinh (*Dictionarium annamiticum, lusitanum, latinum*) và cuốn Phép giảng tám ngày (*Cathechismus*). Đây là cả một công trình to lớn mà tác giả đã phải khổ công coi sóc từ việc đúc chữ, sắp chữ, v.v...

Hai cuốn sách này đánh dấu một bước ngoặt quan trọng không chỉ riêng cho sự phát triển chữ quốc ngữ và đồng thời của việc truyền giáo, vì đây là lần đầu tiên chữ quốc ngữ được in thành sách và được phổ cập ít ra là trong một phạm vi nào đó, mà còn vì qua hai cuốn sách này, giáo hội La Mã muốn tỏ cho chính quyền Bồ Đào Nha biết : từ nay việc truyền giáo ở Á Đông hoàn toàn thuộc về Toà Thánh La Mã chứ không còn lệ thuộc vào nhà cầm quyền Bồ Đào Nha nữa. Trước kia, trong hơn một thế kỷ, kể từ năm 1493 khi đức giáo hoàng Alexandre VI cho phép vua Bồ Đào Nha được độc quyền “ sở hữu ” trên các đất đai “ ở về phía đông quần đảo Açores ” trong đó có các nước Á Đông, thì việc truyền giáo ở các nước

này đều phải được sự “ đỡ đầu ” của Lisbonne. Trên thực tế, nếu không có tàu bè, khí giới và những con buôn của nước này thì các giáo sĩ cũng không vào truyền giáo được ở các nước Á Đông. Song, chính quyền Bồ Đào Nha đã có nhiều lạm dụng nên từ đầu thế kỷ XVII, Toà Thánh La Mã muốn giành lại trách nhiệm này.

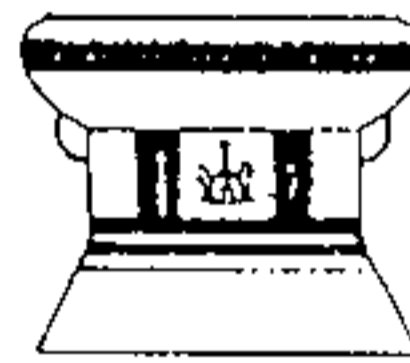
Xem như vậy, việc xuất bản hai cuốn sách nói trên là một đóng góp quan trọng không những đối với việc truyền giáo nói chung, mà còn đối với cả việc khôi phục lại uy quyền của Toà Thánh La Mã nói riêng.

Sự gắn liền việc truyền giáo ở các tỉnh đạo vùng Á Đông với những thế lực thuộc địa lúc đó, với những chuyến tàu chở hàng và vũ khí của bọn lái buôn Bồ Đào Nha vẫn làm cho các giáo sĩ chân chính suy nghĩ từ lâu. Bản thân Alexandre de Rhodes đã có dịp nghiên ngẫm về vấn đề này trong cuộc hành trình trở về châu Âu kéo dài bốn năm trời từ sau khi ông bị trục xuất khỏi Đàng Trong (từ tháng 7.1645 đến tháng 6.1649). Từ sự suy nghĩ đã chín mùi này nảy ra ý nghĩ : phải làm sao có một giáo hội bản xứ, có những vị giám mục bản xứ tuân theo lệnh của Toà Thánh để tránh khỏi sự lệ thuộc của các giáo sĩ vào các thế lực nói trên. Alexandre de Rhodes đã viết một bản báo cáo dài về Rome (1650) trình bày ý kiến này.

Xem như vậy, khi xét công lao của Alexandre de Rhodes đối với chữ quốc ngữ, nếu chỉ xét về khía cạnh kỹ thuật không thôi thì không thể nào không ghi nhận công ơn lớn lao của ông, mặc dầu công ơn này không phải chỉ của riêng mình ông. Nhưng nếu xét đến cái mục đích, ý nghĩa sâu xa của công việc này, thì người ta lại không thể nào không nghĩ đến vai trò của chữ quốc ngữ trong việc truyền bá đạo Thiên Chúa ở Việt Nam, với tất cả những hậu quả tích cực hay tiêu cực của nó, tùy theo quan điểm của mỗi người.

Hoài Văn

quảng cáo



VIPHARCO

*hợp pháp
phát nhanh
hối suất cao
miễn thuế
bảo đảm*

**CHUYÊN
TIỀN
VỀ
VIỆT NAM**

(Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh
và các tỉnh lân cận) .

Muốn chuyển nhanh, xin gửi *mandat*
hoặc *chèque de banque*

Làm việc từ thứ hai đến thứ sáu

Sáng : 8^H30 – 12^H30 Chiều : 13^H15 – 17^H

ĐỂ BIẾT THÊM CHI TIẾT

XIN LIÊN LẠC VỚI CÔNG TY VIPHARCO

12, avenue Charles De Gaulle, 91420 Morangis

☎ (1) 64.54.93.44 hay (1) 64.54.85.28

Fax : (1) 64.48.56.83

DI SẢN

của lớp người

BẮT HẠNH

truyện ngắn

PHÙNG GIA LỘC

Bác nghệ sĩ cao niên nhất đoàn tuồng ngẩng nhìn cái tủ khảm xà cừ óng ánh của gia đình bác đang lưu trú biểu diễn tối :

– Cái tủ này là của quan công sứ Pháp. Chính mắt tớ đã thấy nó được bày ở hội chợ đấu xảo năm xưa. Gần nửa thế kỷ, nay lại thấy nó ở đây. Tớ thuộc nó như thuộc vai mình đóng mà.

Chủ nhân cái tủ chẳng rõ lai lịch kiệt tác đó ra mô tê gì, ngoài việc người bản cổ ở xã bên được chia quả thực, đã bán lại cho ông sau cải cách ruộng đất.

Tôi ngẫu nhiên gặp người nghệ sĩ, mới có điều kiện lần ra manh mối câu chuyện...

Trong đám tù nhân can tội cộng sản bị bắt ở lãnh Kênh, có một tay kỳ dị tên gọi Phạm Đức Vinh tức Cả Vinh, thợ chạm khắc có biệt tài. Cả Vinh đang làm tủ khảm xà cừ cho phó tổng ở làng Kênh, đêm mò đến đánh bạc, “đám bạc trá hình do cộng sản tụ tập” — như hồ sơ sở cảnh nói — và đã bị bắt. Sở cảnh đã dùng mọi cực hình nhưng Cả Vinh vẫn không nhận mình làm cộng sản, mà chỉ một lời cung rằng đến đó đánh bạc bị bắt lây. Án của Vinh rất khó làm, vì không có bằng chứng gì xác đáng. Trong người anh ta chỉ có tấm thẻ thuế thân. Người của sở cảnh về tận nhà Cả Vinh ở nguyên quán khám xét, cũng không tìm ra được thứ gì khả nghi, ngoài những mẫu chạm trở cầm thú bằng gỗ cực tinh xảo. Tổng đốc Tôn Thất Dương được xem những thứ chạm khắc ấy thì nảy ra ý định riêng. Dùng ảnh hưởng của mình, quan lớn tỉnh đã can thiệp sang sở cảnh đưa Cả Vinh

tay bị xiềng, chân bị xích, giam ở một phòng kín trong dinh tổng đốc.

Một bữa tổng đốc Dương cho gọi Cả Vinh đến đại sảnh đường phán hỏi. Vinh đi trước hai tên lính mang súng dài ngoẵng. Cách xa mười thước lại có Tào Thiết, một võ sĩ tàu cầm mã tấu áp hậu. Ngồi trong sảnh đường của vị tổng đốc quyền uy, không thiếu gì của sang vật quý, nhưng con mắt của Cả Vinh vẫn đứng đưng khôn xiết.

Tổng đốc trở đuôi cái quạt đôi mồi, nhìn bao trùm kẻ bắt trị một lượt rồi hỏi :

– Anh có biết can tội thế nào không ?

Im lặng một lúc, tổng đốc cất vấn :

– Hả ? Nói đi ! trả lời ta đi ! Anh có biết anh can tội gì không ?

Cả Vinh nhìn quanh nhà sảnh, rồi bỗng ngửa mặt cười :

– Bác thằng Bần ! Bác thằng Bần !

Tổng đốc Tôn Thất Dương quắc mắt trấn áp :

– Diên rờ rời à ? Tội gì ? Trả lời cho nghiêm !

– Tôi đánh bạc, thua ngài ! cờ bạc là bác thằng bần. Ban ngày làm nhọc nhằn, đêm buồn rầu tìm đám bạc đánh vài ván cho khuây, không may bị bắt. Tội là thế !

Quan lớn tỉnh lắc đầu chế nhạo :

– Nếu chỉ thế, thì vài thằng tuần phu gõ cổ các anh là ổn, cần gì sở cảnh nhọc lòng bài binh bố trận vây bắt. Tội của anh lớn hơn nhiều. Các anh dám nhen nhóm cộng sản.

Cả Vinh nhếch mép đầy vẻ thách thức :

– Bẩm quan lớn ! Đã bao ngày sở cảnh cũng không có bằng chứng kết tội tôi là cộng sản...

Quan tổng đốc muốn đổi hướng câu chuyện, nên dụ giọng :

– Nhưng thôi ! Anh cộng sản hay không cộng sản bây giờ đối với ta không hệ trọng. Ta đưa anh về dinh với chủ định khác. Rồi anh sẽ biết thiện ý của ta. Ở đây, anh sẽ được biệt đãi nếu anh quả có kỹ tài. Dưới trướng ta, anh sẽ được an toàn, không ai đụng đến lông chân, miễn là anh thực lòng giúp ta.

Cả Vinh nghe vậy thì lưỡng lự :

– Nhưng kẻ dân đen này thì giúp được gì cho quan lớn ?

Tổng đốc vỗ về :

– Ta biết anh làm được ! Phó tổng làng Kênh đã nói về tay nghề của anh. Lý trưởng nguyên quán cũng đã trình ta về ngón nghề chạm khắc truyền tộc của ông cha anh và bản thân anh. Vả chẳng ta đã được xem những điều phẩm của anh bên sở cảnh. Anh sẵn lòng giúp ta chẳng ?

Cả Vinh không đáp. Anh vận mình, cử động chân tay làm những dây xích xúng xoảng. Tổng đốc biết ý bảo mấy tên lính gọi Tào Thiết mang chìa khoá vào. Tên võ sĩ tàu chạy vào rập đầu xá mấy xá. Quan tổng đốc phán :

– Mở hết khoá ra. Từ nay không cần canh giữ. Anh Vinh này được xem như người trong dinh.

Gian nhà kho phụ gần bếp được dọn dẹp làm *quan xưởng* để Cả Vinh thực thi sản phẩm cho quan tổng đốc. Trong gian

Tưởng nhớ nhà văn

Phùng Gia Lộc

(1942-1992)

Bản thảo truyện ngắn (chưa in) này đến tay chúng tôi đầu tháng 3, thì vài ngày sau được tin tác giả từ trần ngày 25.2.1992, sau gần hai năm ốm đau liệt giường, thọ 50 tuổi.

Cách đây 4 năm, bài ký “**Cái đêm hôm ấy...đêm gì ?**” (Đoàn Kết số 401, tháng 4.1988) đã gây xúc động lớn ở nước ngoài, sau khi làm chấn động dư luận trong nước. Tác giả đã viết bài ký này vào cuối năm 1987, lúc anh phải rời Thanh Hoá ra tị nạn ở Hà Nội, sau khi cho đăng truyện ngắn “**Được vật báu**”.

Bài ký ấy cho thấy một phần thực trạng của *một* địa phương (dưới triều đại của ông “trời con” Hà Trọng Hoà, bí thư tỉnh uỷ) và qua đó, của các địa phương. Chính vì vậy, mà nó sẽ đi vào lịch sử báo chí Việt Nam, cũng như sự dưng cảm bình thường mà ghê gớm của tác giả đã khắc sâu vào trí nhớ của một thế hệ.

ấy, anh lại ngăn làm đôi, một nửa làm *xưởng* một nửa làm *buya-rô* kê giường ngủ và bàn ghế. Phần *xưởng* xếp nhiều chủng loại gỗ quý và đồ nghề thợ mộc, dụng cụ chạm khắc. Để đủ độ sáng, ông quản gia đã cho gọi thợ trở thêm cửa sổ và đặt tấm kính cỡ mặt bàn trên mái nhà, thay chỗ hai chục viên ngói.

Ngày ngày Cả Vinh cặm cùi cưa, bào, đục, chạm trở tùy hứng, không ai câu thúc thời gian, không bị ai lui tới quấy rầy, vì anh chốt cửa bên trong. Quan tổng đốc cho anh độc quyền hùng cứ nơi ấy, vừa để làm việc, vừa để bảo vệ sản phẩm. Ngày hai bữa, người ở nhà bếp thay nhau mang cơm đến cho Cả Vinh. Bữa cơm nói chung khá thịnh soạn, có thịt, cá, trứng rán, có bữa thay nem chả, giá đỗ hoặc quả đậu xào. Mong một hoặc mười rằm âm lịch lại có be rượu Ty¹. Cả Vinh làm mau lẹ, việc chạy vù vù. Hơn ba tháng, cái khung tủ bán lục lạng theo ý quan tổng đốc đã được dựng lên, với những đường nét chạm khắc tinh xảo, họa tiết độc đáo, ai nhìn cũng mê. Cả Vinh hăm hở bước sang phần khảm cánh và chạm khắc các bức lều.

Một bữa nhà bếp đưa cơm đến có be rượu nhỏ. Cả Vinh mở nút be bằng lá chuối khô cuộn tròn. Nút lá bung ra để lộ mảnh giấy quấn trong đó. Anh thấy lạ mở hẳn ra, thì thấy trong giấy viết: "*Cố moi thêm những tin cơ mật trong dinh mật báo ra ngoài*". Trong giấy không ký

tên, không có mật hiệu gì khác. Cả Vinh nhét vào túi không lộ một vẻ gì. Ăn cơm xong, anh thấy người vào thu dọn mâm bát là người khác, không phải là cô Sen ban nãy mang vào. Chiều tối hôm ấy, Cả Vinh lên yết kiến quan tổng đốc, kể lại sự việc và đưa mảnh giấy ra. Tôn Thất Dương ngây người như thấy thích khách vào giữa dinh mình hành thích. Tổng đốc bảo Vinh về, rồi ngài sẽ liệu. Những ngày tháng sau đó cũng không có sự việc gì xảy ra. Cả Vinh lại khảm xong mảng bầu dục ở cánh tủ mặt cầu cảnh tiên nữ dâng đào. Những mảnh khảm phát xạ lấp lánh ngũ sắc càng làm tăng thêm phần hư ảo của chốn non bồng.

Một buổi tối, Cả Vinh đang ngồi uống nước, chợt có tiếng gõ cửa gấp gáp. Anh ra mở cửa, thì Tào Thiết lên vào. Anh võ sĩ tàu gài chốt cửa lại rồi xua tay ra hiệu cho Vinh yên lặng. Anh ta nói thứ tiếng lơ lơ nửa Việt nửa Tàu:

– *Lại pàng ti, tôi mớong nói tiếng với tông chí!*

Hai người lại bàn, Tào Thiết vắn nhỏ ngọn đèn hoa kỳ còn bằng hạt đỗ xanh. Lâu nay biết Tào Thiết là vệ sĩ đặc lục trong dinh, được tổng đốc Tôn Thất Dương trọng dụng trong việc canh giữ dinh thự, giám sát gia nhân, bảo vệ gia đình vợ con vị quan đầu tỉnh. Gia nhân đầy tớ đều kiêng sợ vì nghe đầu gã là một trong *Quảng Đông bát kiếm* được quan tổng đốc mua về sau chuyến công du Lương Quảng năm trước. Mấy tháng

nay thấy Cả Vinh được quan tổng đốc thả lỏng, Tào Thiết chẳng để tâm gì đến. Thịnh thoảng gã đến *quan xưởng* chẳng qua để hút thuốc, xem chạm trở. Bấy giờ thấy Tào Thiết đến, chưa biết gã định làm gì?... Vinh nói:

– Anh muốn gì?

Tào Thiết khép cửa sổ chặt hơn rồi ngồi xuống nói, vẫn với cái giọng dở ngợ dở ngọng. Đại ý là:

– Anh chưa biết rõ tôi. Vệ sĩ cho quan tổng đốc chỉ là cái vỏ thôi. Bên kia tôi cũng là đảng viên cộng sản. Tôi có quen biết vài người đồng chí Việt Nam từ hồi *Thanh niên cách mạng đồng chí hội* và *Tâm Tâm xã*. Tôi sang đây là do tổ chức gài. Tôi đã bắt được liên lạc với các đồng chí bên đây rồi. Từ nay anh sẽ liên lạc với bên ngoài qua tôi.

Cả Vinh nhìn Tào Thiết chòng chọc như ngắm một quái vật trời sai xuống. Anh ta nói tiếp như rặn từng lời:

– Tổ chức giao nhiệm vụ cho *tông chí* đánh bom trong dinh quan tổng đốc, giết cả nhà ông ấy.

Cả Vinh trở mắt hỏi:

– Bao giờ thì thi hành nhiệm vụ ấy?

Tào Thiết ngừng một lát mới đáp:

– Khi nào có thời cơ tốt; tôi giao vũ khí, *tông chí* phải làm ngay.

Giữa lúc ấy bên ngoài có tiếng chân bước, Tào Thiết đứng lên nói:

– Thôi tôi đi! Ở đây lâu sẽ bị theo dõi.

Bế Kiến Quốc □ □ □ □ □ □

NHỚ MÃI CÁI ĐÊM HÔM ẤY...

Đêm nay, Hà Nội mưa và lạnh. Tôi khóc.

Đêm hôm ấy, tôi cũng khóc khi đọc bản thảo bài bút ký *Cái đêm hôm ấy...đêm gì?* mà Lộc vừa trao cho. Đêm ấy là một đêm thứ bảy. Lộc từ nhà sáng tác bên hồ Đại Lải về Hà Nội. Hai đứa lên phòng làm việc của ban văn trong toà soạn *Văn Nghệ* ngồi chuyện trò. Rồi Lộc, từ cái túi vải cũ kỹ tùy thân rút ra một tập giấy đưa cho tôi: "*Ông đọc thử xem. Cái này tôi mới làm xong hôm qua trên Đại Lải*". Chỉ mới đêm thứ bảy trước đó, Lộc về, tôi đưa Lộc đọc bản thảo một bài bút ký viết về nông thôn của Kiều Vương (cũng ở Thanh Hoá). Lộc đọc chăm chú, xong, không nói gì. Đêm, nằm bên tôi, Lộc ho nhiều, mất ngủ. Sáng hôm sau lên Đại Lải và bắt tay viết *Cái đêm hôm ấy...đêm gì?* Lộc được lên nhà sáng tác Đại Lải một tháng để viết, đó là cả một sự đặc biệt. Hội nhà văn đề nghị, rồi Bộ văn hoá giải quyết ý tất cả đều là những việc ngoài nguyên tắc. Vì Lộc chưa phải là hội viên Hội nhà văn. Tôi vẫn nhớ, ngay cả người đánh máy chữ trong văn phòng Bộ văn hoá cũng "à" lên khi biết cái người gầy gò nhỏ thó

kia là Phùng Gia Lộc, tác giả của truyện ngắn *Được vật báu*. Vâng, đúng là vì viết cái truyện ngắn ấy mà Lộc phải ra Hà Nội, đến ở cùng với gia đình tôi ngay trong toà soạn báo *Văn Nghệ*. Lộc rất ý tứ, không muốn tiếp xúc nhiều, suốt ngày ngồi ở căn phòng chín mét vuông của gia đình tôi, im lặng nghĩ ngợi, lo lắng cho vợ và đàn con nhỏ đang sống ở quê nhà. Tuy vậy, tất cả anh chị em toà soạn, biên tập cũng như hành chính, đều thương yêu, quý mến Phùng Gia Lộc. Ngày Lộc về lại Thanh Hoá là một ngày vui chung của cả toà soạn. Người góp tiền, người góp gạo, người mang đến bộ quần áo trẻ con, người tặng cái chăn, cái màn... Lộc chỉ còn biết chấp hai tay cảm tạ, và khóc. Mãi cho tới sau này, tình cảm đó vẫn là nguyên vẹn. Gần đây nhất, mới vài ba tháng trước thôi, có người từ Thọ Xuân ra Hà Nội cho biết Lộc đang ốm, toà soạn quyết định trợ cấp ngay cho Lộc một số tiền, và anh chị em *Văn Nghệ* thì làm một cuộc quyên góp cấp tốc trong vòng nửa giờ: ai còn bao nhiêu tiền trong túi cũng sốt sắng ủng hộ; cả mấy bạn viết cộng tác viên ghé qua toà soạn, biết chuyện, cũng xin được góp phần. Mà chẳng riêng gì anh chị em làm báo *Văn Nghệ*. Lâu nay, các báo *Tiền Phong*, *Tuổi Trẻ* (thành phố Hồ Chí Minh), *Sài Gòn giải phóng*... Vẫn thường xuyên thăm hỏi, trợ giúp Phùng Gia Lộc, chưa kể Hội văn học nghệ thuật Thanh Hoá là chỗ gần gũi Lộc hơn cả. Và

Anh ta còn dặn thêm :

– *Tổng chí sẵn sàng ló...*

Con quái vật ấy đi rồi, Cả Vinh suy tính gần trọn đêm. Sáng mai anh đến xin yết kiến tổng đốc Tôn Thất Dương khi ông vừa mãn giấc hoè. Anh trình lại chuyện Tào Thiết và yêu cầu bắt ngay “ong tay áo”, vì chính hắn là “cộng sản gốc”. Anh nói :

– Cụ lớn bắt hắn đưa sang sở cấm tra khảo, ắt sẽ lần ra manh mối cộng sản...

Tôn Thất Dương cười mũi :

– Tào Thiết không phải là cộng sản. Hắn thế ! anh cũng không phải là cộng sản nốt. Điều ấy chỉ làm cho sự kính trọng ngầm của ta đối với anh trở nên đố võ mà thôi. Hoá ra anh cũng chỉ là anh thợ trạm thực thụ mà thôi. Thôi, từ nay hãy cứ chuyên tâm với nghề nghiệp. Dầu sao đối với anh, ta vẫn giữ lại lòng luyến mộ tài hoa...

Cả Vinh rời sảnh đường quan tổng đốc với tâm trạng khoái chá. Tay võ sĩ *Quảng Đông bát kiếm* lánh mặt anh nhiều ngày. Rồi một hôm gã mò đến xem chạm trở nói cười lớt chớt :

– *Mờng cho inh đấy. Inh mà là cộng thảng thực thì chết cả ngộ, chết cả ni...*

Ngắm bức khảm có cảnh nước tú non kỳ, mái chùa thấp thoáng thuyền ngư ông ẩn hiện, từng cặp thiên nga vẫy vùng bơi lượn, gã luôn miệng khen đẹp.

– *Ngọc hồ băng...*

Nghe Tào Thiết lẩm nhẩm đọc mấy chữ trong bức khảm, Cả Vinh hỏi :

– Ngọc hồ băng là gì, hở anh Tào ?

– Là...là hồ Động Đình. Ngộ được đến đó rồi. Ở đó có món thịt ngỗng hầm nhân sâm thích lắm.

– Ngọc hồ băng nguồn gốc ở đâu ? Chữ của ai ?

– À à... Ngài Tôn Văn. Tôn tiên sinh nổi tiếng ló...

Cả Vinh phì cười trước một anh tào đốt.

– Anh mà cũng không biết câu thơ “*Nhất phiến băng tâm tại ngọc hồ*” thì đáng buồn — Tào Thiết ậm à chữa thẹn rồi xéo.

Cả Vinh xếp các bức chạm lại một chỗ chờ ngày lắp tủ. Anh chuyển công việc sang chạm trở các bức lèo, lắp trên các diềm. Việc này khó và mất nhiều thời gian hơn khắc chìm các hoạ tiết để khảm. Nhưng với tài hoa và đồ nghề tuyệt vời của Cả Vinh, những hình chim thú, hoa và cây cảnh nổi, hiện ra như có phép thần. Chúng không chỉ đẹp về dáng hình mà còn như có hồn nữa.

Bà tổng đốc phu nhân cùng chồng đến *quan xưởng* xem những bức khảm, những mảng lèo chạm khắc đã khen ngợi ra mặt. Bà rất khoái những con hươu, những chú sóc vừa bằng ngón tay trẻ con chạm khắc tinh tế, linh hoạt. Bà hỏi chồng :

– Tuyệt xảo thế này có thể sánh với thợ khéo kinh kỳ được chăng ?

Tổng đốc nhìn Cả Vinh :

– Ta muốn tiến cử anh về kinh sư để anh được trọng dụng nơi cung thất, anh nghĩ sao ?

Cả Vinh trả lời thật bất ngờ :

– Thưa đại nhân, tôi làm cái kỹ vật này cho ngài là để đền đáp ơn tri ngộ. Tài nghệ chỉ sinh tồn khi tâm thái người ta được cởi mở. Nếu ngài lại dâng tôi về kinh thì tài hoa lại hoá tai hoạ dẫn tôi đến cảnh chim lồng cá chậu. Đến nước ấy thì thà tôi quyên sinh còn hơn.

Tổng đốc không nói gì thêm, cùng phu nhân rời *quan xưởng*. Cả Vinh miệt mài công việc quên ngày tháng. Khi anh sắp hoàn thành sản phẩm, tổng đốc Tôn Thất Dương thân đến gặp Vinh phán bảo :

– Anh được tự do, kể từ giờ phút này, anh Vinh ạ !

Cả Vinh chưa thủng ý quan đốc nên đáp :

– Bẩm quan lớn, lâu nay tôi vẫn được tự do, cởi bỏ xiềng xích...

Tổng đốc nhún vai mỉm cười :

– Tự do ta nói đây là tự do tuyệt đỉnh kia. Anh được ra khỏi dinh ta, muốn đi đâu ở đâu tùy ý, muốn làm gì thì làm, không bị ai câu thúc, ràng buộc.

Cả Vinh nửa tin nửa ngờ nói :

– Nếu hiểu tự do theo nghĩa đó, thì trên đất nước người tây đang cai trị này

còn bao nhiêu bạn đọc trong cả nước nữa chứ, họ đã gửi thư, gửi quà, gửi tiền cho Lộc. Mà chủ yếu chỉ là vì bài bút ký *Cái đêm hôm ấy...đêm gì ?* Phùng Gia Lộc ơi, anh có biết bao điều không may mắn trong cuộc đời, nhưng để bù đắp lại, số phận đã mang tôi cho anh cái hạnh phúc lớn nhất mà một người cầm bút có thể có được : được người đọc yêu mến, quý trọng.

Phùng Gia Lộc sinh ra và lớn lên ở một làng quê ven bờ sông Mã, gần quê hai ông vua nhà Lê (Lê Hoàn và Lê Lợi). Lộc làm giáo viên trường huyện, rồi làm cán bộ phòng văn hoá huyện. Năm ấy, Đỗ Bạch Mai đang học sau đại học, đi thực địa sưu tầm văn học dân gian ở Lam Kinh (Thọ Xuân) nơi có một truyền thuyết lịch sử về Lê Lợi. Tôi đi cùng Mai, và nhờ chuyển đi ấy mà quen biết Lộc. Ngay nhất kiến, Lộc coi chúng tôi như bạn bè thân thiết. Vừa may, Lộc đang dựng một vở cải lương ngắn (do chính anh sáng tác) cho đội văn nghệ xã Lam Kinh. Suốt chuyến đi, Lộc không những đưa chúng tôi vào không khí *folklore* của vùng đất cổ kính ấy, mà còn cho chúng tôi thấy đời sống thực tế của người dân quê mình. Người ta không thể “bất ngờ” viết ra được *Cái đêm hôm ấy...đêm gì ?* nếu không gần bó, từng trải tất cả những buồn vui sướng khổ của người nông dân đích thực như Lộc.

Rồi đây, và có lẽ giờ đây, người ta quên đi những bài viết “nhất thời” như *Cái đêm hôm ấy...đêm gì ?* (Tôi cầu mong người ta sẽ không bao giờ phải nhớ lại những cảnh huống như *cái đêm hôm ấy* ở quê Lộc, người ta sẽ quên cả trong văn chương cũng như trong cuộc đời). Nhưng tư cách của một người cầm bút như Phùng Gia Lộc thì sẽ mãi mãi không bao giờ có thể bị quên lãng. Trước khi in *Cái đêm hôm ấy...đêm gì ?*, chúng tôi hỏi lại Phùng Gia Lộc một lần nữa : có nên ký bằng một bút danh nào đó không ? Lộc bảo : “*Ký bằng tên gì thì viết như thế họ cũng nhận ra tôi viết. Hơn nữa, nếu ký bút danh, tính chân thực của bài viết sẽ bị giảm đi*”. Lộc nói đúng. Tôi làm theo, mà trong lòng thì lo và buồn. Và khâm phục. Quả nhiên, sau đó gia đình Lộc ở quê gặp bao nhiêu rắc rối. Trong khi đó, từ khắp nơi, thư bạn đọc gửi về cảm ơn anh, ủng hộ anh. Những người bạn đọc ấy, hôm nay, khi biết tin Lộc không còn nữa, họ sẽ khóc. Và, những người bạn đọc ấy không ít đâu, Lộc ơi !

Hà Nội, 28.2.1992

(*Văn Nghệ*, số 10, 7.3.1992)



làm gì có. Tôi ra khỏi dinh này thì lại rơi vào sở cấm, vào nhà ngục, khác nào đời hang hổ, lại vào ổ sói...

Tổng đốc chau mày :

– Anh ngốc lạ ! Ta mến tiếc tài hoa của anh mới tháo cũi sổ lồng cho anh về đây thoát khỏi nanh vuốt sở cấm. Ta đã giải thoát anh thì ta ra tay đến cùng. Ta sẽ cấp cho anh tấm thiệp “ *thân nhân quan tổng đốc, bất khả xâm phạm* ” làm bùa hộ mệnh, hiểu chưa ?

Cả Vinh vẫn chưa hết băn khoăn :

– Bỗng nhiên quan lớn đưa tôi ra khỏi dinh, hay là...

Tổng đốc ngắt lời :

– Ta có chỉ dụ triệu hồi về kinh nhận trọng trách mới, quan án sẽ thay quyền tổng đốc. Ta sắp sửa bàn giao cho ngài...

– Bao giờ thì quan lớn và quý quyến hồi kinh ?

– Nội tháng sau...

Khoé mắt vị tổng đốc tự nhiên nhuộm đầy hoàng hôn. Ai biết được ông này đang có điều u uẩn riêng tư. Đương triều hoàng đế Bảo Đại trong dịp kinh lý tỉnh này thấy phu nhân tổng đốc rực rỡ như tiên nữ giáng trần, có phần quyến rũ hơn cả Nam Phương hoàng hậu, thì động lòng tiếc ngọc thương hoa. Việc triệu hồi tổng đốc về kinh trọng nhậm chức mới chẳng qua để đức vua đa tình thoả lòng quan chiêm người ngọc.

Cả Vinh nghe thời gian gấp ngật bèn thưa :

– Tôi xin giốc tâm lực hoàn thiện công trình của quan lớn rồi làm gì mới làm.

– Thôi được, tùy anh.

Tổng đốc thở dài lui gót. Cả Vinh dồn công việc của một tháng vào hơn một tuần lễ. Hơn một tuần không nghỉ trưa, không đi dạo, nửa đêm còn kỳ cạch gõ đóng. Khi cái tủ hoàn thành, anh nhẹ người như vừa sinh nở mẹ tròn con vuông. Tủ đánh bóng sáng như gương, rực rỡ như một kỳ quan đặt ở nơi trang trọng trong dinh tổng đốc. Cả Vinh được thưởng một lượng vàng và tấm lụa Hà Đông thượng hảo. Nếu không có việc cải nhậm, ngài tất mời đồng liêu thân hữu xa gần đến dinh ăn yến chiêm ngưỡng kiệt tác. Ông nói :

– Kỳ quan này ta biểu quan công sứ, hẳn ngài thích lắm.

Phu nhân nói :

– Quan công sứ mang về mẫu quốc

thì hoài mất.

Tổng đốc phật ý bảo :

– Phu nhân nghĩ thế không phải. Mình không dùng, thì người khác dùng, có mất đi đâu mà hoài. Ngài mang về nước thì người bên đó mới biết được tài hoa của người Nam mình càng hay. Đã là kiệt tác, là kỳ quan thì thành của chung nhân loại. Ất sẽ trường tồn.

Tổng đốc Tôn Thất Dương cùng bầu đoàn thể tử về kinh. Công sứ Đờloa nhận cái tủ biểu thì mừng rỡ, xem như vật gia bảo. Quả nhiên viên công sứ này đã đem nó ra phô bày ở hội chợ đấu xảo hàng tỉnh cho công chúng xem và lấy giải thưởng “ sản phẩm tuyệt mỹ ”. Công sứ Đờloa không thực hiện được ý định đem kỳ vật này về nước vì người Nhật đã hạ thủ lão trong biến cố 9-3.

Cả Vinh biệt tấm tích khá lâu. Mãi về sau người ta lại thấy anh xuất hiện chỉ huy đánh chiếm các dinh tỉnh đường như toà công sứ, sở cấm, các dinh lũy của tổng đốc, án sát, bố chính.

Cách mạng tháng tám thắng lợi, Phạm Đắc Vinh tức Cả Vinh, người thợ chạm khắc kỳ tài trở thành một cán bộ lãnh đạo có năng lực và uy tín lớn trong tỉnh. Ông làm chủ tịch uỷ ban kháng chiến kiêm hành chính một huyện lớn mấy năm cuối của cuộc kháng chiến chống Pháp. Hoà bình lập lại, ông chuyển đi làm bí thư huyện uỷ một huyện lớn khác. Không hiểu sao, lúc cải cách ruộng đất, ông bị địa phương gọi về kết tội chui luồn vào Đảng, chống phá cách mạng và lĩnh án tù chung thân.

Cả Vinh đi tù thật sự. Trong nhà ngục của chế độ mới mà ông hết lòng mến yêu, góp phần tạo dựng, Cả Vinh viết lá thư tuyệt mệnh dài để lại rồi lấy mảnh

chai rạch bụng moi hết ruột gan ra tự vẫn ; ông nói mấy lời lúc hấp hối :

– Ruột gan tao sạch sẽ tươi thắm nhường này, sao chúng nó dám phao vu kết tội là tao đen tối, phản động chống phá cách mạng...

Cái chết của ông Phạm Đắc Vinh đã gây đau nhức dư luận trong và ngoài Đảng một thời. Nửa thế kỷ vật đổi sao dời, công sứ Đờloa hồi hương dưới dạng hài cốt, tổng đốc Tôn Thất Dương đã mồ yên mả đẹp ở Tua-ran, án sát Khiếu Hữu Kiên cũng đã thịt nát xương tan, Phạm Đắc Vinh tất tần tật đã trở thành người thiên cổ.

Tôi đến gia đình họ xem lại cái tủ lần nữa, cùng mấy người bạn làm bảo tàng tỉnh. Được phân tích, chỉ dẫn thêm các mặt, tôi càng thấy giá trị của nó, có thể xem đó là di sản của lớp người bất hạnh.

1990, ngày con cuộc gọi vào hè

Phùng Gia Lộc

¹ Ty rượu độc quyền của nhà nước thực dân (Régie d'alcool)

quảng cáo

Đánh chữ và lên trang tại liệu đủ loại bằng máy vi tính Macintosh

TIẾNG VIỆT-PHÁP-ANH HÌNH ẢNH VẼ HOẶC CHỤP ĐEN TRẮNG HAY MÀU

Phụ trách in ấn giá rẻ

- 15 %
TRONG VÒNG MỘT NĂM cho bạn đọc mua dài hạn báo điện tử

Trình bày mỹ thuật • Làm in kỹ lưỡng • Giá cả phải chăng

LEKIMPRESS

13, rue Truillot, Esc. C 11, 94200 Ivry-sur-Seine
Xin liên lạc trước qua dây nối • Hỏi : Lê Kim
Tel. (1) 49.60.62.19 • Rép. (1) 46.72.50.96 • Fax (1) 49.60.62.19

Nguyên câu này là lời nói của Phật Thích Ca rút trong kinh Prajnaparamita : “ GATE GATE, PARA GATE SAMGATE BODHI SVAHA ! ” nghĩa là “ Đi, đi với những loài vật có tri giác, đi từ u mê cho đến giác ngộ hoàn toàn ! ”

Mme Nguyễn Việt Tú (Fosses)

[Xin cảm ơn bà đã cung cấp thông tin ấy cho bạn đọc. Khi đánh bài này, chúng tôi cũng nghĩ tới việc chú thích. Hỏi vài nhà Phật học, thì được biết là tất cả các dịch giả đều cố ý để nguyên âm, không dịch vì cho rằng âm hưởng của câu chú quan trọng hơn là ý nghĩa của nó. Trước đây, trong tâm kinh Bát Nhã Ba la Mật đa, câu này được phiên âm qua Hán-Việt thành : Yết đế, yết đế ! Ba la yết đế ! Ba la tăng yết đế...cũng vì vậy.]

Con cá con kiến

Con cá nó sống không chỉ nhờ nước, mà bởi/vì...nước. Giai đoạn “cấp bách” đã qua, nhưng con cá vẫn ở giữa dòng (ôi những dòng sông).

Tôi mong sao việc về lâu về dài, Diễn Đàn Forum và bạn bè của DD-F sớm nghĩ ra cách gây quỹ, làm ra tiền cho báo. Gây quỹ có ba điều lợi ích :

1) DD sẽ khởi sắc hơn, phong phú, tự cường (giàu nhân lực, máy móc, bài vở...)

2) Các bạn (những cây bút rường cột) sẽ đặt hết tâm trí vào sách – vở như các hàn sĩ ngày xưa có vợ/gia đình chu toàn trong ngoài, nên chỉ dốc tâm sức vào việc ôn kinh luyện truyện (đành rằng có tay nghề thì viết vẫn khéo ; nhưng tâm hồn thư thái, cảm xúc sáng khoái thì ngòi bút tự tại hơn, bạn đọc khoái hơn vì được đứng giữa mảnh vườn đầy hoa bướm, hương nhạc... hơn là đứng trên ổ kiến, hoặc tệ hơn — như ở vài tờ báo khác — trên một bãi mìn nổ chậm).

3) Có tiền được tiên (điều này nếu được hiểu ngoài nghĩa hạn hẹp của ngôn tự, cũng là việc mà kẻ sĩ, người trí thức cần lưu tâm hơn).

Còn bất lợi ? Dĩ nhiên có nhiều. Ví dụ : hùng mạnh thì có kẻ ghét ganh ; giàu sang có thể bị tranh giành ; *bô giai* đất gài thì có ngày bị...đánh ghen, vân vân và vân vân. *Nhất phiến tài tình thiên cổ luy* mà. Nhưng, các bạn cũng như tôi việc hôm qua và hôm nay đã bao lần minh chứng cần (và nên) bỏ ngoài... tâm :

*Con kiến không màu
bò lên hoa đào
rõ ràng áo mào :
thực hư đâu nào*

Nhập bút bằng con cá, tạm dừng bút bằng con kiến vậy.

Vô danh nhân, mùa phục sinh 92

Tái bút : xin kèm theo đây séc 1000 F (không phải tiền ủng hộ) đặt mua thêm hai năm báo Diễn Đàn, và, nếu có thể để Diễn Đàn gửi báo biểu cho vài bạn đọc ở những nước mà sách báo và phân phát (hay kiểm duyệt) vẫn là hai bà vợ đánh ghen nhau !

[Lời bàn của người đánh máy : phàm đã đọc báo, thì mua báo và viết kèm một lá thư duyên dáng vẫn hơn là đọc cộp mà vô duyên. Vậy có thơ rằng : Con cá mà đậu cành cao, Ngáp ra ngáp vào lộn cổ xuống ao. Con kiến mà bò cành đào, Bò ra bò

vào quên trả tiền bao (theo truyền thống Thơ Bút Tre, xin đọc là báo)]

Điều tâm đắc

Trước kia khi còn ở Tiệp Khắc tôi có được đọc một vài số Đoàn Kết ấn phẩm cũ của các anh qua một anh bạn quen có người nhà ở Pháp, nói thật là với con mắt nhận xét hồi đó, đọc xong tôi có cảm tưởng như đang đọc tờ Đại Đoàn Kết ở Việt Nam vậy. Lập trường trung dung, có phần quá nghiêng về phía bên kia, phê bình có, chỉ trích cũng có nhưng về căn bản, thực chất vấn đề dân chủ đa nguyên cho Việt Nam thì hình như báo không đả động tới. Cho đến khi tờ Diễn Đàn Forum ra đời, cầm tờ báo trong tay, tôi rất lấy làm thích thú ngay từ số đầu ra mắt. Điều làm tôi tâm đắc nhất là lập trường của Diễn Đàn rất gần với tâm tư suy nghĩ về đất nước của phần lớn anh chị em “ tị nạn mới ” từ Đông Âu, là những người trưởng thành ở miền Bắc., không hẳn học cực đoan quá khích như một số tờ báo Việt ngữ hải ngoại khác, ví dụ như bên Mỹ chẳng hạn (...)

Cuối cùng cũng xin nói thêm để các anh thông cảm một chút về khả năng tài chính eo hẹp của một người mà ngoài sự ăn uống ở nhà tập thể trong trại, mỗi tháng chỉ được lĩnh 170 DM tiền tiêu vật như tôi, thì tiền mua báo một năm là 80 DM quả là một vấn đề nan giải. Nếu có thể được bớt cho chút ít tiền mua báo tôi rất cảm ơn.

L.H. (Stolzenau, Đức)

[Nhu chúng tôi đã viết trong thư riêng gửi anh, Diễn Đàn xin gửi tặng anh một năm báo. Khi nào điều kiện tài chính cho phép, anh trả cũng được. Chúc anh và các bạn sớm ổn định cuộc sống]

Hộp thư

Giáo sư Nguyễn Huy Bảo (Paris 14) : chúng tôi đã nhận được thư và bài Lại bàn về Trí thức, xin thành thực cảm ơn bác. Vì trang bạn đọc số này quá dài, chúng tôi xin phép hoãn sang số sau.

Phiếu mua dài hạn báo Diễn Đàn

Tên họ.....

Địa chỉ

.....

.....

ghi mua 1 năm báo Diễn Đàn kể từ số

Kèm theo đây ngân phiếuFF để tên DIEN DAN gồm:

..... FF là tiền mua báo (Pháp : 250 FF ; Châu Âu ngoài

Pháp : 280 FF ; DOM-TOM thuộc Pháp và các nước khác :

330 FF)

..... FF là tiền ủng hộ.

Xin gửi phiếu này và séc (hoặc *money order*) về Diễn Đàn, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (France).

Chú ý : bạn đọc ở Đức có thể ký séc 80 DM, để tên TRAN

(Bank : Stadt und Kreissparkasse, Sulzbach-Rosenberg,

Konto N° 21 09 700 BLZ 752 517 80), và gửi về địa chỉ :

TRAN, Am Stadtpark 6, 8458 Sulzbach-Rosenberg.